

Tây-qui trưc chi... / do bôn
tàu của Cu si Châu Mông
Nhàn hiêu An S... ; Kiêm Huê
Tu [dich]

Châu, Mông Nhàn. Auteur du texte. Tây-qui truc chi... / do bôn tàu của Cu sĩ Châu Mông Nhàn hiệu An S... ; Kiêm Huê Tu [dich]. 1930.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

4 et 1/2 ligal
800000
1920
INDO-CHINOIS

1463

5519

安士全書

AN-SI TOÀN-THƠ



TÂY - QUI TRỰC - CHỈ

ĐO BỒN TÀU CỦA CƯ-SĨ CHÂU-MỘNG-NHAN
HIỆU AN-SI LÀM BỘ TÂY-QUI TRỰC-CHỈ
SÁCH LÀM LÀNH TỬ TÍNH-ĐỘ
(NIỆM PHẬT)

KIỀM-HUẾ TỰ

KIẾT-MA CHÁNH-QUẢ

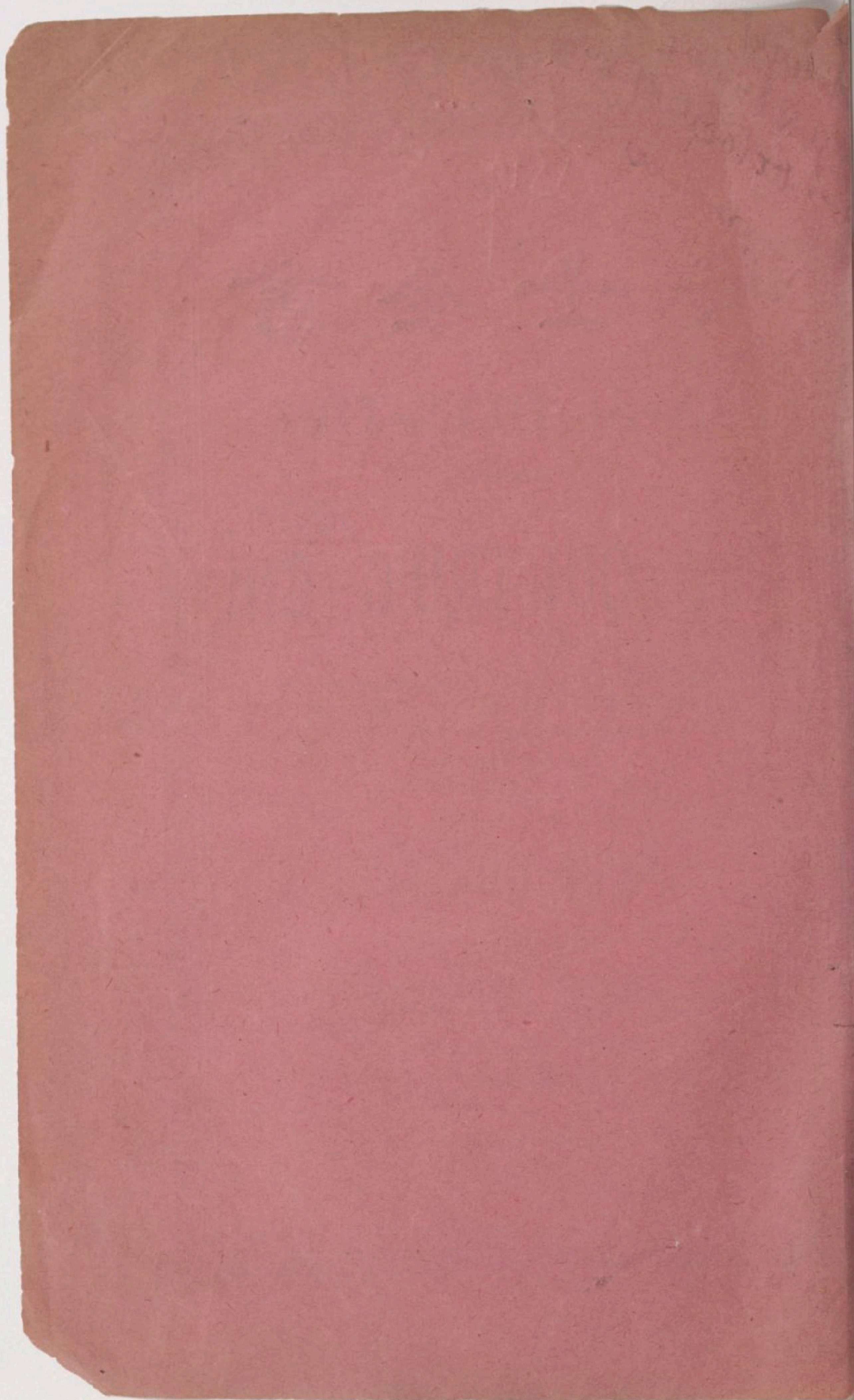
SADEC (Cochinchine)

In lần thứ nhất

Saitec, Imp. Hovan



1463



安士全書

AN-SĨ TOÀN-THƠ

TÂY - QUI TRỰC - CHỈ

DO BỒN TÀU CỦA CƯ-SĨ CHÂU-MỘNG-NHAN
HIỆU AN-SĨ LÀM BỘ TÂY-QUI TRỰC-CHỈ
SÁCH LÀM LÀNH TU TỊNH-ĐỘ
(NIỆM PHẬT)

KIÊM-HUÊ TỰ

KIẾT-MA CHÁNH-QUẢ

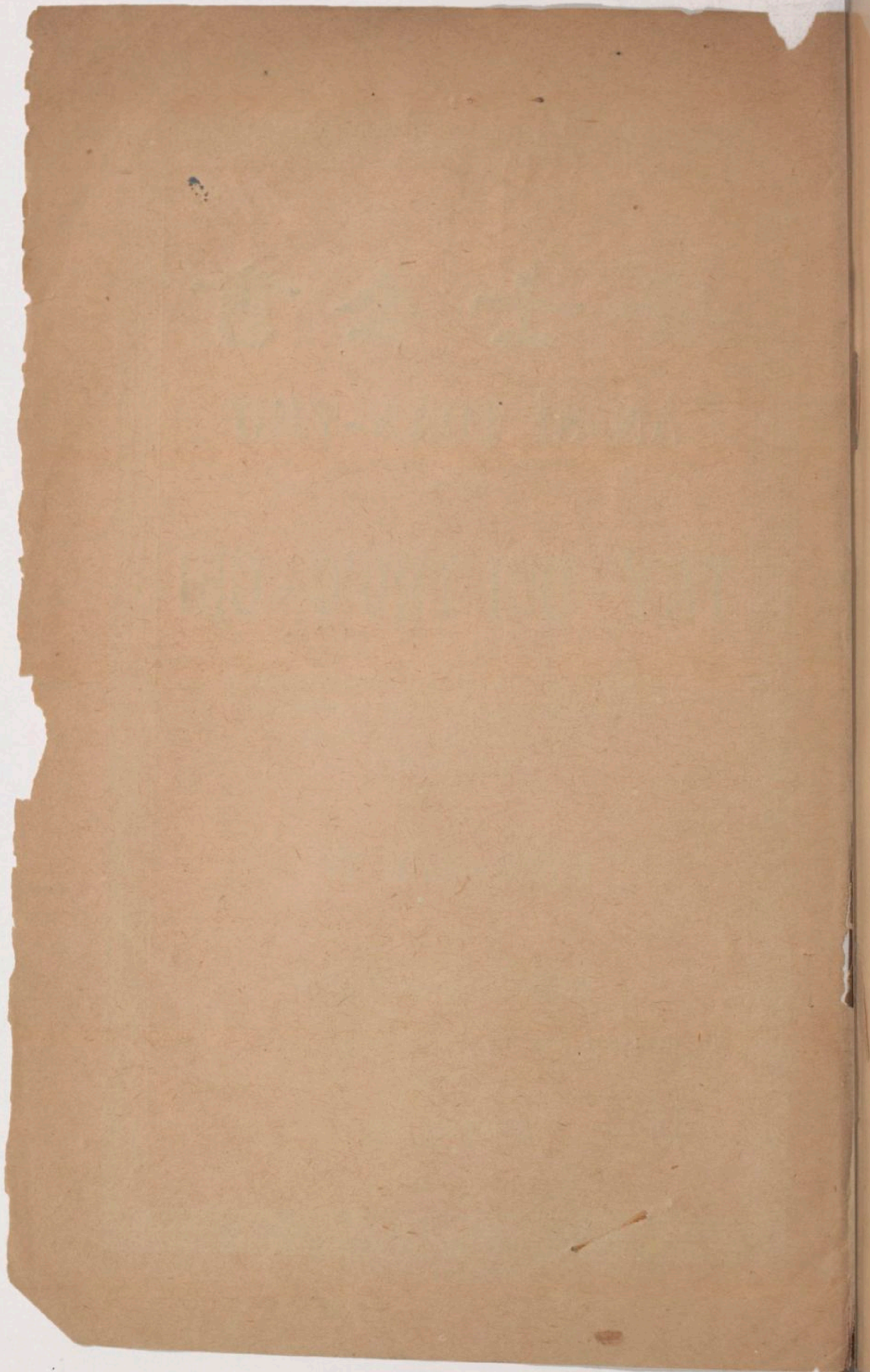
80 Indoch

SADEC (Cochinchine)

1463

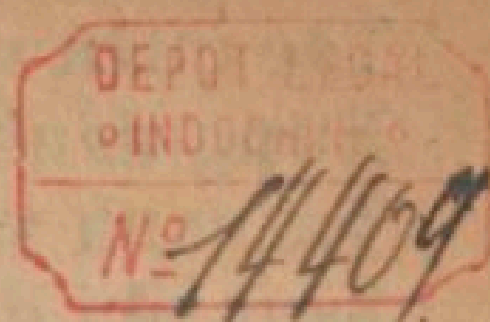
In lần thứ nhất





Mục Lục.

CUỐN THƯ



An-sĩ truyện.

Tây phương hữu thập chương thắng.

Liên-trì đại-sur, phổ khuyến niệm phật.

Niệm phật cứu chương thắng.

Tam giải.

Tứ sanh.

Lục đạo.

Thất chương bất tịnh quan.

Tam chương nhưn tất định vãng sanh.

Phát ngũ chương tâm, quyết định vãng sanh.

Cửu tướng quan.

Bạch cốt quan.

Thất khả tích.

Lời bạt kinh Tây-qui.

CUỐN NHỨT

Tịnh-độ cang yếu.

A-Nan khai thỉnh.

Phật độ song phiêu (tiêu).

Pháp-Tạng nhưn địa.

Nguyện mãn thành phật.

Tứ thập bát nguyện.

Như-lai đặc danh.

Đường, vô, bửu-trì.

Thiên-nhạc, vô hoa.

Trì ngân hoa thọ.

Thọ, vòng tuyên âm.

Đức thủy, hương hoa.

Điều tuyên kệ tụng.

Cảnh tượng thù thắng.

Tự nhiên âm thực.

Tùy nghi tu tập.

Âm dung tương mạo.

Tác quán niệm phật.
Xưng danh kiến phật.
Tri danh vãng-sanh.
Sanh phi dị sự.
Mạt hậu phủ chúc.
Tu-trì pháp môn.
Thập niệm pháp môn.
Báo ân pháp môn.
Trợ duyên pháp môn.

CUỐN NHÌ

Nghi vấn chĩ Nam.
Độ sanh nghi cấp đẳng.
Tự tánh duy tâm, đẳng.
Phật độ phi nhứt đẳng.
Vô-sanh vi tôn đẳng.
Xả khổ thủ lạc đẳng.
Hiên chất thiền tịnh đẳng.
Tiên kiến Di-Lặc đẳng.
Cảm ứng nan tất đẳng.
Phước khinh nghiệp trọng đẳng.
Tịnh duyên nan trí đẳng.
Phát nguyện độ sanh đẳng.
Tu trì dị, đồng đẳng.

CUỐN BA

Khải tín tạp thuyết.
N hư-N hư khuyên tu-hành văn.
Lý chương cánh thậm ư dục.
Tiên yếu tri tam thê chi thuyết.
Yêu minh hơn quả chi lý.
Khổng tử tất thuyết tam thể,
Vật dĩ đoán mạng tự dĩ.
Bất khả ải kỳ kiên văn.
Tạng-Kinh bất khã bất độc.
Trang-pháp-sư, thiện ư khã phát.
Nhục khu sanh yểm ly tâm.
Đại hiếu bất nguyện nhập thai.

Đại quơì nhơn tu tri tự tiềì.

Tầm kiến dụ.

Đoạn lam dụ.

Mả dụ.

Dả hồ dụ.

Qui cự Minh-vương.

Bộc đắì nga,

Song nội thắì (nhắì).

Điềì mã tứ pháp.

Nhơn đượ.

Hữì nguyên tất toạì.

Vì tắì, nghi tu Tịnh-độ.

Cao-tắì ưng tu Tịnh-độ.

Bất khả cam tâm tác quỉ.

Cửì loại giai đượì vắì sanh.

Niệm phậì vô uồì dụng chỉ lực.

Thắì sự vô như niệm phậì.

CUỐì TU

Vắì sanh sự lượ.

Bồ-tát vắì - sanh 10 tích.

Cao-tắì vắì-sanh 26 tích,

Ni-cô vắì sanh 5 tích.

Vượì-thần vắì-sanh 12 tích.

Cư-sỉ vắì-sanh 20 tích.

Đồì-tử vắì-sanh 5 tích.

Phụ-nữ vắì-sanh 17 tích.

Ác-nhơn vắì-sanh 3 tích.

Ác-thù vắì-sanh 4 tích.

Phụ La-thắì-Liên cư-sỉ truyệì:

Phụ Tĩì-Am pháp-sư khuyểì phậì bồ đề tâm

LỜì DẶì CẦN KIẾP.

Các hiệù Kinh kē công người của, xin các vị xem Kinh rồi để bàn, trang. Đừìg bỏ bắì dưới vắì giườì mà tội, bộ Kinh này để tại chùa Kiềì-Huế, xin các vị muốì xem đến mà thĩì, không tổn tiền bạc chỉ hết.

TÂY-QUI TRỰC-CHỈ

THUẬT CHƠN-DUNG ÔNG CHÂU-AN-SĨ.

Trước cuốn Tây-Quy có chơn-dung Châu-cư-Sĩ, (Mộng-Nhan) già cốp, mày bạc, râu bạc ba chòm dày bạc trung, tai dày đội nón. Người khách Triều-Thanh tay cầm cuốn sách (kinh). Có nhiều bài thơ trường-thiên để tặng đông người. Nhắm sự chẳng cần dùng, nên không dịch hao giấy. Nói tắc nghe đủ nghĩa thời thôi.

Hồ-đĩnh-Thần nói: (Mười năm trước, gặp chít-nội của ông An-Sĩ là Châu-thiếu-Dung, làm chức mậu-tài, cho tôi coi bản-chánh Tây-qui Trực-chỉ của ông. Sau Ông-thạch-Tâm hỏi chít ông, cho xem chơn-dung, xin khắc để vào trước kinh Tây-Quy..... Có cây Trương-nhi-Đáng để bài xưng tụng di-tượng (Hình để lại). Bài ấy 20 vắn. Châu-triệu-Canh tặng 8 câu ngũ-ngôn. Khuru-hồng-Nghiệp. Khuru-tôn-Cầm. Phương-bộ-Dinh, Châu-hiếu-Cai. Thích-tồ-Quang, Phùng-húc-Thắng. Ông-phụng-Chương. Ông-dại-thân với tôi, đều có đề thơ tặng di-tượng.

Đến sau Châu-thiếu-Dung mất phần. Tôi muốn khắc bản nguyên bản lại mà thêm di-tượng vô trước, kéo bản Thắng-Liên khắc in cũ ở xa lắm, vì thiếu số tiền nên đình đó. Đền nay nhờ Ông-phụng-Chương. Thăm tế-chi, chung tiền khắc bản in thí. Nên tôi đề sự tích cho rành. Hồ-đĩnh-Thần đề.

BÀI THƠ PHÙNG-HÚC-THẮNG TẶNG DI TƯỢNG

Xem tập Hoài-Tây đặt,	Tiên-sanh giọng có mùi.
Lời nhơn nhuần các vật,	Luận sát tỉnh tầy đui.
Hình tượng xem càng cảm,	Văn chương đọc rất vui.
Chúng-sanh nhờ vớt hết,	Phép Tịnh-độ nghe xuôi.

CHÂU-AN-SĨ CU-SĨ TRUYỆN.

Châu-mộng-Nhan một tên Tư-Nhơn, tự An-Sĩ xưng hiệu Hoài-Tây Cu-Sĩ. (Cu-sĩ tu tại-gia, mền Tây-phương). Hồi nhỏ là học-trò nho, ở núi Côn-lôn, xem thông bộ kinh Đại-Tạng, của phật Thích-Ca, thầy Tam-Tạng thĩnh về, bộ kinh 84,000 pháp môn, tu truyền nhiều cách. Song ông An-Sĩ mộ tin một môn Tịnh-độ, tu đề mà mau về Tây-phương nên xưng hiệu Hoài-Tây Cu-Sĩ. Hằng luận bàn sự tội nặng của người đời, nhứt là sát sanh, nhì là tà dâm, thiên-hạ phạm hết phân nửa.

Mới đặt hai bộ sách Giải-sát, Giải-dâm. Sách Giải-sát, hiệu Vạn-Thiện-Tiên-Tư. (Muôn lành về trước) lời luận thiết lẫm. Lại tự-thuật chuyện mình rằng: «Mỗi lần đi ngang qua đình miếu các vị thần, ăn mặn mà thành về sự trung, hiếu, liêm, tiết, nên còn hưởng huyết-thực». Thờì An-Sĩ lạy vái: (Xin tôn-thần phát-tâm tu niệm, đừng hưởng huyết-thực nữa. Mách-bảo cho làng xóm cùng chay, thường niệm A-Di-Đà phật, cầu siêu về Cực-lạc.

Tôi là Châu-tư-Nhơn, năm nay 24 tuổi. Thề từ nầy đến thác nếu giết một con cá nhỏ tép mòng, hoặc vợ con tôi, có giết một con trùng kiến, xin tôn-thần xem xét giết đi. và bạo Thiên-Lôi đánh nát mấy bản kinh của tôi đặt. Từ nầy tới thác tôi đến sông thấy cá, ngó lên thấy chim, không lo cứu độ, lại muốn giết chim, cũng phạt y lời thề trước. Nếu từ rày đến thác, trong lúc chiêm bao, vía tôi thấy ai sát sanh, mình không niệm chú cứu độ, lại khoái chí khen giúp, cũng phạt y lời thề trước).

Còn sách Giải-dâm hiệu Dục-Hải-Hồi-Cuồng. (Làm cho sóng biển Dục lặn-lẻ). Trước luận sự dẫu thai và đoạ Địa-ngục mà răn tà dâm ban dẫu. Kế đó chỉ các trùng vỏi đầy trong mình người, bỏ

ăn óc và mỡ trong xương, cho hân không thanh-tịnh.

Kể nửa giải rõ mỗi người máu mủ đàm ghen uế-trược chứa đầy như chỗ đi tiêu tiểu, cho biết nhóm ghóm mà giảm sự tà-dâm, ấy là trị chứng chỉ mũi. Kể đó dạy chín điều tương, thân người mới chết lạnh ngắt, kể tái xanh, sinh nhầy, nhĩ nước vàng, tanh thúi khó chịu, hoá giới ăn lúc-nhức tới còn một đồng cốt tăn. Tới lúc bảy hôm phơi xương, người dày thú đập. Nghĩ thân người bóng sắc ấy, sẽ ra như vậy, cho biết nhóm. mà giải lòng háo sắc. Nghĩ thân mình không biết ngày nào tới số, cũng ra như vậy, dặng lo tu, hết muốn cảnh tà-dâm. Lại đem mười hai khoản nhưn duyên trong kinh Pháp-Hoa, giảng rành sanh tướng, diệt tướng, tướng cho hết mê tà dâm. Rốt hết dạy cách tướng theo kinh, tướng mình lên Cực-lạc, trong ao thất bửu, sen nở rộ, phật Di-Đà ngồi trên toà-sen. tướng mạo trang-nghiêm tề chỉnh. Minh qui lạy phật, cầu về Tây-phương, tướng sự thanh-tịnh như vậy, cho tiêu lòng tà dâm, đều là phép sửa lòng hay lắm.

Ông lại có đặt sách Âm-Chất-Văn Quảng Nghĩa ba cuốn, là giải cho rộng nghĩa kinh Âm-Chất của đức Văn-Xương đế quân; và dọn một bộ Tây-Qui Trục-Chỉ bốn cuốn, chỉ thẳng đường về Tây-Phương, là cách tu Tịnh-độ, dễ và mau lắm. Ông sanh nhằm trào Thanh, niên hiệu Khương-Hy. Đến niên hiệu Kiến-Long năm thứ tư, lúc tháng giêng, ông đương mạnh, trời với con trong nhà rằng: (Ta sẽ về Tây-phương). Người nhà hỏi nhau hân nước cho ông tắm gội mà theo phật. Ông lắc đầu cười rằng: (Ta tắm gội đã rồi.) Cười nói dứt lời ngồi day mặt hướng Tây, chấp tay niệm phật xuất hồn. Nghe mùi thơm lạ nồng nực cả nhà. Lúc ấy ông 84 tuổi.

Tây - Qui Trục - Chi

CUỐN THỦ

TÂY-PHƯƠNG HỮU THẬP CHUỖNG THẮNG

Tại Tây-phương có mười việc quý hơn.

- 1^{er} Sen hoá hình-hài, phạm-tục thai bào, thua chẳng xiết.
- 2— Vàng làm đất cát, thế-gian tro bụi, sánh sao bằng.
- 3— Tướng mạo chiếu hào-quang, hình tục xấu xa đâu sánh nổi.
- 4— Lầu đài nguyên bửu-bối, dinh quan cây đá dễ so bằng.
- 5— Ăn-mặc sảng sàng, người tục chạy-lo cơ-khổ lắm.
- 6— Đi bay thông-thả, xác phạm lặn-lội mỗi mê chẳng?
- 7— Cỏi thọ thanh nhân, trần-thế luân-hồi đâu sống mãi.
- 8— Bận lành yêu kinh, nhơn-gian thù-oán luống than dài.
- 9— Phật rước dựa toà-sen, thương kẻ, quỉ giam vào địa-ngục
- 10— Minh về nương cảnh-tịnh, chạnh người nợ kéo tại Trần-gian.

20 khoản Liên-Trì đại-sur khuyên niệm Phật luôn.

- 1^{er} Giàu sang nhiều của tiêu-xài, dẫu nên niệm Phật.
- 2— Nghèo khó ít phần công-việc, cũng rán trì kinh.
- 3— Có con thể việc lữ hương, dẫu đành niệm Phật.
- 4— Không trẻ lo thân cui-cút, phải rán trì kinh.
- 5— Trẻ có lòng, nhờ việc dưỡng nuôi, phải lo niệm Phật.
- 6— Con chẳng thảo, lánh vòng oan trái, cũng rán trì kinh.
- 7— Không đau, lành mạnh đặng lâu, dày công niệm Phật.
- 8— Có bệnh, số phần sẽ tới, rán sức trì kinh.
- 9— Cỏi vạ hoạnh-hiu, lo niệm Phật.
- 10— Tai nạn thời-vận rán trì kinh.
- 11— Già gần thác, trì kinh kịp thuở.
- 12— Trẻ đương sung, niệm Phật dày công.
- 13— Đương úi, trộm thanh-nhân niệm Phật.
- 14— Ở không, thừa thông-thả trì kinh.
- 15— Rủi tại gia, đặng hưởng của mình, niệm mãi mau về Cực-lạc.
- 16— May xuất-thế, dẫu ăn cơm chúng trì kinh nhiều, chờ rước về Tây-phương.
- 17— Thông minh đặng hiểu, rán trì kinh.
- 18— Đốt nát khôn tường, lo niệm Phật.

- 19— Học luyện rảnh giờ đã toạ, phòng hờ tụng mãi Di-đà.
20— Tu tiên mộ đạo trường-sanh dự-bị niệm thêm lục-tự.

BÀI THƠ NIỆM PHẬT CHÍN ĐỀU QUÍ

Niệm phật chín đều dễ một câu.
Hai là tùy-hỷ chẳng kỳ đâu.
Ba cho lúc rảnh, không giờ khắc.
Bốn dụng lòng thành mặc khó giàu.
Năm tính phước nay tiêu ách nạn.
Sáu trừ tội trước hưởng dài lâu.
Thần nương là bảy, ta kiên tám.
Chín lúc lâm-chung, phật rước mau.

BÀI THƠ BA CỎI TRÊN THIÊN-ĐƯỜNG

Lại còn ba cỏi cảnh Thiên-Đường.
18 ngôi gồm cỏi Sắc-vương.
Sắc-giải thần-tiên theo tước lộc.
Không nam không nữ khỏi cang-thường.
Sáu ngôi, Dục-giải, tựa thế gian.
Một tám chung-tinh cũng thương nhớ.
Vô-Sắc-giải, trên cao bốn vị
Vô hình vô tướng tựa Tây-phương.

BÀI THƠ TỨ-SANH: NOÃN, THAI, THẤP, HOÀ.

Tứ-sanh, dễ con gọi Thai-sanh.
Đẻ trứng noãn-sanh cặp cánh lạnh.
3, nước. thấp-sanh tôm, cá, ốc...
Hoà-sanh đôn nhộng, lộn liền khoanh.
Dục-giải chúng sanh gồm đủ hết.
Tu hành đạo phật dặng vãng-sanh.

BÀI THƠ LỤC-ĐẠO: 3 ĐƯỜNG LÀNH, 3 ĐƯỜNG DỮ

Thiên-đạo A-tu-la-đạo, (Thần đạo A-tu-la-thiện-đạo, thần lành ăn chay. A-tu-la-ác-đạo, thần dữ ăn mặn.) Nhơn-đạo, Địa-ngục đạo, Ngạ quỉ đạo, Súc-

sanh đạo. Tuy Thiên-đạo là tiên, với thần đạo, hưởng hết phước, rồi cũng luân-hồi. Nên kêu chung lục-đạo luân-hồi.

BÀI THƠ CHUNG 8 CÂU.

Thiên-đạo: Thiên-đường bậc thánh tiên.
Loài người Nhơn-đạo, niệm mau thiêng.
Tu-la thiện-đạo thần chay trị.
Huyết-thực âm-binh vị dữ quyền.
Lộn kiếp súc sanh lên thế-giải.
Đói lòng Ngạ-quỉ dựa chùa-chiền.
Nếu sa địa-ngục cầm hành phạt.
Hết phước thần tiên lộn xuống liền (tiên phải đoạ).

THƠ BẢY THỨ CHẴNG SẠCH. (TỪ CHƯA SANH TỚI CHẾT),

Chẳng sạch bốn đều mới thọ-thai.
Dục tình là một, huyết thành 2.
3 Năm chốn uest, hôi tanh mãi.
4 Uống đồ nhơ, thấm tháp hoài.
5 Mới đề còn ba, chia uest trước.
Lại dầm dả trợn nhốm hình-hài (1^{er} ra chỗ dơ, 2^e vấy đồ dơ, 3^e iả dái).
Sáu là thân sống bao dâm phần.
Thác rử thây thi cọng bảy loài.

THƠ BA HẠNG NGƯỜI ĐẶNG VẮNG-SANH CHẮC

Ba hạng người này chắc vắng-sanh.
Thảo thân giải sát, trợn mười lành.
Hai gín qui giải, không sai chạy.
Ba độ người tu chánh-quã thành.
(Hưu:) Giải rút trong kinh Thập lục quang.
Phẩm người ba hạng đến Tây-phang.
Đã nuôi cha mẹ gín ngay thảo.
Không hại thú cầm lánh bạo tàn.
Trọng phạt pháp-tăng y luật cấm.
Giữ thân lòng miệng tránh đều ngang.
Tụng kinh niệm phạt, khuyên người khác.
Ba bậc, Di-Đà rước kỷ-cang.

THƠ PHÁT-TÂM 5 ĐỀU ĐẶNG VẰNG-SANH.

1^{er} nhảm Trần, 2^e Mộ cực-lạc, 3^e Trả ơn, 4^e sợ
Đọa 5^e Độ Đời

Nhảm-dời, khổ-nảo quyết tu hành.
Lòng dũ 5 đều phật chắc thành. Mong đồ xuân-
huyền như hữu-tướng.

(3^e) Muốn về an dưỡng sánh hồng danh.

(4^e) Sợ sa địa ngục vương tam ác.

(5^e) Nguyên toạ liên-dải độ chúng sanh.

Chĩ cã Mục-liên noi chữ hiếu.

Lotu Tịnh-độ cứ làm lành.

THƠ TƯƠNG CHÍN ĐỀU MÀ TRỪ HÁO SẮC TÀ DÂM

Tương thường chín việc xác tan - tảnh:

Thác lạnh như đồng; Kê tái-xanh!

Ba tại sinh-chương! Tư nước nhều.

5 Thêm hôi thúi! 6 giới doanh.

7 Tiêu hủ-nhục, gân còn dính.

8 Rũ liên-cân, cốt lại banh.

Thử chín mức xương bụn đất lộn.

Dừng-dung hết dăm sắc khuynh-thành.

THƠ TƯƠNG ĐỒNG XƯƠNG MÌNH.

Vợ, hầu, con, cửa, ruộng nhà, ơ?

6 Món lâm-chung bỏ lại đời.

Quý dân vong-hồn, không dễ độ.

Tu cầu phật rước lúc còn hơi.

THẤT KHÃ TÍCH, (7 ĐỀU ĐÁNG TIẾC).

1^{er} { Di-đa hằng nguyện rước, toà sen dư; nữ bỏ
biền ngời chơi!

{ Diêm-chúa chẳng tình riêng, roi-sắt thiếu;
lại nài cho đáng thử!

2^e { Chạm nữ mau tàn, lại mển kiề nơì phạm tục!
Hằng tươi chẳng rụng không xem qua cỏi
Tây-phương;

3^e { Chạy gạo hết gạo, chạy tiền hết tiền, lại nguyện
ở trần ai cho khổ nào!
Muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, sao chẳng
qua Cực-lạc đặng thanh-nhân.

4^e { Ai cho khỏi thác sao chẳng toan: Hồn sẽ về đâu?
Sống dễ đặng đời, mà chẳng độ: xác còn
xương đó?

5^e { Nhà bá niên đời đổi ruộng vườn sắm đồ chưa
bền, mong dành để vợ con giữ tạm.
Lầu thất bửu sẵn sàng, gia sản muốn chi có
nấy không dắc diu thân quyền ở chung!

6^e { Có bệnh sợ thác oan, tìm linh dược mà cầm
nhục thể!
Không đau hẳng sống mãi, chê liên-hoa chẳng
chịu hoà-thân!

7^e { Viễn thân bằng đạp sỏi, bạn di khỏi ngồi chờ;
dã mồi còn mong bằng bộ nửa!
Tu Tịnh-độ tại-gia, phật tìm qua rước lại;
chẳng xa sao cứ lắc đầu hoài??

Châu-an-Sĩ ở núi Côn-lôn, hòn Ngọc-phong núi nhỏ gần đó. Có đặt bốn hiệu kinh sách. Ai xem cũng gọi mình có doan có phước, mới gấp đặng kinh rút, chỉ đường tắt. Tin mà tu theo tịnh-độ. Nên xứ nào cũng khắc bản An-sĩ toàn thơ ấn-tống.

Duy có một hiệu Tây-qui Trục-chỉ, bị ông Giang-Thiết ở Ngô-môn bỏ bớt, không còn y nguyên bốn ông Châu-an-Sĩ rút ra. Bởi ông Giang-Thiết cải hiệu kinh Cang-yếu thời khác kiểu của ông An-Sĩ rồi. Đem thêm kinh Đại-di-Đà, với bốn mươi tám đều nguyên của Di-Đà.

Nay dịch thêm kinh Vô-lương-Thọ, với hai ông Cười họ Lâm, đặt thêm lời luận, khắc chung lưu truyền chê Cang-yếu trùng nhiều kinh nên bỏ

bớt, thời bớt hết bộ Tây-qui mới thôi. Nay may Châu-quân-Bảo ở Ngu-sơn, dâng nguyên bốn Tây-qui Trục-chỉ của ông Châu-an-Sĩ nhờ ông Thăng-Liên Cư-sĩ trời dặn con khắc bản ấn-thí. Ai thấy cũng mừng vô cùng.

Đều nói ông Châu-an-Sĩ chí nguyện đề sánh độ bốn hậu học nên chung nhau, khắc nguyên bốn lưu truyền dấu cũ. Ông Châu-an-Sĩ có đặt câu đối trước kinh Tây-qui Trục-chỉ như vậy :

*Nguyện tương Đông-độ tam thiên giải.
Tận chuởng Tây-phương cửu phẩm liên.*

THÍCH NÔM.

*Cỏi Đông-độ, ba ngàn trái khắp.
Sen Tây-phương chín phẩm trồng đều.*

Nên Ấn-tổng lưu truyền cho khắp thế gian, mới phỉ nguyện ông Châu-cư-Sĩ. Trào Thanh vua Quang-Tự, năm thứ 12 tháng giêng Dương-văn-Hội, tự Nhơn-Sơn, ghi lời bạt.

Tây - Qui Trục - Chỉ

CUỐN NHỨT

TỊNH-ĐỘ CANG YẾU (YẾU LÝ MỐI TU TỊNH-ĐỘ).

Phật thế-tôn (Thích-Ca), vì việc cả mà hiện ra đời. Thương chúng-sanh luân-hồi theo sáu đạo, trời lên lặn xuống chịu khổ khôn cùng. Nên nói kinh phân rành, mười phương đều có Phật. Song không vui cho bằng cảnh Tây-phương, nước Cực-lạc của Phật A-di-Đà độ về nuôi trọng thể thanh-nhàn. Nói cho người biết mà mến theo. Lại dạy phép tu Tịnh-độ rất dễ rất tiện mà mau thành Phật. Ai tu cũngặng, niệm Di-đà trùng cách, lâm-chung Phật rước về Cực-lạc, cho liên-hoa hoá-thân,

ngồi chín phẩm toà sen thành phật. Khác nào thả chiếc ghe-cửa rất lớn ra biển Sanh-tử, mà vớt những kẻ gần chìm nơi biển khổ sông mê! Chúng ta tiền-căn có tu, nay may gặp kinh Đại-Tạng, của Thích-ca Như-lai, dạy phép tu tắt cách Tịnh-độ này, không dám phụ ơn đức Thích-Ca Như-lai, nên đem kinh Tiểu-bồn Di-Đà, với kinh Đại-bồn Di-Đà, rút những câu yếu-lý mẫu nhiệm, thích giải cho rành. Ai coi cũng biết liền, gọi là cuốn Tịnh-độ cang-yếu giềng mỗi yếu lý phép tu tịnh-độ.

A-NAN KHẢI THỈNH (ÔNG A-NAN HỎI PHẬT).

Kinh Đại-bồn Di-Đà nói: «Ngày kia phật Thích-ca, dung nhan buồn khác thường. Đệ-tử là A-Nan hỏi: «Bạch Thế-tôn, vì cớ nào mà buồn»? Thích-ca nói: «Người hỏi lời ấy, mở mắt cho người ta diễn kinh Đại-bồn Di-Đà nên công-đức lớn hơn dung vật thực cho các vị phật, Thinh-văn, Duyên giác và bồ thí, cho các thần tiên với nhơn dân đến loài bò, bay máy cựa, tới mấy kiếp, cũng hơn trăm ngàn muôn phần, tại sao vậy? Dầu các thiên-tiên vua chúa nhơn dân sắp xuống đến vật bò bay máy cựa, đều nhờ câu hỏi của người, mà đặng siêu thăng về Cực-lạc tịnh-độ hết.»

Cứ theo lời đó, biết phép tu tịnh-độ, chẳng những làm nấc thang chiếc thuyền độ loài người. Cũng là bè báu đưa chư thiên các tiên lên Tây-phương nữa. Chớ coi như sự tầm thường.

PHẬT-ĐỘ SONG PHIÊU (TIÊU HAI CỎI PHẬT ĐỀU NÊU)

Kinh Tiểu-bồn Di-Đà nói; «Khi ấy Thích-Ca nói với ông Xá-lợi-Phất rằng: «Từ đây qua hướng tây, cách mười muôn ức cõi phật, có nước Cực-lạc, đức phật nước ấy, hiệu là A-Di-Đà, nay đương giảng dạy tu Tịnh-độ Xá-lợi-Phất này? Cớ nào nước ấy, gọi là Cực-lạc? Bởi người nước ấy, không có khổ nào, được hưởng các điều vui nên gọi Cực-lạc. (Vui lắm)!»

PHÁP-TẠNG NHƠN-ĐIÀ (Lý lịch ông Pháp-tạng).

Kinh Đại-bồn Di-đà nói; «Không biết bao nhiêu kiếp trước có ông phật ban sơ ra đời, là Thế-tu-Tại vương phật đi dạy độ người hướng tây, nhằm nước Đại-Quốc, ông vua Đại-Quốc cũng đến nghe giảng, tỉnh ngộ mộ đạo, giao

ngôi Vua cho đông-cung với các đại-thần cai-trị, vua the o thầy tu-hành, thầy đặt pháp danh cho vua là Pháp-tạng (nay thành đức phật A-di-Đà).

Khi ấy ông Pháp-tạng bạch với thầy; Minh nguyện n 48 đều, đều độ chúng sanh, độ thế cho thầy mà đến ơn thầy Cừ tu-hành tấn tới chúng bực bồ-tát, trong thời tu-huệ, ngoài thời làm phước. thông hiểu nghe thấy, biết hết việc thế gian Vì ngài nhập vô thai theo các loài người, các loài vật, cho giống hinh vóc, học tiếng nói, theo loài ấy cho thông hiểu, mà khu yên độ, dạy chúng nó tu-luyện cho thành phật, mà rước hồn về Tây-phương. Nên trên từ Thiên-đế, tiên thánh-thần, người, dưới tới muôn vật đều độ siêu về Tây-phương, mỗi loài cho có độ ít nhiều, cho đủ lời nguyện cả.

NGUYỆN MẢN THÀNH PHẬT.

(*Làm đủ lời nguyện mới chịu thành phật.*)

Kinh Đại-bổn nói: (Phật Di-đà trải khắp mấy triệu kiếp, tu hạnh bồ-tát! mà chẳng hưởng thanh-nhàn nước mình, tại Tây-phương, không nài cực khổ, nhập thai độ đủ các loài, đều có tu thành, đem hồn về Tây-phương, cho liên-hoa hoá-thân, mà cấp dưỡng. Vì trong tay ngài biến hoá tuôn ra y-phục phẩm thực mà bảo dưỡng, chư quan dân nước của Di-Đà độ đã thành phật hết, phụ nữ tu-hành, cũng cho liên-hoa hoá-thân làm trai, các loài vật trong nước cũng vậy, gọi là Nát-bản: Không đầu thai nữa, mà cũng không thác, cho nên cả nước người vật đều liên-hoa hoá thân, mới tới hằng-hà sa-số phật, (nhiều như số hột cát sông Hằng-hà) lại còn độ người vật các nước khác cho đủ sắc đem về nuôi dưỡng, cho đủ lời nguyện.

Làm âm nhạc nghe cho vui, và hoá cung đèn, hoá đồ càn dùng thượng-hạng cho người ở nước mình vừa ý vui lòng, mà tu luyện cho lên bậc phật. Từ ấy đặt tên là nước Cực-lạc, nghĩa là rất vui. Sau rước nhiều hồn người vật tu-hành đem về Cực-lạc mà nuôi, nên xưng một hiệu nữa là, nước An-Dương, (nghĩa là nuôi cho an lòng). Mới chia ra cho phân biệt rằng: (Cõi Cực-lạc nước An-dương).

Đủ lời nguyện 48 điều..... Mới chịu thành phật ở cõi Cực-lạc cứ lo tiếp dẫn những chúng sanh niệm-minh mà tu theo phép, thời lâm chung đi tiếp-dẫn về Cực-lạc, cho liên-hoa hoá-thân, nuôi dạy tu luyện tham-thiền cho thành phật. Vì có rước hồn người tu, nên Di-Đà xưng Tiếp-dẫn đạo-sư

TỨ-THẬP BÁT NGUYỆN.

(Giải 48 điều nguyện).

1^{er} Nguyện: Ta thành phật rồi, độ quan dân trong nước mình đều tu cho thành phật hết như ta, nội nước khỏi đoạ ba ác đạo (đường dữ) là địa-ngục, ngạ quỉ, ma đói, súc-sanh: (Luân-hồi đầu-thai làm loài vật. Vì loài vật trong nước Cực-lạc, đã độ tu thành phật rồi, hết loài bò bay máy cựa.

2^e Nguyện: Các phụ nữ trong nước ta, tu mãn đời rồi, hồn đặng hoá thân làm trai, cho hết phụ-nữ trong nước. Phụ-nữ các nơi khác, tu theo Tịnh-độ, lâm-chung rước hồn về Cực-lạc cũng hoá thân trai. Cả thấy tiên phạm người vật, nếu tu theo phép ta, rước về Cực-lạc, cũng cho liên-hoa hoá-thân, trong ao thất-bửu, (Bảy vật báu) làm hình trai. (Thất bửu là bảy vật báu, vàng, bạc, châu-đỏ, mã-nã, pha-lê, lưu-ly, xa-cừ, vì ốc xa-cừ tu ruột hoá hình người, bở vợ lại đó).

3^e Nguyện: Người trong nước ta muốn ăn trăm

món chi, ta đều hữu ý, hiện trăm món ấy, đựng trong chén bát thất-bửu, hiện trước mặt cho ăn uống no đủ, rồi chén bát liền biến mất khỏi rửa.

4° *Nguyện*: Người trong nước ta, muốn khăn áo y-phục, mào giày và vật dùng khỏi cắt may, khỏi nhuộm màu sắc và khỏi giặt phơi. Hãy muốn vật chi màu nào, ta biết ý, khiến bay tới cho thay đổi «Muốn theo kiểu nước nào cũngặng».

5° *Nguyện*: Trong nước ta, từ dưới sắp lên nửa lừng đều có nhà cửa, cung đền lầu các, ao suối cây hoa, đều là vật báu đồ thơm làm ra. Ai có công nhiều ở cao, công ít ở thấp, mùi hương thơm khắp mười phương. Nghe mùi thơm ấy đều ở theo nét phật.

6° *Nguyện*: Người trong nước ta kính yêu nhau chẳng ai ganh ghét, thù hềm chi hết.

7° *Nguyện*: Không ai dâm-dục, giận hờn ngu mê trong nước.

8° *Nguyện*: Người trong nước ta, đều làm lành, không làm lỗi, người này muốn nói chuyện chi, người khác đã biết ý trước.

9° *Nguyện*: Người trong nước ta, không nghe đều chi chẳng lành, có đâu thấy làm sự chẳng lành.

10° *Nguyện*: Người trong nước ta coi mình như không có chi hết, nên chẳng lòng tham.

11° *Nguyện*: Dầu tiên dầu phẩm tu về nước ta, chức lớn nhỏ khác nhau. Song hoá-thân thì đa như vàng-y mặt vàng xin đẹp, mấy muôn triệu kiếp cũng không hư minh vàng.

12° *Nguyện*: Ta thành phật rồi, dầu thiên tiên các cõi, cũng không biết ta sẽ sống bao nhiêu tuổi. Vì sống hoài trường sanh bất diệt.

13° *Nguyện*: Dầu tiên phật các nơi, có thần-thông cho mấy. đền cùng cọng cũng không biết phật lớn phật nhỏ trong nước ta số bao nhiêu.

14^e *Nguyện*: Người trong nước ta, đều sống hoài như ta vậy.

15^e *Nguyện*: Người trong nước ta, vui vẻ như sãi ở chùa, không biết lo lắng chi cả (gọi là lậu tận thông); Không tức, sắc, giận buồn.

16^e *Nguyện*: Người nước ta quả vị, ngay thẳng, không ngược xuôi, không sau ly biệt, sáu căn thanh tịnh, như tịch việc rồi.

17^e *Nguyện*: Ta thành phật rồi, giảng kinh độ người hơn các phật.

18^e *Nguyện*: Dạy người trong nước ta học, tức-mạng thông, biết rõ việc trăm năm ngàn muôn ức kiếp mình, như rõ việc kiếp này.

19^e *Nguyện*: Dạy người trong nước ta, học thiên nhân thông ngộ, thấy trăm ức thế giới.

20^e *Nguyện*: Dạy người trong nước ta, học thiên nhĩ thông, nghe thấu trăm ngàn ức thế giới. Phật cõi nào giảng kinh cũng nghe rõ mà làm.

21^e *Nguyện*: Dạy người trong nước ta, học tha-tâm thông, chúng sanh ở cách bao xa, lòng tưởng đều chi cũng biết hết, vài nguyện đều chi cũng biết hết, vài nguyện đều chi cũng hay.

22^e *Nguyện*: Dạy người trong nước ta, học thần-túc thông, trong giây phút vượt khỏi trăm ngàn ức thế giới.

23^e *Nguyện*: Ta thành phật rồi, danh đồn mười phương thế giới, các phật khen ngợi công-đức ta, và khen nước ta hơn. Sắp xuống tới loài cầm thú con-trùng, nếu nghe danh dự ta, lòng chúng nó đều mê, về Cực-lạc, ta cũng độ hết.

24^e *Nguyện*: Hào-quang trên đầu ta, sáng ra bội hơn nhứt nguyệt, trăm ngàn muôn phần.

25^e *Nguyện*: Ta thành phật rồi, hào quang chiếu khắp thiên hạ. Từ tiên phàm, tới loài vật thấy hào quang ta, đều vui lòng làm lành, đặng sanh về nước ta.

26° *Nguyện*: Nếu chúng sanh nhờ hào quang chiếu nhằm mình thời như thành tiên thánh Thiên-đường, (niệm đủ 30 vạn vãng sanh thời chiếu tới).

27° *Nguyện*: Mười phương tiên phàm muốn tu theo phật, chiếu trưởng trai theo luật ta, tu phép lục-độ bố-thí) tri giải, nhân nhứt, tinh tấn, thiền định, trí-huệ) muốn về nước ta, ta hiện trước mặt, đn về cực lạc Cho làm chức bát thối bồ tát. (Bực chót là chứcThịnh văn, học đủ lục-thông lên La-Hán.)

28° *Nguyện*: Tiên phàm mười phương nghe danh hiệu ta dung hoa, trai tặg, hoặc lập am chùa, nuôi sãi trưởng trai, theo luật giải cấm thanh tịnh. Tuy một ngày đêm niệm tướng ta, lòng không xao lãng ta cũng rước về Cực-lạc

29° *Nguyện*: Tiên phàm mười phương thế-giải, có lòng tin tưởng ta, muốn vãng-sanh nước ta, niệm danh hiệu ta mười lần, ta đên rước liền. Trừ ra tội chê-bai phép-phật, hoặc phạm tội ngũ-nghịch, thời, ta không rước» ngũ nghịch có năm tội nghịch là: nghịch trời, nghịch đất, nghịch chúa, nghịch cha mẹ nghịch thầy.

30° *Nguyện*: Chúng-sanh mười phương thế-giải, tuy phạm lỗi các tội nói trên đó..... Với các điều khác. Nay nghe danh hiệu ta, chiếu cải-ác tưng thiện, sám-hối, ăn-năn và lập-nguyện. Từ này sắp sau, sửa nết làm lành, giữ theo phép tu niệm, không phạm mười nghiệp dữ. Đền lâm chung, niệm tên hiệu ta mười lần, ta cũng đến rước, không cho sa đọa chốn tam đồ.

31° *Nguyện* Tiên phàm mười phương nghe hiệu ta, lay cầu tin đẹp tu theo phép ta, tiên phàm đều kính.

32° *Nguyện* Những phụ nữ nghe danh hiệu ta, cảm mến tu niệm, biết chê gớm thân gái nhơ-uề, Lâm chung ta rước về Cực-lạc, cho liên- cho hóa thân làm trai.

33° *Nguyện* ; Các bồ tát nước ta, còn muốn độ

người thành phật, muốn xuống cõi nào, ta cho thêm phép thần-thông mà độ chúng.

34. *Nguyện* : Người trong nước ta muốn đầu thai cõi khác y lời nguyện, cũng không phải đoạ.

35. *Nguyện* : Bồ-tác nước ta, muốn đem hương hoa phướn tàn tụi châu, các món dựng cho các phật mỗi nơi. Xin ta nội giây phút đều đưa tới đủ.

36. *Nguyện* : Bồ-tác nước ta, muốn muôn món, cúng mười phương phật các nơi, thời món nào cũng hiện sẵn.

37. *Nguyện* : Bồ-tác trong nước ta, giữ theo kinh pháp, thời có tài trí huệ, và khoa ngôn ngữ đệ nhất.

38. *Nguyện* : Các Bồ-tác trong nước ta, tài trí ngôn ngữ tường không xiết.

39. *Nguyện* : Bồ-tác trong nước ta, đặng sức mạnh, như Kim-Cang, mình đều sắc vàng-y, 32 tướng như tướng Thích-Ca, 80 cách đẹp.

40. *Nguyện* : Nước ta thanh tịnh, soi thấu mười phương thế-giới. Bồ-tác muốn xem dóm trong cây báu phía nào thời thấy cảnh phật phía ấy, hiện chiếu tại đó gọi là cây Đạo-trường.

41. *Nguyện* : Bồ-tác nước ta, dầu ít công đức, dóm trong các cây Đạo-trường, cũng thấy các cõi phật như vậy.

42. *Nguyện* : Trong nước ta, muôn món đều tin sạch, chói ngời, hình sắc xinh đẹp, Tuy có thần thông thiên nhãn cũng đếm không xiết. Và chẳng biết cho hết tên món gì.

43. *Nguyện* : Người trong nước ta trong lòng muốn nghe phép gì, đặng phép ấy.

44. *Nguyện* : Các Bồ-tác trong nước ta, đều có hào-quang như ta. Đi dạy và ngồi giảng kinh, coi cũng giống phật.

45. *Nguyện* : Bồ-tác mười phương, nghe danh hiệu ta, qui-y theo phép, đều đặng thanh tịnh rảnh rang lại đặng pháp tam muội đi cùng dường các hàng chư phật vô số.

46. *Nguyện* : Bồ-tác các nơi, qui-y theo phép, thêm nhiều thần thông.

47. *Nguyện* : Bồ-tác các nơi, qui-y theo phép, lên bực bất thối.

48. *Nguyên* : Bồ-tát các nơi, qui-y theo phép đặng ba lần pháp nhân đặng bất thối luôn luôn.
Phật Thích-Ca nói : «Lúc Pháp-Tạng thệ-nguyên 48 điều vừa dứt lời, đất động rung rinh hết thấy, trời sa bông báu đầy đất, nghe tiếng nói trên mây, rằng Chắc sẽ thành phật!»

NHU-LAI ĐẮC DANH (Phật Như-Lai xưng tên)

Kinh-Tiểu-bồn Di-Đà nói; «Thích-Ca hỏi:» Sao phật xưng hiệu A-di-đà? Xá-lợi-phất ôi? Bởi hào-quang phật chiếu khắp mười phương, và sống lâu không ngăn nào người trong nước cũng vậy, và phước đức lớn nên xưng hiệu A-Di-Đà

Kinh Đại-bồn giải rằng «A là sống lâu. Di là sáng lòa. Đà là phước đức. Nói phật sống, hào-quang sáng-lòa phước đức đứng trên bực.

ĐƯỜNG VỎ BỬU TRÌ (Nhà cửa, ao báu)

Kinh Đại-bồn nói: «Phật Di-đà, những nhà giảng, điện ờ đều dùng bảy món báu làm ra, cũng lấy bảy-báu làm ra lâu dài, cao lớn tường rào, tốt hơn chỗ ờ. Thiên-đế trên trời bá-bội. Bồ-tát thỉnh-ván ở cung đền cũng đều tốt vậy. Chức-lớn dân-nhỏ, muốn ăn món chi, thời có món ấy hiện tới. Nghe âm-nhạc, như nhau. Duy khác nhau một điều này: Kẻ bình sanh công tu nhiều, thời được lâu dài cao lớn, nổi trên thỉnh-không. Công tu ít, nhà cửa nhỏ thấp, ờ dưới đất mà thôi. Còn ngoài có ao suối một hai món báu làm ra. Như ao vàng, thời cát dưới đáy bạc, Ao thủy-tinh, thời cát dưới là lưu-ly. Hoặc ba bốn món báu, tới bảy món làm ra. Dưới đáy cũng là cát báu. Trong ao, gọi là nước bác công đức, nước có 8 cách quý; 1^{er} trong sạch 2^e mát 3^e ngọt ngon 4^e nhẹ

5^e trơn, 6^e khoẽ, 7^e đả khác, trừ đôi, 8^e bỏ lục căn; mắt, tai, mũi, lưỡi, mình, lòng. Mùi nước thơm ngọt như nước cam-lộ.

Lại có trăm thứ bông lạ, một nhánh ngàn lá, màu hoa đã lạ, mùi thơm khác nhau. Sự thơm tho khoẽ-khoăn, nói không xiết.

THIÊN-NHẠC VÕ-HOA (Nhạc trên trời và sa bông báu).

Kinh Tiểu-bồn nói: «Nước Cực-lạc thường nghe tiếng nhạc tiên. Dưới đất là vàng-y. Ngày đêm giờ nào cũng có bông Thiên-mạn, bông Đà-la, rơi xuống như mưa. Người trong nước, sáng ra lượm hai thứ bông ấy, bọc đem cho dân nghèo các nước ở gần, ăn trừ cơm, vì mùi ngon thơm lắm, và đi cúng dường, mười vạn ức phật ở các phương, đi thí hoa rồi! Tới bữa ăn về nước Cực-lạc mà ăn cơm giờ ngo.

TRÌ NGẠN THỌ HOA.

(Đường đi mé sông ao, đều có cây hoa)

Kinh Đại-bồn nói: «Đường đi dựa mé sông mé ao, đều có cây chiêm-đàn thơm ngát.» Bông Kiết-tường, và trái kiết-tường, sinh đẹp. Mùi thơm ngọt ngào. Năm sắc bông sen, đầy dưới ao báu. Lại có cây bảy thứ báu có hàng, mỗi cây đều có một hai món báu. Cây nào rắc ròn một món báu, thời rễ gốc nhánh lá bông trái một màu. Cây nào hai món báu hiệp lại, thời hai sắc bông trái.

Trồng ngay hàng như nhau, giao nhánh tề chỉnh, bông cũng ngang nhau, trái đều đối diện giáp vòng cả nước xem đẹp vô cùng.

THỌ VỎNG TUYỀN ÂM,

(Cây với lưới rung rinh thành nhạc)

Kinh Tiểu-bồn nói: «Nước Cực-lạc có hơi gió, thời bảy vòng cây rào ngoài, và các cây báu, với bảy giòng lưới báu, ngoài rào đều khua nhau, nghe như ngàn muôn tiếng nhạc, hòa một lần, nghe rất êm tai, vui lòng niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

ĐỨC THỦY HƯƠNG HOA

(*Nước quý, hoa thơm*)

Kinh Đại-bồn nói: (Ở Cực-lạc có ao báu lớn lắm,) để cho mà tắm, ai xuống tắm, muốn nước tới chung, hay là ngập đầu-gối, tới lưng, tới cổ, chỗ nước ấy đứng theo ý mình. Muốn mát ấm bức nào, cũng y theo ý muốn. Tắm rồi lên ngồi toà-sen, mà nghe tiếng nhạc, hít mùi thơm, cũng như các bồ-tát thịnh-văn. Xem hoa đẹp mắt, nghe tiếng nhạc, êm tai. Mùi hoa thơm khoê khoắn.

Ý ai hết muốn nghe tiếng nhạc, thời tiếng nhạc không dám vào tai, mà làm trái ý mình.

ĐIỀU TUYÊN KỆ NGŨ

(*Chim nói tiếng kinh luật*)

Kinh Tiểu bồn nói: (Nước Cực-lạc có nhiều con chim khác sắc nhau.) Hạc trắng, chim công anh-vỏ, (keo kết), Xá-Lợi, Ca-Lăng, Tần-Dà, Cọng Mạng. Bảy thứ chim ấy nhiều lắm, ngày đêm các chim ấy kêu giọng như ngâm kệ, giảng-kinh, tiếng thanh lãnh lót. Giảng đủ đạo lý, ai nghe cũng nhớ mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Các chim ấy, bởi Di-dà hóa ra, mà giảng kinh cho bậc sơ học nghe, chớ không phải chim thiệt,

CẢNH TƯỢNG THÙ THẮNG

(Phong tục từ tế hơn hết)

Kinh Đại-bổn nói; (Trong nước Cực-lạc, người hiền lành, đều sống đời đời kiếp kiếp.) Ở xa bao nhiêu cũng ngó thấy mà nói chuyện với nhau. Sắc diện xinh đẹp không xấu xa như hồi còn sát phàm. Sức mạnh thông thái, không ai què dốt. Trong lòng tưởng việc đạo đức. Nói ra những điều chánh lý, nên yêu thương nhau, không ai ganh ghét. Đều biết tiền-căn muôn kiếp, lại biết việc hiện-tại vị-lai, quá-khứ, cõi thế-gian biết hết cả thấy. Trong lòng người nào tính niệm chuyện chi, mình cũng rõ hết. Lại biết kẻ bị dọa, chừng nào sẽ đầu thai làm người. Người tu chừng nào sẽ thành phật.

TỰ NHIÊN ĂN THỰC (Ăn uống tự nhiên)

Kinh đại bổn nói: «Nước Cực-lạc tới giờ ăn cơm ai muốn ăn, chén bát bằng bạc, bằng vàng, bằng thủy-tinh, bằng lưu-ly, bằng châu-minh-nguyệt, châu-ma-ni, đều theo ý mình, Muốn ăn trăm món, cũng hiện đủ trăm món, cũng hiện đủ trăm bát: Ăn hết có thêm, thôi ăn thì đồ mất hết. Ăn rồi chén bát biến mất. Lâu lâu tiêu thực, lần bay ra hết mùi thơm, thời tới bữa ăn khác. Muốn ăn món gì, sẽ có hiện tới nữa, không thua ăn tiệc, ăn cỗ ngon hơn nhiều lắm, chẳng bao lâu đặng nên ngôi phật.

TÙY NGHI TU TẬP (Tùy sức tu thêm quả vị)

Kinh Đại-bổn nói: «Ai muốn ở dưới tụng kinh giảng kinh cũng tùy ý, đặng lần lên chức tu-dà-hoàn. Chức tư-dà-hàm lần lên chức La-hán, chức Bồ-tát, Bất thối bồ-tát. thời tòa-sen lớn lần. Bằng không tu thêm tự ý không ép.

ÂM DUNG TƯƠNG MẠO (*Tiếng nói hình dung*)

Phật Thích-ca hỏi ông A-Nan rằng: Kể ăn mày ở dựa đề vương hình dung sánh thế nào?» A-nan bạch rằng: «Ăn mày ốm o đen xấu vua chúa phi-mĩ trắng trẻo, sánh sao cho dặng.» Phật Thích-ca nói: «Đề-vương tuy quý, sánh với vua Chuyển-luân thời sút. Cũng như vua Chuyển-luân với Từ-dại thiên-vương, sánh cũng còn thua Thiên-đề, (Ngọc-đế phật kêu là Đạo-lợi thiên-vương, còn sút bồ-tát thỉnh văn, các người thượng-thiện của Di-đà vạn bội hình dung tiên, khó sánh phật như vậy.

TÁC QUAN KIẾN PHẬT (*Phép tưởng thấy phật*)

Kinh thập lục quan chép rằng: «Vợ vua Bà-ta-La là Di-đề-Hy hoàng-hậu. Vì con là A-xà-thế thí nghịch, nên hoàng hậu rầu, không muốn ở đời trần thế. Cầu sanh về Tây-phương cho thanh tịnh. Phật dạy mười sáu phép tưởng... Di-đề-Hy tưởng tưởng tới phép thứ bảy, ngó xa thấy Di-đà ở Tây-phương, Quan-âm châu tả, Thê-chí châu hữu, phật thọ-ký (làm dấu) và độ 500 thị nữ (vì cũng bắt chước tưởng) và nói với Di-đề-Hy rằng: «Người là xác phàm, lòng tưởng dơ lắm. Ta trợ cho người, mới dặng vắng sanh.

Thầy Liên-tri nói: «Phép tưởng khó dặng, chỉ bằng niệm 30 vạn câu Di-đà, với 30 vạn biến vắng sanh, để mà chắc có phật Di-đà rước lúc tới số lâm chung. Tọa thiền khó lại mơ màng nữa» (tọa thiền là ngồi tham thiền.)

XUNG DANH KIẾN PHẬT (*Vái tên thấy phật*)

Thích-ca nói kinh Đại Di-đà, nói đủ cõi Cực-lạc

nghiêm trang. Rồi bảo A-nan rằng: «Người đứng dậy sửa áo, chấp tay day mặt về hướng tây, cung kính vái lạy, ra mắt phật A-di-đà» A-nan nghe, lời chấp tay qui lạy vái rằng: «Tôi cầu nguyện cho thấy phật A-di-đà, với cõi Cực-lạc, cùng các bồ-tát, thánh-văn, chư phật cả thấy. Nam-mô A-di-đà phật» Vái lạy rồi, thấy hào quang chiếu sáng khắp hết! A-Nan thấy Di-đà ngồi cao vọi vọi như hòn núi bằng vàng. Thấy rõ cõi Cực-lạc trang nghiêm các phật đồng qua! Lúc này kẻ dui ở gần đó đều sáng. Kẻ điếc đều nghe. Đứa câm biết nói. Thằng nhót đi ngay. Địa ngục ngạ quỷ ngay đó đều đặng an vui. Thánh không nghe tiếng nhạc vang trời.

TRÌ DANH VẮNG SANH (Niệm Di-Đà, đặng vắng sanh)
(*Bộ kinh này yếu lý tại niệm Di-Đà không xao lãng*)

Kinh Tiểu-bồn nói: «Nếu có trai lành, gái tin, nghe nói phật A-di-Đà, tin mà niệm sòng, từ một ngày, hoặc hai ngày ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, lâu lắm là bảy ngày đêm, trong lòng không lãng, thời Di-đà chứng minh, rồi hiện xuống hoặc ứng mộng, mà làm tin, cho chắc ý. Chừng tới số, Di-Đà với các phật hiện trước mặt mình, lúc lâm chung, không mê mụi, không loạn tâm rối trí, tự nhiên tỉnh minh ngồi niệm phật, hồn theo Di-đà về Cực-lạc, đặng liên-hoa hóa thân». Phật Thích-ca lại căn dặn như ai tin thời phát nguyện cầu về nước Cực-lạc đó.

SANH PHI DỊ SỰ (Vắng sanh không phải việc dễ)

Kinh Tiểu-bồn Di-Đà Phật Thích-ca nói với ông trưởng-giả: Xá-lợi-Phất ôi! «Chớ khá tưởng kẻ ít phước đức, ít duyên phần mà đặng vắng sanh về nước Cực-lạc».

Trước phật nói: «Nếu không tin thời không phát nguyện, lập nguyện tu Tịnh độ mà niệm Di-Đà» Nếu không tin thời không phát nguyện sám hối niệm phật, cho phật chứng minh, phải là ít thiên căn, ít phước đức, ít duyên phần, nên tuy nghe mà không tin, tuy tin mà không phát nguyện tu hành lần lựa cho hết vắng sanh Tịnh-độ thời dễ về Cực-lạc lắm sao?

Châu-an-Sĩ tự thuật rằng «Đến chừng tụng kinh Di-dà tới câu này, rồn ốc ghê mình, có khi rơi lụy đầm dề, e mình ít căn lành, ít phước đức, ít duyên phần, tu không đặng trọn, khó nổi vãng sanh về Cực-lạc! Lâu lâu thông nghĩa lý, liền an-ủi lấy mình rằng: «May có căn lành, mới gặp phép tu tịnh-độ, đã sám hối phát nguyện, tin Di-dà, Thích-ca, nên trường trai giữ luật tụng niệm phải ít phước đức đâu, vì noi theo lòng từ bi của phật, khuyên độ người tu Tịnh-độ như mình. Nay thông hiểu kinh luật của phật, niệm thêm vãng sanh 30 vạn biến thời có hào-quang phật Di-dà hăng chiếu trên đầu mình hoài xui khiến đi đứng nằm ngồi, cũng niệm Di-dà mãi, phật đợi tới mãn phần mà rước, có ứng điềm cho mình thấy sự hiển linh, duyên phần ấy có mất đâu mà sợ, nên lòng hăng nhăm cõi trần khổ não, trông mản phần vãng sanh về Cực-lạc thành thời. Vì đủ số niệm phật 30 vạn câu vãng sanh cũng đủ số rồi, mỗi ngày niệm thêm mà cầu cha mẹ hồn đặng vãng sanh Cực-lạc, như vậy thiện căn, phước đức, duyên phần rất nhiều, lo chi lâm chung phật không cho biết trước ngày giờ, đến gần miền, rước hồn về tây-phương, liên-hoa hóa thân, mà ngồi bực tòa-sen hạ phẩm sao? Kinh Pháp Hoa nói: «biết rõ lòng vui mừng, chắc sau mình thành phật.

MẠT HẬU PHÚ-CHÚC (Dặn dò rốt hết)

Kinh Tiểu bốn Di-Đà: Phật Thích-ca nói kết với Xá-lợi-Phất rằng «Nếu có ai đã phát nguyện, (lập nguyện tu tịnh-độ rồi) Hoặc mới phát nguyện ngày nay. Hoặc chọn ngày sám hối tháng sau sẽ lập nguyện, dặng sau lâm chung sẽ vãng sanh Cực-lạc.

Thời các người ấy, đều chắc không ngã lòng sẽ tu tấn tới về Cực-lạc. Nhưng kẻ phát nguyện đã nói trên đó. Kê tu lâu đã vãng sanh trước rồi. Còn người gần vãng sanh bây giờ. Kê mới tu sẽ vãng sanh sau, đều không mất phần vãng sanh Cực-lạc. Xá-lợi-Phất ôi! Các người phải tin lời ta, mà tu Tịnh-độ rất dễ rất mau thành phật. Lời các phật khác cũng nói chắc chắn như ta vậy, tu Tịnh-độ dặng vãng sanh đủ mặt, không sót một người nào.

Người ở trong trần, như bị vây trong thành, mau kiếm ngõ ra mới thoát khỏi. May mở dặng cửa, mau chạy ra, thời về tới quê nhà. Bằng trễ nãi lồi thoi thời rủi lắm! Ví dụ như tu theo cửa Tịnh-độ, mà thoát khỏi luân hồi. Nhờ ơn phật Thích-ca từ bi, thương nhưn đạo bị luân-hồi, như bị vây trong thành gần phá. Nên xưng làm thầy (bổn-sư) dạy phép tu Tịnh-độ, là tu đường tắt, dễ mà mau, chắc thành hơn tham thiền luyện-đơn. Kêu người mau ra, cho khỏi luân-hồi lục đạo. Thiên-đạo là thiên tiên. A-tu-la đạo là thần. Nhưn đạo là người phạm, với Địa-ngục đạo, nga quĩ đạo, súc sanh đạo. Tuy tiên thần, hưởng hết rồi cũng phải đoạ xuống trần. bị luân-hồi, không dặng khỏi đoạ như phật Tây-phương. Mới gọi cõi Thiên-đường là thành tạm, chớ không bền bỉ như phật. Nên khoãn rớt kinh Di-Đà, Thích-ca dặn dò hẩn lắm. Chẳng những bảo tin lời phật Thích-ca lại còn đem các lời chư phật làm bằng chứng, bảo tin hẩn. E chúng sanh nghi mình bảo chuốc cảnh Cực-lạc của Di-Đà thái quá, và cách tu Tịnh-độ dễ thánh quá. Phật thương lắm nên dặn thiết lắm. Chúng ta

nhờ ơn thầy cả chung, là bổn-sư Thích-ca dạy dỗ, mới biết phép tịnh mà tu, không biết lấy chi báo ân cho xứng. Nên phải noi theo tứ hoằng thệ nguyện, bốn nguyện lớn, mà trả ơn chung, thời vắng sanh mới dặng. Nay chỉ rành phép tu Tịnh-độ ra sau đây.

TU TRÌ PHÁP MÔN (*Phép tu Tịnh độ*)

Mỗi ban mai, thắp đèn hương trên bàn Phật, đứng niệm mà lạy, hoặc gấp thời bài xá. Còn như đi lỡ đường, hoặc ở nhà người không thờ Phật, thì day mặt về hướng tây (ngay phía mặt trời lặn) niệm thầm mà xá cũng dặng.

THỌ-TRÌ TỊNH-ĐỘ NHƯ VẬY :

Đệ-tử (thiện nam, tín-nữ) họ tên
(pháp danh . . .) Tu Tịnh-độ, cầu sẽ vắng sanh Cực lạc. (Xá cặm hương, bài).

Chí tâm phượng vi tứ ân tam hữu, pháp giải chúng sanh đánh lễ.

Nam-mô ta-bà-thê giải bổn-sư, Thích-ca mâu-ni Phật (3 lạy).

Nam-mô thập phương, tận hư không giải, nhưt thiết chư Phật, (1 lạy).

Nam-mô thập-phương, tận hư-không giải, nhưt thiết tôn-pháp, (1 lạy).

Nam-mô thập-phương tận hư không giải, nhưt thiết hiền thánh tăng, (1 lạy).

Nam-mô tây phương Cực-lạc thế giải, tam thập lục vạn ức, nhưt thập nhưt vạn, cứu thiên ngũ bá, đồng danh đồng hiệu đại từ đại bi, tiếp dẫn đạo sư. A-di-đà Phật, (10 lạy).

Nam-mô Quan-thê-âm bồ-tát, (3 lạy).

Nam-mô Đại-thế-chí bồ-tát, (3 lạy)

Nam-mô thanh-tịnh Đại-hải chúng bồ-tát (3 lạy).
Bồ-tát từ hoằng nguyện, (4 nguyện lớn của bồ-tát).
Chúng-sanh vô-biên, thệ nguyện độ (Xá Nguyên độ
hết chúng sanh.)

Phiền não vô-tân, thệ nguyện đoạn (Xá. Nguyên
trừ phiền não giận hờn.)

Pháp-môn vô-lượng, thệ nguyện học. « Xá.
Thệ nguyện tu y kinh luật.

Phật đạo vô-thượng, thệ nguyện thành. « Xá.
Thệ nguyện tu tới thành Phật.

Lạy Phật rồi muốn tụng kinh Di-Đà hay là Đại-
bi như không tụng kinh cũng đặng, rồi phải
niệm Phật. Nghi niệm Phật như vậy.

A-Di-Đà Phật, thân kim sắc « Nước da như
vàng y. »

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân. « Tướng
tốt thông minh đệ nhất. »

Bạch-hào uyển-chuyển, ngũ Tu-Đi. «Hào-quang
chiếu bằng năm hòn núi. »

Hăm mực trừng thanh, tứ đại-hải. « Mắt dày
trong, soi thấu bốn biển. »

Quang trung hoá Phật vô số ức. « Trong hào.
quang hoá Phật vô số. »

Hoá bồ-tát chúng việc vô biên. « Hoá Phật bồ-
tát cũng vô số ».

Từ thập bát nguyện độ chúng sanh (48 nguyện
cả, độ chúng sanh

Cửu phẩm hàm linh, đặng bửi ngạn. (Độ lên
ngôi 9 phẩm toà-sen.)

Nam mô Tây-phương, Cực-lạc thế-giới tam thập
lục vạn ức, nhưt thập nhưt vạn, cửu thiên ngũ bá,
đồng danh đồng hiệu, đại từ đại bi A-Di-Đà Phật.
Rồi kể niệm lực-tự « Nam mô A-Di-Đà Phật.) bao
nhiều tự ý.

Nam mô Quan-thê-Âm bồ tát. (10 câu).

Nam mô Đại-thê-Chí bồ tát (10 câu).

Nam mô Thanh-Tịnh đại hải chúng bồ tát 10 câu

Hồi hương tây-phương, (bài cầu về tây-phương.

Ngã kim xưng niệm A-Di-Đà, (nay tôi khen niệm Di-dà chơn thiết công đức phật danh hiệu (thiết công đức xưng danh hiệu)

Duy nguyện từ-bi, ai tiếp thọ, (xin phật từ-bi thương độ.)

Chứng tri sám-hối, cập sở nguyện, chứng minh tôi nguyện ăn năn.)

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp, (thuở nay tôi làm các tội).

Giai do vô thí, tham, sân-si, từ kiếp trước, tham giận si-mê.

Tùng thân ý nghĩ chi sở sanh, vì mình tưởng, nói, mà ra tội.

Nhứt thiết ngã kim, giai sám-hối, nay tôi sám-hối chữa lỗi.

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, (cầu lúc tôi gần tới số.

Tận trừ nhứt thiết như chướng ngại, (đừng bịnh nặng mê mụi ngăn trở.

Diện kiểu ngã phật A-Di-Đà, (mắt thấy mặt phật Di-Đà .

Tức đắc vãng-sanh An-lạc sát, (rước về vãng-sanh Cực-lạc .

Ngã lý vãng-sanh bỉ quốc dĩ, (tôi đặng liên-hoa hoá-thân .

Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện, (mới là phỉ nguyện nhản tiền .

Phổ nguyện trăm-nịch chư chúng-sanh (cầu cho các kẻ trăm luân.

Tốc vàng vô lượng quang phật sắc « đều tu tịnh-độ theo phật.

Tự qui-y phật, đương nguyện chúng-sanh, thê
giãi đại đạo, phát vô thượng tâm — *một lay* .

Tự qui y pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm
nhập kinh tạng, trí huệ như hải, — *một lay*.

Tự qui y tăng, đương nguyện chúng sanh,
thống lý đại chúng nhưt thiết vô ngại — *một lay*
đủ rồi hết.

THẬP NIỆM PHÁP MÔN.

Ai gấp việc, ban mai niệm bảy nhiều .

Đệ tử (thiện nam) (tín nữ) họ tên... pháp danh
Tu Tịnh-độ. thập-niệm pháp môn cần sẽ vãng-
sanh Cực-lạc .

Nam mô Ta-bà thê-giải bốn sư Thích-ca mâu-
ni phật, (*một lay*)

Nam mô Tây-phương Cực-lạc thế giới, đại từ,
đại bi, tiếp dẫn đạo-sư, A-Di-Đà-Phật (*3 lay*).

Nam mô Quan-thế-Âm bồ tát, (*một lay*).

Nam mô Đại-thế-Chí bồ tát, (*một lay*).

Nam mô thanh tịnh đại hải chúng bồ tát, (*1 lay*)

Niệm: (*Nam mô A-di-Đà phật*) mười hơi. Mỗi
hơi dặng mấy câu cũng phải. Có thuộc lòng 16 câu
hồi-hương thời đọc càng tốt.

Phép thập-niệm pháp môn kê gấp việc, hoặc
kê dốt, mỗi sớm mai thắp hương niệm 5 hiệu phật
mà lay, rồi niệm 10 hơi Di-Đà, lay rồi ra cũng đủ.
Tối lay như vậy tốt nữa, Ai thuộc vãng-sanh thời
niệm mười biến, rồi đọc 16 câu hồi hương, Tây-
phương. Rồi lay mà ra, thời quý lắm. Ráng học
vãng-sanh, niệm đủ 30 vạn biến, có Di-đà ứng
điêm bảo hộ .

BÁO - ÂN PHÁP MÔN.

Cách trả ơn cha mẹ các kiếp trước .

Tu Tịnh-độ, phải giữ chữ hiếu làm đầu trăm lành .
Dầu cha mẹ kiếp nào cũng mang thai mười tháng, cho bú ba năm, ƠN NUÔI ƠN DẠY, kể sao cho cùng. Nay tu tịnh-độ, trả ơn cha mẹ kiếp này đã xong rồi. Còn các cha mẹ mấy trăm ngàn kiếp trước, mới bỏ qua sao ? Các cha mẹ kiếp trước, luân-hồi đoạ lạc thời nhiều, nếu chẳng xét kỹ, cũng như gà mẹ bị làm thịt, gà con ở xa không biết thăm thương, nói chi tới tiếp cứu. Nên niệm đủ 30 vạn hiệu phật. với niệm 30 vạn vãng-sanh phần mình rồi. Nếu mồ-côi cha mẹ sớm, nay không kịp độ tu. Hoặc cha mẹ còn mà tu-niệm không đủ số, vì già cả mỗi mê, thời mình lừa ngày sám-hối, phát nguyện niệm phật thế cho ông bà cha mẹ hiện tại. Còn mất trước rồi thời niệm thế như nói trước. Còn mấy thầy dạy mình đời nay, còn thời khuyên độ tu cho thành. Rủi quá vãng, cũng nguyện niệm thế cầu siêu. Đủ giờ mỗi ban-mai vái lạy niệm phật và niệm vãng sanh thế cho các cha mẹ kiếp trước, với thầy dạy mình các kiếp trước. Như còn cầm địa ngục, thời tiêu tội đi đầu thai. Đã đầu-thai tâm-thường thời đáng khá. Khá thời khá thêm nghèo nàn thời tai qua nạn khỏi, đỡ bớt 80 ức kiếp tội nghiệp. Đợi mình thành phật, học túc mạng thông, thời mới biết rõ cha mẹ với mấy thầy các kiếp tên họ gì, bây giờ ở đâu, tìm mà cứu độ cho đủ mặt, mới là đại hiếu.

TRỢ-DUYÊN PHÁP-MÔN

Vì trong chúng-sanh, và lục-đạo, không biết có bà con anh em mình kiếp nào lộn vô đó chẳng? Nên ban mai mình phải tưởng trong thế-gian, mỗi ngày sát sanh hại vật, thấy chắc bằng non, máu đổ sông biển, thương vật ấy là kẻ làm tội dữ, nên kiếp này mới luân hồi vô súc sanh đạo, má chiếu khổ. Mình cũng vái niệm phật thế với niệm vãng-sanh nhiều ít, cầu cho súc-sanh ngạ quỷ, địa-ngục, tiêu bớt 80 ức kiếp tội nghiệp. Đợi mình thành phật, học đủ lục thông, rồi sẽ trở về cõi trần, mà độ chúng-sanh- và súc-sanh lên làm người, tu lần -lần cho siêu về Cực-lạc.

Lại tưởng cả thấy nga-quỉ (ma đói) vì sự đói khát khổ não, trong họng ra lửa, xương kêu rầm rắc từ lóng, chịu khổ vô cùng. Lại nghĩ tới các địa-ngục, tám thứ lạnh tám thứ nóng chém bầm đốt xay, một ngày đêm, muôn lần chết đi sống lại chịu hành hình thảm khổ vô cùng. Bởi vì đời trước làm dữ, không tin kinh Phật, mà lo tu Tịnh-độ về Tây-phương, mới chịu luân-hồi khổ sở! Minh nên động lòng từ-bi, niệm Phật niệm vãng-sanh thế, mà cầu cho nga-quỉ với tội trong địa-ngục, giảm tội 80 ức kiếp. Đợi mình về Tây-phương sẽ hiện đến mà độ hết.

Phàm tu Tịnh-độ bất câu ngày nào, tùy sức giàu nghèo, làm lành bố thí, đãi đồ chay cho người tu. (trai-tăng) Hoặc lên cốt Phật phụ cúng lập chùa thờ Phật. Hoặc thi kinh, hoặc phóng sanh. Một mảy làm lành chẳng bỏ qua. Nhứt là khuyên người tu Tịnh-độ, cho vãng-sanh Cực-lạc.

TÂY-QUI TRỰC-CHỈ

CUỐN NHÌ

NGHI-VẤN CHỈ-NAM

(Sự nghi mà hỏi thời chỉ rành)

Kinh Hoa-nghiêm nói: «chữ tin (tin) là mẹ các công-đức trong đạo Phật, đầu cả thấy các cội-rễ làm lành. Nên 84.000 phép tu luyện đều nhờ chữ tin mà làm được. Còn người không tin sự phải, ví như mộng bị rang, giống dễ mục, không thuốc gì mà cho mọc lên được. Huống chi tu Tịnh-độ, niệm Phật mà đừng vãng-sanh, thiệt khó tin lắm? Ai cũng nói: có đâu mà dễ, và mau như vậy! Không tin nên chẳng tu theo» Xưa thầy thiền-sư rộng học tam giáo, có giảng Tịnh độ, lập lời vấn đáp (vấn nạn) hỏi cách khó trả lời . . . Rồi đáp lại rành rẽ . . . Như thầy Trí-giã ở núi Thiên-thai, lập mười khoản vấn đáp với Thiên-như lão nhơn, lập lời vấn đáp cách tu Tịnh-độ, Vương-thị-Lang, đặt tập Quyết-nghi (Giảng cho hết hồ nghi) Viên-lang-Trung đặt bài Tây-phương hiệp luận. Còn nhiều sách ngoài, kể chẳng xiết! Vì muốn cho người hết nghi, thời tu mới chắc, phép tu Tịnh-độ đừng về Cực-lạc.

Nay tôi biên góp những câu yếu-lý các kinh sách kể trên đó, và phụ thêm chỗ thấy của tôi, mà mấy chỗ thiếu sót, cho hết nghi nan, đặt hiệu là Nghi-Vấn Chỉ-Nam.

Dám xung dật gấm dặng nển văn,

Thiệt răn hái hoa mà nặn mặt.

1^{er} *Hỏi*: «Các vị phật cùng bồ-tát hay thương đời, thời đầu thai ở cõi trần mà độ chúng lên thiên đường, hoặc lên Tây-phương mới phải, sao lại lo tu tịnh độ, về Cực-lạc một mình dành bồ chúng sanh. Sao gọi lòng lạnh thương cả? Sao gọi đạo Bồ-đề.

Tri-Giã đại-sư đáp rằng: «Bồ-tát có hai bậc: Thứ nhất: Bồ-tát tu lâu, gần các phật, dặng phép nhần không sanh

Còn thứ nhì: Bồ-tát mới phát tâm, chưa gần các phật, chưa dặng vô sanh.

Bồ-tát thứ nhất tu lâu, phép thần thông nhiều, có oai lực lớn, nên làm chư thiên, làm tiên thần. Đầu thai làm đế làm vương, hoặc đầu thai làm người làm vật lộn theo nga-quỉ, mượn thai theo các loài mà độn loài ấy, tu theo mình, đều không mê mui, biết mình là phật, vì muốn độ loài ấy, nên nhập vào thay xác chúng nó.

Còn Bồ-tát mới phát-tâm tuy công hạnh sẽ thành bồ-tát, chơn tu mà chưa có phép thần thông, không có oai lực. Mình còn ở cõi Trần, trị bệnh mình chưa mạnh, dám mong cứu bệnh ai? Kinh Tri-độ-luận nói: «Còn xác phàm, tuy lòng từ bi cũng không thể dâm luân hồi nhiều kiếp, mà độ chúng» Tại có nào vậy? Vì cảnh Trần bị năm thứ trước, tiếng dâm, sắc tốt, tiền của, lợi lộc, giờ nào cũng ràng buộc. Sự phiền-não, cùng kẻ thù oán, hằng vây phủ. Nếu sẩy chơn, thời sa xuống: Dầu đầu-thai làm người, khó gặp phật ra đời. Dầu gặp phật, e lòng không tin mà tu. May tỉnh mà tu hạnh-đại thừa suốt gia, chớ sau đầu thai làm người giàu to sang cả, e mê Trần, mà chuộc tội cho nhiều! Nếu kiếp sau mắc đọa, giải sao cho khỏi. Nên kẻ trí huệ, muốn độ chúng sanh, trước phải lo tu cho thành phật. Nếu trong lòng không xao lãng, phật rước hồn về Cực-lạc cho liên hoa hóa thân, mình như vàng chắc cứng, lâu dài chẳng hư chùng đó mới dám đầu-thai theo loài mà độ như phật Di-

Đà ban sơ. Ví dụ: Muốn vớt kẻ té sông lớn, mình phải ngồi trên thuyền trên bè chắc vững mới vớt người dặng? Nếu lội khan ra ngoài khơi một mình! vớt người không dặng, mà lại chết chìm theo nữa, Không ích cho chúng mà hại cho mình! Đừng gọi không độ nóng là chẳng từ-bi. Đợi thành phật, mới dám đầu thai mà độ chúng sanh, thiệt là cách từ-bi khôn khéo, trí huệ lắm».

2^o *Hỏi*: «Các phép đều không, gọi là vô sanh (không sanh ra sự chi hết) Ở sự bình đẳng (công bình) lặng lẽ thanh tịnh là chánh phép tu đủ rồi. Sao lại bỏ phép này, mà cầu vãng sanh cách kia? Kinh nói: «Lòng thanh tịnh, thời cảnh Tịnh-độ» muốn cầu tịnh-độ, trước phải sửa lòng cho thanh tịnh. Sao không lo sửa lòng, mà lo cầu Tịnh-độ?»

Đáp: «Nếu gọi muốn vãng sanh Tịnh-độ, là bỏ này cầu kia, còn không muốn vãng-sanh, há chẳng phải bỏ kia cầu này sao? Nếu nói hai việc không cầu hết, là nói liều mạng. Bằng gọi cầu hết thời theo lòng tham như thê thường, chia hai hơn ngã hai tướng! Kinh Duy-Ma nói: Đả hay rằng: «Cỏi phật với chúng sanh đều không, Tịnh-độ phải tu mãi, dạy người thoát bụi hồng.» Vì vậy nên quyết tu, Tịnh-độ, cho vãng Cực-lạc, không trái phép vô sanh, Còn nói câu: «Lòng thanh thời cảnh tịnh» Câu ấy có lý và có sự: Nếu cứ lý thời người cầu vãng sanh, lòng thanh tịnh. Còn kẻ không cầu vãng sanh, lòng lại thanh tịnh sao? Còn như cứ theo sự: giữ lòng thanh tịnh mà ở cỏi Trần, sao bằng giữ lòng thanh tịnh, mà vãng sanh Cực-lạc? Huống chi kẻ ở cỏi trần. cầu thanh tịnh mà khó thanh tịnh. Còn kẻ ở Cực-lạc, tuy không cầu thanh tịnh mà thanh tịnh?»

3^e *Hỏi*: «Mười phương cõi Phật, công đức như nhau, tiêu điều chẳng khác. Sao chẳng niệm các Phật, mười phương, mà vắng sanh mấy cõi ấy? Cớ nào cứ cách riêng mà cầu vắng sanh một nước Cực-lạc của Phật Di-Đà?»

Đáp: Đả các cõi Phật mười phương cũng như một, không cầu quyết một chỗ, thời lòng xao lãng nhiều nơi, khôngặng nhứt định, không chia lòng xao lãng mới thành. Kinh Tùng-Nguyên vắng sanh nói: Ông Phổ-Quang bồ-tát, hỏi Phật Thích-ca rằng: Mười phương đều có cõi Phật, sao Thế-tôn riêng khen một cõi Cực-lạc Phật Di-Đà? Cứ dạy niệm Di-Đà mà quyết cầu vắng sanh về đó, là dễ thành hơn?» Đáp kinh Hoa-Nguyên nói: «Các vị Phật thể như một vị Phật, thí như mặt trăng tròn tỏ rạng chiếu xuống sông biển, hoặc vật chi có đựng nước, cũng thấy mặt trăng tròn trong nước in nhau. Nên niệm một vị Phật là Di-Đà, cũng như có niệm đủ các vị Phật ở mười phương thế-giới. Vắng sanh một cõi Cực-lạc khác nào vắng sanh các cõi Phật mười phương.»

4^e *Hỏi*: «Cứ như lời ấy, niệm một vị Phật cõi nào, cũngặng vắng sanh cõi ấy. Thiều chi vị Phật, mà nhứt định niệm một cách riêng, là cứ buộc niệm Di-Đà mãi?»

Đáp: «Cớ ấy có ba điều. Một là Di-Đà có lòng thương tưởng cõi trần, (Ta-Bà) nên xưa phát 48 nguyện, quyết tiếp dẫn những chúng sanh niệm Phật. Nên nay ai ở cõi Trần, có niệm Phật, thời phần nhiều niệm Di-Đà hơn. Sao chúng sanh phước mỏng, đạo Phật đả mỗn, các kinh lạc hết, mà kinh Di-Đà còn roi dấu cả trăm năm, là một cớ chắc chắn đủ tin lắm, Hai là vị bồ-như Thích-Ca,

dạy niệm Di-Đà làm gốc. Kinh Tam-Tạng, mười hai bộ, dạy nhiều phép tu luyện, khó trừ ra một phép cần hơn thứ nhứt, là Tịnh-độ pháp môn, cử niệm Di-đà, khỏi niệm phật khác. Nếu không phải cần dùng thiết yếu, sao Thích-ca cần dặn ba bốn lần.

Ba là các phật mười phương đã chứng minh. Bởi phép tu Tịnh-độ thiết ít ai tin, nên mỗi lần phật Thích-ca giảng kinh Di-Đà có mời các phật Như-lai mười phương đến chứng minh, cho đủ tin chắc chắn. Như vậy muốn tu Tịnh-độ cho đặng vắng-sanh Cực-lạc tây-phương. mà không niệm sòng Di-Đà sao đặng?»

5° *Hỏi* «Người phàm bị bó buộc làm nhiều điều tội dữ phiền não chưa dứt, một mảy phước đức chưa tu. Còn như Tây-phương Cực-lạc, khỏi ba cõi thiên tiên, quí hơn cõi Thiên-đường bậc thiên-đế thiên-tiên bá-hội. Lẽ nào người phàm mới niệm phật mà đặng về Cực-lạc?»

Đáp: «Nhờ phật Di-Đà rước, không phải tự nhiên sức mình tham-thiền mà qua nổi Cực-lạc, Thí dụ: Người què cẳng đi đường, đi cả-nhắc tối ngày, không đặng một trăm dặm. Nếu cho cỡi voi báu của vua Chuyển-Luân, đi một buổi ban mai, cũng dạo khắp cả trái đất trong thiên hạ. Còn như học trò thi, muốn gần đề-vương, thời mười năm đèn sách: thi hương tới thi tỉnh, thi hội cho đậu. Tới đình thí mới thấy dặng vua. Lại còn e rớt mà khó làm chức nhỏ. Nếu may, mà dẫu thai cho hoàng hậu, mười tháng thi gần cung đế-vương. Còn tu Tịnh-độ, nhờ phật Di-Đà tiếp dẫn, thê cũng như vậy. Nếu người tu hành, không học theo phép Tịnh-độ, cứ ý tham-thiền (luyện-đơn) tại cõi trần,

thời đầu thai hoài, tu không biết mấy mươi mấy kiếp, mà cũng chưa thành đặng chức La-Hán. Có đâu trông tới phẩm bồ-tát. Còn như tu Tịnh-độ, cho hết lòng đừng xao lãng, phật rước về Cực-lạc tu thêm Khỏi lo luân-hồi, chẳng bao lâu, thời thành La-Hán, bồ-tát. Tu tắt mau thành lắm. Ví như con một trong cây tre gần gốc, nếu bỏ lên đực từ mắt đực lần lên cho tới ngọn, thời lâu biết chừng nào, vì hết mấy chục mắt tre mới tới ngọn, còn phải đực ngọn mới ra khỏi. Ấy là thí dụ cách tham-thiền (luyện-đơn) khổ mà lâu vô cùng, còn e không thành nữa. Như con một chưa ra khỏi ngọn tre mà chết. Còn tu tịnh độ thiệt tắt nên dễ. Ví như con một ấy, đực dựa ống tre, không bao lâu, đã ra khỏi. Nên tu Tịnh-độ gọi là: hoành xuất tam giới, đi ngang rất mau. Lo chi phạm tục, không đặng vắng-sanh Cực-lạc.

6° *Hỏi*: «Chín bậc tòa-sen, từ thứ bảy sắp xuống thứ chín, thuộc về bậc thấp. (Hạ phẩm) Để cho kẻ mới tu ít phước, ngồi những tòa-sen ấy. Như là tòa sen thứ chín bậc chót, nhiều kẻ ác mới tu, may phước mà được vắng sanh, như tích Trương-thiện-Hòa, Sãi Huỳnh-Kha vân vân. Tôi e kẻ về đó, còn thói tà lòng dữ, chỉ cho khỏi con sâu làm rầu nổi canh chẳng?

Đáp: «Lo không đặng vắng-sanh, lo chi về đó, mà còn độc dữ. Là vì có năm cơ nầy: Một là có phật Di-Đà giữ gìn. Hai nhờ muốn chi có nầy nên không sanh lòng tham. Ba là chim linh giảng kinh trên cây bấu, cũng đủ hồi-tâm án-năng mà sửa lòng. Bốn là nhờ ở gần bồ-tát, bạn lành không ai rầy rà gây oán mà sanh dữ. Năm là sống hoài tu mãi, trở nên lòng phật. Nên về ở tại Tây-phương Cực-lạc, kịp chầy cũng đặng thành phật, không thối chí nữa.»

7° Hỏi «Phật Thích-Ca mãn phần thành Phật. Kế đó, có Phật Di-lặc tu thành Phật nữa, nay ở tại cung Đầu-xuất giảng dạy trên cõi Thiên-đường như vậy: «Nếu ai tu mười điều lành bậc thượng, sau vãng sanh hạ phẩm thành Phật, thời theo Di-lặc luôn thể.

Đáp: «Tu mười điều lành bậc thượng, thiết lên Thiên-đường song chưa chắc lên tới cung Đầu-Xuất của Phật Di-lặc. Há chẳng xem kinh Thượng-Sanh của Phật Di-lặc nói: «Tu hành các pháp tam muội tỏ thấu chánh định, làm cho thiết các điều dặt chánh mới cho vãng-sanh cung Đầu-Xuất Xét thử bậc tu mười điều lành, chắc dặt chánh hết hay sao? chớ như tu tịnh độ niệm Di-đà, thời dặt vãng-sanh Cực-lạc hết thấy. So dễ hơn thập thiên bội phần. Huống chi cung Đầu-Xuất nhiều vị thiên tử thiên nữ, ở cõi Dục-giải nghỉ chức về đó đông lắm. Rất đòi người tiên, thấy các thiên nữ còn sa đắm thay, huống hồ phạm phu mới thành, thấy thiên nữ xinh tốt hơn thiên nữ, mà không mê cho dặt? Kinh Tát-dá-Ni Kiền-Tử nói: Chư thiên đại kế-phước, vô quá ư nữ sắc. Nữ hơn phước chư thiên tương chỉ tam ác đạo» Nghĩa là: «Bỏ buộc cõi thiên-đường có chi hơn nữ sắc, chư thiên đắm tiên nga, dọa tới ba đường ác» (là Địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh) Như vậy, cung Đầu-Xuất thua Tây-phương xa lắm. Dầu cho ra mắt Phật Di-lặc, cũng chưa chắc dặt quả vị như tiên thánh lớn. Sao bằng vãng sanh tịnh-độ, khỏi sa lục đạo, không lo dọa luân-hồi».

8° Hỏi: «Người phạm nhiều kiếp đến nay, làm tội đủ vô số, gần miền niệm Phật mười hơi thở (mười câu lục tự) sao mà dặt vãng-sanh dễ như vậy?

Đáp những kẻ ngộ nhứt thời, lâm chung mới có người nhắc niệm Di-Đà mà dặt Phật rước, là vì cơ này tuy người ấy đời nay không tu sớm, nhưng mà kiếp trước có công tu như tích đức, mộ đạo Phật. Nay lỡ mê Trần, nên không tỉnh ngộ, nếu kiếp trước không tu, thời đời nay chết như thế thường, có đâu may gặp người biết phép tu tịnh-độ chỉ điểm cơn lâm chung, niệm Phật, hết lòng cho Phật rước. Người không có thiện căn dầu chỉ điểm mà sám hối hết lỗi trước biết sợ tội xưa, bỏ hết các việc vọng tưởng: một đường qua Cực-lạc. Không mơ ngộ khác chịu quày đầu» Lòng chí thiết, không xao xiển (xao lãng) như vậy. niệm Phật một câu bằng ngàn câu. Mười câu bằng

muôn câu. Lẽ nào Di-Đà không cảm động lòng qua rước. Kinh Thập-lục-Quan nói: «Lòng thanh tịnh chí quyết, niệm mười hơi, cũng đủ tiêu tội 80 ức đur kiếp trước.» Nếu quả lòng thành như vậy, nhờ có công tu kiếp trước, Di-Đà qua rước chẳng sai. Có hồ nghi chi nữa mà hỏi»

9^o Hỏi: Nước Cực-lạc, cách cõi trần mười muôn ức, xa xuôi dường ấy. Lẽ nào người phạm đi tới. Lại nghe nói phụ nữ với kẻ tàn tật không đủ lực căn (mắt tai, mũi, lưỡi thân, ý). Như kẻ điếc, đui, cùi, cụt vắn vắn. Với bậc trung thừa, hạ thừa đều không không đặng vãng sanh! Quả vậy hay sao?

Đáp: Xác phạm đi xa như vậy không đặng chờ phần hồn đi có khó chi? Vì lòng thành niệm phật, phật rước hồn không rước xác. Thí dụ Chiêm bao thấy via đi qua nước khác, hoặc ở nước khác; Tuy cách ngàn muôn dặm, nghe ai kêu thời tỉnh thức dậy liền. Có phải chiêm bao thấy đi gần thời tỉnh mau, đi xa thời tỉnh chậm sao? Còn người gọi nữ với kẻ tàn tật, không vãng-sanh ấy là nói sai. Chánh nghĩa là nói: Tại Cực-lạc không có phụ nữ, và người tàn tật. Dầu phụ nữ về đó, cũng hóa thân trai. Tàn tật về đó, cũng hết tàn tật. Nếu gọi phụ nữ không đặng vãng sanh Cực-lạc, thời bà hoàng hậu Vi-Đề-Hy, là mẹ vua A-xà-Thế, với 500 thị nữ, sao Thế-Tôn đều thọ ký, rước về Tây-phương. Kinh Vô-Lương-Thọ nói: Trong 48 điều nguyện của Di-Đà có điều nguyện thứ 32 rằng: «Nếu phụ nữ nước nào tu niệm, không ưà thân gái. Sau vãng sanh về Tây-phương, mà còn cho làm phụ nữ nữa, thời ta không phải phật» Phụ nữ còn được liên hoa hóa thân làm trai, lẽ nào kẻ tàn tật hóa thân mà còn tàn tật nguyên nữa. Huống chi con keo (loài kết lớn) với sao sáo lòng thành niệm phật, còn đặng vãng sanh, ghi trong kinh Tịnh độ, với kinh Pháp-huyền châu-lâm. Lẽ nào người tàn tật lại thua loài vật sao?

Còn như nói: Trung thừa, hạ thừa là phạm phu tục tử không đặng sanh, lẽ nào thua kẻ thế mới tu niệm trong lúc lâm chung sao? Kinh Di-Đà nói Cực-lạc có vô số, bậc thánh văn đệ tử, đều là A-la-Hán.» Thánh-văn và A-la-Hán há chẳng phải bậc tu hạ thừa sao! (Cỗ xe bậc trung, tục đọc là trung thừa quen) Còn dưới bậc La-Hán, há chẳng

phải bực tu hạ thừa sao? ☸Cỗ xe thấp cửa phật, từ tòa sen thứ bảy, thứ tám và thứ chín. Há phải như bực mới niệm phật lúc lâm chung mà vắng sanh lâm dân phật, không có quã vị tòa sen. Khoản ấy chánh nghĩa như vậy; tuy bực tu hạ thừa còn vợ chồng sanh đẻ mặc lòng, song vắng sanh rồi, cũng hết tướng sự ăn ở như lúc còn bực cư-sĩ dưới thế, vì về phật hết tình dục, cũng như lòng bực trung hạ. Chớ đừng thích nghĩa sai rằng: «Tại Cực-lạc không có hai bực trung thừa hạ thừa ấy?» Sai lắm!!

10^o Hỏi; «Nay muốn vắng sanh Tây-phương Cực-lạc, phải làm công hạnh chi? Phát tâm làm sao mà đặng về Cực-lạc? Vả lại kẻ ở thế có vợ chồng con cái, chẳng hay chưa dứt đường dâm dục, kể lâm chung niệm phật phật có rước chăng?»

Đáp: «Phật cũng rước hết, Muốn vắng sanh thời cứ niệm Di-đà, giới thời niệm thêm vắng sanh, Còn lòng phát tâm có hai cách, một là lòng nhằm cõi Trần. Hai là lòng mộ Cực-lạc, và lấy lòng từ bi thể theo lòng phật, thương hết chúng sanh khuyên người ta Tịnh độ như mình. Rán tránh mười điều dữ, lo làm các lành, thời đặng vắng sanh. Còn cư-sĩ 2 vợ chồng sanh đẻ, có tội chi, nếu khuyên vợ con chồng con tu theo, thì gia quyến cũng làm lần vắng sanh Cực-lạc, mới gọi cứu huyền thắng, cháu. chắc chít tu theo, sau cũng vắng sanh về Cực-lạc. sum hiệp một nhà. Lẽ nào không khuyên dạy, để cho nòi giống luân hồi đọa lạc, mà giâm giống oan nghiệt hay sao? Thích nghĩa lòng nhằm Trần cho rành như vậy: Cõi phàm như chông gai, vì sự ăn mặc mà cực khổ cả đời. Vì chữ danh lợi mà bôn chôn mạt kiếp. Tay chơn không hỡ, làm mọi vợ con (chồng con). Sớm tối hằng lo, vì mê thân thể [nhục thể]. Sự phiền não cực khổ như vậy, xét không kỹ, thấy ngoài da sạch sẽ, tưởng xác phàm là quý vô cùng. Nền làm oai làm phách! chớ mắt trời, mắt phật gọi là thần thông thiên nhãn, soi thấu ngũ tạng lục phủ, thân thể kẻ phàm tục, bất quá là nhờ lớp da che phần huyết uế trước mà thôi! Kinh Nặc-Bàn nói: «Thân người phàm tục ngoài da như cái thành chứa quĩ La-sát ngu-si ở trong.» Như vậy, kẻ trí huệ có ưa cái xác phàm mà không nhằm không ớn đầu.

Còn lòng mộ cảnh Cực-lạc như vậy: Vì Cực lạc hơn thiên đường thập bội, và khỏi luân hồi, nên muốn vắng sanh Cực-lạc. Vì vậy mà lòng ước ao, trông tới số đặng về Tịnh-độ

Còn lòng từ bi như vậy: Kinh vắng-sanh luận rằng: «Từ bi giống theo lòng phật, nguyên độ chúng sanh, nên gọi là lòng bồ-đề. Lòng thành thương xót chúng sanh hết thấy, luân hồi chịu khổ vô cùng. Nếu ai tu Tịnh-độ, thời hằng ngày niệm phật. Phát tâm nhằm cõi Trần, Hết lòng hoài vọng, Cực-lạc. Học theo lòng từ bi của phật, thương độ chúng sanh. Chừng lâm chung niệm phật. Di-đà qua rước chẳng sai.»

(Mười bài vấn đáp này, chép trọn bài Thập-nghi-Luận).

Người khách bi: «Vĩnh-minh-Thọ thiền sư là thầy tu đứng đầu Trung-Quốc, ai cũng nhường là bậc thầy thợ việc tham-thiền. Mà sao thầy Vĩnh-Minh còn tu thêm Tịnh-độ, hay đọc bài kệ giảng dạy đệ tử, với bốn đạo như vậy:

«Hữu thiền vô Tịnh độ, thập nhơn cứu tha lộ»

«Vô Thiền, hữu Tịnh độ, vạn tu, vạn nhơn khứ»

Thích ra bài kệ nôm (Tiếng Nam)

«Tham-thiền, không Tịnh-độ, một chục, chín người khổ. Tịnh-độ, chẳng Tham-thiền, tu muôn, thành đủ số.»

Cứ theo bài kệ Thọ-thiền-sư đó, chẳng là chế ẹp phép tu tham-thiền, (luyện đơn) mà bảo chuốc tôn trọng khen ngợi cách tu niệm Tịnh-độ, cho thái quá chăng?

Thiên-Như lão nhơn đáp rằng: «Không phải Vĩnh-Minh đại sư khen tu Tịnh-độ thái quá. Thiết phép Tịnh-độ rất rộng rất lớn, cách tu rất tiện rất dễ. Sao gọi là phép rộng lớn? Bởi hết thấy các phép tu đều tóm rút vào đủ từ bậc thượng là đẳng giác, bậc trung là bồ-tát, bậc dưới chót là kẻ đốt đàn bà đốt, hoặc kẻ phạm tội nghiệp, thập ác (Sát sanh, thân đạo, tà dâm, bốn đều ác khẩu với tham, sân, si.) Nếu chịu ăn năn chữa dũ, tu theo Tịnh-độ, không cần lâu mau, không đợi trường trai, cơn lâm chung niệm phật không xao lãng, phật cũng rước về Cực-lạc.

Còn tiện dễ là: Không có học chi khó, làm chi mệt, kê sáng niệm thêm 30 vạn biến vãng sanh, kể tối dạ không thuộc vãng sanh, cử niệm: «Nam mô A-di-Đà phật» Cho đủ 30 vạn câu, thời đủ sau đư công niệm thêm, lâm chung niệm phật mười hơi (mười câu) phật Di-dà cũng rước về Cực-lạc, liên hoà hóa thân, tu thêm cho tới thành phật. Hỏi thứ: Có phép tu nào dễ, và mau thành phật như vậy chăng? Nếu ai không trí-huệ như Vĩnh-Minh thiền sư, thời cũng không tu thêm Tịnh-độ, và dạy người tu, Tịnh-độ như mình.»

Hỏi: «Tịnh-độ rộng lớn dễ tu, tôi nghe mới hiểu. Như cư-sĩ thế tục tu tắt theo Tịnh-độ, dặng vãng sanh Cực-lạc là phải. Còn như hòa-thượng thiền sư, đã thông hiểu tham thiền kiến tánh thành phật cũng đủ phải tu thêm Tịnh-độ làm chi?»

Đáp: «Sãi thông thái mới tu thêm Tịnh-độ như Vĩnh-Minh thiền sư. Nếu sãi nào còn khéo giỏi tham thiền (luyện đơn) là chưa thông hiểu, Nếu thông dặng như Vĩnh-Minh thiền-sư, thời nôn và nóng tu theo Tịnh-độ sức muôn con trâu kéo cũng không thêm trở lại mà hốt vãng, rồi sẽ tu thêm Tịnh-độ. Ví dụ: Nhà người gọi mình thông phép tham thiền, đã lên cảnh phật rồi, không cần tu thêm Tịnh-độ, chắc mình là các thói quen quấy đã hết, các oán thù mấy muôn kiếp trước đã tiêu, sau khỏi quã báo về sự luân hồi sao? Hay là tội củ hầy còn, kiếp sau cho nhẹ tội bớt chăng? Hay là dặng đủ 32 tướng lạ, hiện 80 hình tốt như Thích-ca, trừ nỗi yêu ma, mà độ mười phương thế giới chăng? Hay là gọi kiếp này không đủ thần thông oai lực, đợi kiếp sau sẽ có chăng? Nếu thông phép tham-thiền, mà chắc sẽ thành phật, thời các bồ-tát lớn

trước khi tham thiền rồi tu thêm muôn hạnh các pháp lục độ nhiều kiếp kể không xiết như bụi trần mới thành bồ-tát. Như vậy các vị bồ-tát lớn ấy, cũng còn thua trí huệ của người, phải hổ thẹn với người sao? Kinh Tam-muội nói: «Văn-Thù bồ-tát, thuật chuyện cũ của mình: Gọi mình nhờ niệm phật đặng pháp tam-muội Phật Thế-tôn thọ ký nói rằng: «Người nhờ niệm phật, mà đặng vãng sanh Cực-lạc.» Kinh Hoa-Nghiêm nói: «Phổ-Hiền bồ-tát, lấy mười điều nguyện lớn mà dạy Thiện-Tại Đồng-tử, cũng dạy tu Tịnh-độ, cho phật rước vãng sanh là quý hơn hết. Minh Lãng-Dà nói: Phật Thế-tôn thọ ký (làm dấu) cho Long-Thọ mới vãng sanh Cực-lạc» Kinh Đại-Bửu-Tích nói: «Thế-tôn thọ ký cho vua Tịnh-Phan (vua cha của phật Thích-ca, chồng bà Ma-Gia phu nhơn.) Và độ bảy vạn thầy tu, đồng vãng sanh An-Durong.» (Cực-lạc) Ấy cũng tu theo Tịnh-độ mà phật rước, nào phải lấy sức tham-thiền, đặng lên canh phật mà ở luôn thành luôn sao? Kinh Thập-lục-quan nói: Phật chỉ dạy bà Vi-đề-Hy với năm trăm thị nữ, đồng ra mắt Di-Đà» Còn như cõi Đông-độ ông Viên-công ở núi Lư-sơn. Còn núi Thiên-thai hiện thù: Ông thầy cả thầy dòng khen phép Tịnh-độ dễ về Tây-phương. Các vị ấy, lẽ thông thái không bằng người nay sao?»

Hỏi: «Như vậy phép tu Tịnh-độ, thiệt rộng lớn lắm. Song kinh có nói: Tịnh-độ của Di-đà cách xa mười muôn ức cõi phật so lại sao bằng Tịnh-độ trong lòng, mình cũng có tánh phật Di-đà vậy.» Câu ấy chẳng là nói chời chằng?»

Đáp: «Câu ấy đâu có chời! Tại người thông, ngộ

là trong lòng thanh tịnh thời đủ, không cần cầu về Tịnh độ làm chi? Mình cũng có tánh Phật như Di-đà, không cần theo Di-đà làm chi đó chẳng? Tưởng như vậy thời sai nghĩa lắm: Thiết chánh nghĩa câu ấy, là kẻ dạy tu Tịnh độ, phải giữ lòng cho thanh tịnh, nếu trong lòng không thanh tịnh là sự gần đây chưa xong, trong gì về Tịnh-độ xa quá! Nếu tu Tịnh-độ mà tâm tánh không noi theo tánh Di-đà độ chúng, thời tâm tánh không giống Di-đà, trông chi Di-đà rước về Cực-lạc. Ấy là lời khuyên răn kẻ tu Tịnh độ phải lòng thanh tịnh, và noi tánh Phật Di-đà, sau mới đặng vắng sanh Cực-lạc. Kinh Lăng-Nghiêm nói: «Ngoài xác phàm, khắp hết núi sông trời đất. đều thâu vào cái lương tâm, lòng từ bi thương khắp chúng sanh như Phật.» Lại nói: «Các phép đều tại lòng mình tu mà thành các phẩm. Nên thí dụ cõi Phật ở trong lòng người. Người quyết lòng tu thời thành Phật. Cho nên phải biết: Ngoài cái lương tâm, không có Phật, ngoài cái cõi Phật không lương tâm. Vậy nên ba đời, là đời xưa, đời nay, đời sau, các vị Phật đồng quá hằng hà sa số, cũng lòng tu như lòng thanh tịnh mình, mà tu thành Phật. Biết rõ như vậy, thì không cõi Phật nào. mà không lòng tu như lòng mình thanh tịnh mà thành. Như vậy sau về cõi Cực-lạc cách mười muôn ức phải tại lòng mình thanh tịnh, tu Tịnh-độ mới thành chẳng? Di-đà là giáo chủ nước Cực-lạc, phải là tánh hạnh Phật, như tánh ta đã tập luyện giống in chẳng? »

Hỏi: «Cõi Tịnh-độ là nói hình tướng ngoài. Còn người tri phải tham thiền (tọa thiền) là bậc thượng. Nếu cứ khen cõi Tịnh của Phật, chẳng là còn chấp tướng hữu hình, chưa thông vô-vi chẳng?

Đáp: «Tâm tánh tuy không hai, phép tu có nhiều cách. Nếu hiểu rõ như vậy, thời tham-thiền, tịnh-độ, hai cách cũng về Tây-phương. Trung-phong Đại-sư nói: «Tham-thiền cũng là tu tịnh-độ, tu tịnh-độ cũng như tham-thiền. Tuy cách tu khác nhau, song đúng bậc, thành cũng như

một. Khác thể đi quanh đi tắt, cũng đến đó thời thôi. (Tham-thiền là tu quanh, Tịnh-độ là tu tắt). Nên Đại-thế-chí-bồ-tát, nhờ niệm phật mà thành, mới nói : « Nhờ niệm phật, đặng phép vô-sanh. » Còn Phổ-hiền bồ-tát tham-thiền đứng bực, đặng lên cảnh phật thường thường, mà cũng nói : « Cầu ta lúc lâm chung, vắng sanh nước Cực-lạc. » Hai vị đại sĩ ấy, là bồ-tát lớn, Phổ-hiền châu Thích-ca, là Ta-bà giáo-chủ Đại-thế-chí châu Di-đà, là An-dưỡng đạo sư. Đáng lẽ thời hai ông dạy riêng hai cách chớ? Té ra nói hiệp, không nghịch nhau. Lẽ nào người chấp nhưt một cách riêng vậy? Người nói : « Cõi Tịnh-độ là hình tướng ngoài » Luận thể ấy thời lòng thanh tịnh là Tịnh-độ, chớ chẳng có Tịnh-độ nào ngoài hết sao? Chẳng là không có cõi Tây-phương Cực-lạc? Cớ nói lòng lành là thiên đường, chớ không có cảnh Thiên-đường trên Đâu-xuất, và đền Thượng đế sao? Cớ nói lòng dữ là Địa-ngục, chớ không có Thập-diện, và ngục núi có đao, ngục cây có gươm, và đền các ngục sao? Nói ngu si súc sanh, chớ không có cầm mang lông, thú đội sừng, và loài côn trùng các vật sao? Phải hiểu rằng : « Trong lòng thanh tịnh, hồn sẽ được về Tịnh-độ. Sau không biết sự với lý, khác nhau? Tướng thời khác tánh. Muốn bỏ sự tiềm lý, bỏ tướng mà tiềm tánh, thời việc nào cũng chưa thông, không chơi làm sao đặng !!

Người dầu tánh phật : lòng phật, song mang xác phàm. Nếu như người giữ lòng thanh tịnh, mà người ngồi nơi nhà tiêu có thanh bằng lúc nằm nệm trong phòng chẳng? Lòng người thanh tịnh, mà ngồi ăn uống trong tàu ngựa, có biết nhớ uế chẳng? Người thiết lòng thanh tịnh, mà nằm ngủ một bên thầy ma chết sinh giới tũra hôi thúi, có biết nhờm chẳng? Nếu ở đâu người cũng biết thanh-tịnh hết, không biết nhớ uế chút nào, đặng như vậy, thời mặc ý người nói :

Non cao đất thấp, cũng Tây-phương.

Gươm chém giáo đâm, đều khoái lạc.

Ta cũng không dám cãi nữa! Nếu người tuy giữ lòng thanh tịnh, mà vào mấy chỗ như uê nói trên đó, mình biết dơ, biết ưa biết ghét, theo xác phàm, mà dám nói cao? nói lẻ, như thành phật rồi, kẻ dốt nghe theo mà lầm không tu Tịnh-độ, để học theo kẻ mới xem ít cuốn kinh, ít cuốn sách, biết ít tích công án, mà dám chê phép Tịnh-độ của phật, nên không tu, cho đoạ lạc luân hồi, thời tội ấy tại ai bày đầu đó?»

Hỏi: «Tu hành cầu khỏi đầu thai. Nếu mến Tây-phương mà muốn vắng-sanh, gọi vô sanh? Lại e xa quá. hồn ma đi sao cho tới Cực-lạc?»

Đáp: Nếu gọi sanh, như đầu thai, là nói lầm theo thế thường. Nó vô sanh là không sanh, lại lầm chỗ thích nghĩa! Sanh mà không phải người đẻ không phải ai đẻ mà sanh, nó có một nghĩa, Cái tánh tự nhiên thiết không sanh, phải liên-hoa hóa thân mới có hình tượng. Tánh mà hiện tượng mới gọi vô sanh, không đầu thai cho ai sanh đẻ mình nữa. Bởi tự sen mà sanh, chứ không phải sanh đẻ, hiện tượng do chơn tánh phần hồn, nên nói rằng: «Tuy vắng-sanh mà vô sanh. Hiểu như vậy, mới biết vắng-sanh Tịnh-độ là tại cái lương tâm. Nếu nghi xa vắng-sanh không tới, sao cái tâm tương xử nào, thể mình tới cảnh ấy? Như vậy: tâm thần có gọi đường xa cách bao giờ?»

Hỏi: «Cõi phật nào cũng hưởng khoái lạc, tại cứ chỉ nước Cực-lạc khen mến hơn hết cơ sao?»

Đáp: «Các cõi phàm nước phàm, đều có khổ nhiều. Dầu dặng giàu to sang cả đều gây quả khổ. Cực-lạc không phải vậy. Kinh Di-Đà nói: «Chúng sanh nước ấy không khổ nào, lại hưởng vui vẻ

lắm, nên kêu nước Cực-lạc.» Nói sơ một cỏi, thử phải ở như trên trời cách dưới vực sâu là bao xa. Như tại cỏi này, dầu thai phôi trong bụng mẹ. Còn nước Cực-lạc, sanh thời liên-hoa hóa thân, ngồi tòa sen, ở cung điện thom tho, đã khỏi chịu thai bào sản lúc như uế, sanh ra thời như người lớn, mẹ khỏi ẵm bồng cho bú, chịu về như một nhọc, phải là khỏi sanh khổ như kẻ thế chẳng? Cỏi này tuổi già thời dầu bạc da dum, khum lưng mỗi cổ, ngồi dậy không nổi, phải có người đỡ coi muốn môn hơi. Còn cỏi Cực-lạc ăn uống bổ thần, không già không yếu, đi một nháy mắt đã tới mười phương, không khổ vì sự già yếu. Cỏi này bệnh hoạn thời rên la, nằm liệt giường, trần trở than khóc! Còn nước Cực-lạc có thần thông oai lực, trong nước không nghe tiếng than đau ngứa, khỏi bệnh khổ như cỏi Trần. Cảnh này ai cũng phải thác, lúc ngặt mình vật vã trợn trờn trợn trật, thậm khổ vô cùng, thác rồi còn mắc tội, phải cúi đầu mà chịu trời, giải hồn tới minh-vương. Còn nước Cực-lạc, đặng liên hoa hóa thân rồi, mình như vàng chắc không hư, tốt tướng có hào quang, sống hoài không thác nữa, khỏi sự tử khổ rồi. Cỏi này có hiệp có lia: Ông cao đầy là cha mẹ khó giữ còn hoài. Tình nồng mặn là vợ chồng khôn trông hiệp mãi! Còn nước Cực-lạc, thời đồng đạo như bà con, chung hoài ưa mãi, phải khỏi đều khổ sự lý biệt chẳng? Cỏi này báo cừu báo oán, lo sợ giữ mình hết hơi, có khi tránh không khỏi. Còn nước-lạc yêu kính nhau, jam bạn với La-Hán bồ-tát, tới lui không nói

mịch lòng, có đầu tới nổi? Gây gỗ nhục mạ, cho tức tối giận hờn, khỏi sự khổ oán cừu phiền nảo. Cõi này vì ăn mặc mà cực thân lo lắng vì vợ con mà làm mọi mỗi mẹ, sự khổ nảo già đời, đều mệt mề mãng kiếp! Còn nước Cực-lạc muốn ăn món gì, sẵn món ấy, hiện ra trước mặt. Muốn bận món nào, phát khiến bay tới cho mình dùng: ở cung đèn, dạo hoa kiền, nghe âm nhạc, thử trăm mùi hưởng nhờ bảo mãn, khỏi sự khổ thiếu thốn.

Chẳng những hơn các đều ấy. Cõi mình hình tướng xấu xa tạt nguyên dư thiếu. Còn nước Cực-lạc đã tốt tướng. lại có hào quang, cõi này lặn mọc luân hồi. Nước Cực-lạc liên hoa hóa thân một lần, không đầu thai nữa. Cõi này mả gò hầm hố, gai góc thành rừng. Nước Cực-lạc, cây báu cao thấu trời, vàng ròng làm cát đất. Cõi này ai cũng lạy Quan-âm với Đại-thế-Chí, nên hai vị bồ-tát ấy đặc danh. Còn nước Cực-lạc, hai vị đại sĩ bồ-tát ấy, làm bạn với mình. Như vậy so sánh cõi này với Cực-lạc hơn thua bao nhiêu, thời các Tịnh-độ của chư Phật mười phương cũng thua Cực-lạc như vậy. Nhờ cảnh quý, mới rước hồn người thanh tịnh. Nhờ phước lớn mới giúp kẻ tu hành.

Hỏi: «Lòng ham với lòng nhàm, tức là lòng ưa lòng ghét. Phật gọi sự ưa ghét là cái bực luân hồi. Mình tu hành mà ưa Cực-lạc, ghét cõi Trần, e không nên chăng?

Đáp: «Nhàm ngán cõi trần, mà ham mến Cực-lạc, tuy chia lòng ưa ghét, song không phải ưa ghét theo lòng thế gian, thiệt ưa ghét theo lòng Phật mười phương, mớiặng khỏi phạm thành thánh. Nếu không lòng ham mến đó, làm sao sanh lên nước Cực-lạc? Phải tập lòng nhàm ngán đó, cho nên khỏi đọa ngã luân hồi. Tập lòng từ bi như Phật, thương độ chúng-sanh, mớiặng thành Phật.»

Hỏi: «Cõi này ăn mặc vật dùng phải mua phải làm mới có. Sao nước Cực-lạc ở không muốn chi có nấy?

Đáp: «Tại đời nay tu phước đời sau hưởng phước tự nhiên. Nếu công tu ít làm phước mọn, chưa đáng vãng sanh Tây-phương thời đặng lên Thiên-đường, (Cõi trời, cõi tiên). Ít nữa đầu thai cõi Ta-bà cũng sanh đặng về cõi

Bắc-cu lư-châu, sự ăn mặc cũng muốn chi có nấy, như nước Cực-lạc số sống một ngàn tuổi mới thác, thác rồi thành tiên về Thiên-đường, công tu Tịnh-độ ít, làm phước chút đỉnh cũng không mất. Trừ ra còn phạm luật cấm thập ác, công quá bằng nhau, trừ hết như không, mới luân hồi cảnh này, mà hưởng giàu sang một kiếp nữa. (Song có lòng tin tưởng phật, sau phật cũng cho mà tu lại, may tính ngộ cũng vãng-sanh tây phương, gọi là Nguyên nhơn, người nguyên kiếp trước có niệm phật tu trì Tịnh-độ). Rất đổi cho dân cõi Bắc-cu lư-châu, còn muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, muốn chi dạng nấy, hưởng phước tự nhiên cả ngàn tuổi thay. Huống chi cõi Thiên-đường, với cõi Cực-lạc mà không hưởng phước tự nhiên như vậy? Kinh Đại-bồ-n Di-đà nói: «Các đền đài nhà giảng của Di-Đà không phải đời xưa có sẵn, cũng không phải Di-đà Cực-lạc làm ra. Bởi phật nguyên lớn đức trọng, công tu nhiều kiếp, nên Thần thông rộng lớn, biến hóa tự nhiên» Kinh Đại-bồ-n Di-Đà nói; «Nước phật khác. Dân làm lành, không ai làm dữ, cũng hưởng phước tự nhiên, Còn nước nào dân làm lành nhiều, dân làm dữ ít thời dễ làm ăn, Cõi Trần, dân làm dữ thái quá, ít ai làm lành nên khó làm ăn, cực lực như vậy: Phải làm mới có không dễ kiếm ăn.» (Xét lại nước nào khó làm ăn, thời biết dân dữ lắm).

Hỏi: «Tu Tịnh-độ niệm phật cầu vãng-sanh lâm chung thấy phật Di-Đà với các bồ-tát đến rước hồn như chiêm bao. Kinh nói: «Ai niệm thần chú vãng-sanh đủ 30 vạn biến, thời phật Di-Đà hằng chiếu giám trên đầu người ấy, bảo hộ tai qua nạn khỏi, dễ làm ăn mà tu Tịnh-độ, đời gần lâm chung, cho biết ngày giờ rước hồn về Cực-lạc, liên-hoa hóa thân.» Nếu mười phương thế giới ai thấy khoản đó mà không ham, kẻ tu Tịnh-độ rán niệm 30 vạn biến vãng sanh có khó chi? Nhiều người tu đông, niệm đủ số vãng-sanh cả mấy muôn người, phật Di-Đà có một ông, chiếu giám sao xiết mấy muôn người, cả mười phương thế giới? Lâm chung rước sao cho kịp.»

Đáp: «Rất dồi dào quang mặt trời mặt trăng là nhỏ còn chiều khắp trên đầu thế gian thay. Huống chi hào quang Di-đà mà chiều không khắp trên đầu người sống đương tu niệm. Còn thần thông Di-đà hoá ra nhiều ông trời: 36.000,000,119,500 hình ngài! Chẳng những thiên biến vạn hóa mà thôi. Lo chi mấy triệu người tu, làm chung một lược giờ, mà phật Di-Đà không phân thân đi rước cho kịp.

Hỏi: «Hội Hoa-Nghiêm Phổ-hiền bồ-tát hiện hình ngồi trên đàn. Các bồ-tát dùng hết phép thần thông, còn không ra mắt đặng Phổ-hiền thay! Nay những kẻ phạm phu tu Tịnh-độ, làm phước không bao nhiêu, làm chung mắt phạm thấy phật có rõ ràng như bồ-tát, hay là thấy ông phật khác hơn?»

Đáp: «Cũng thời vị phật đó, mắt thánh thấy rành, mắt phạm thấy khác, thấy hình dung không chán chương, như 32 tướng lạ, 80 hình tốt vậy. Kinh Hoa-Nghiêm nói: Phật Như-Lai có mười cái hoa tạng thế giới hải, số đại hơn tướng như số bụi trần, các bồ-tát nhỏ không thấy đặng, giải mười hoa tạng thế giới hải: 1^{er} Thế giới hải, 2^e chúng sanh hải, 3^e pháp giới an lập hải, 4^e phật hải. 5^e phật bà la mật hải. 6^e phật giải thoát hải 7^e phật biến hóa hải 8^e phật diễn thuyết hải 9^e phật danh hiệu hải 10^e phật thọ lượng hải. Thí dụ như chư thiên các tiên, ăn món Tu-Đà rất quý: Trong một bát, màu sắc hơi mùi nhiều món khác nhau, mắt phạm coi sao rõ. Cũng như một món thuốc tễ kẻ mạnh uống khen ngọt. Người bệnh miệng đắng, uống chê đắng. Bởi cảnh phật Thích-Ca, rất thanh

tịnh nghiêm trang, như cánh trời Tụ tại Thiên-đường mà có một mình Loa-kế Phạm-vương ngó thấy, còn bao nhiêu chư thiên, đều thấy đất đá núi non bụi cát như uế đầy nhầy! Cũng thế mắt phàm thấy non tiên, như núi thế gian. Nên thấy phật cũng khó như vậy.

Hỏi «Kinh nói: Tại thế gian có kẻ phát nguyện tu Tịnh-độ, lòng thành tu niệm. Thờ trong ao thất bửu cõi Cực-lạc có mọc một bụi sen mà ra một bông. Nửa sau bông ấy lớn làm tòa sen che người tu đó, lúc lâm chung phật đem tòa sen ấy, rước hồn người tu ngồi bay về Cực-lạc, cho liên hoa hóa thân, ngồi tòa sen ấy. Nếu cơ còn sống tu tấn tới, bụi sen mau ra bông, búp mau lớn, tới bằng bánh xe, có ứng tên họ người tu ngoài bên sen. Tới số thời bông sen ấy nở ra. phật Di-Đà ứng điềm định ngày giờ tiếp dẫn. Còn ai thối chí ngã lòng, bẽ trễ việc tu Tịnh độ, thời bông sen ấy sè héo lặn. Tới thời tu Tịnh-độ thời bông ấy rụng. Sau tu lại, sen nảy chồi ra bông khác, nếu bỏ đạo đền chết, thời bụi sen cũng chết khô.» Chẳng hay có đáng tin chăng?

Đáp: «Việc ấy dễ hiểu, có khó chi mà nghi. Cũng như cái kiến lớn, vật nào chiếu vào, cũng thấy bóng hiệng như vậy. Rất đời trong thành Xá-vệ, lập lầu các. Thọ-đề-Tòa bằng bạc với lưu-ly, ngoài vách tường lưu-ly ngó vô còn thấy, các món trong thành, là vì lưu-ly như kiến, nên ngó thông thương thể trống không. Huống chi cõi Cực-lạc của Di-Đà rất linh, thế gian có người tu Tịnh-độ, cõi Tịnh-độ mọc sen sen thêm, sen ấy tùy theo lòng

người phải quấy mà tươi héo, gọi là giống sen bồ-đề, mà cũng có Di-Đà chủ trương cầm quyền trong đó. là lý chắc tự nhiên, lý nào Thích-Ca đặt chuyện huyền hoặc mà nghi ngại? Người tu sen phát lên, người thành sen phát trở.» Ấy là căn động hơn quả tự nhiên.

Hỏi: «Nếu còn tội, mà ăn năn tu niệm chí thành, cũng đặng vãng-sanh, về Tây phương tu thêm mới thành phát. Vậy thời vội tu sớm làm chi. Để hưởng mùi đời cho phỉ tinh, dợt gần miền, ăn không đặng sẻ trường trai, tu niệm Tịnh-độ rút ít ngày mà theo phát như mấy người ác hơn vãng-sanh đó. Chẳng là đặng chi mà đặng chà, tội gì tu sớm thiệt thời lắm.

Đáp: «Phật qui tại tâm, những ác hơn vãng-sanh là thuở nay không biết phép Tịnh-độ mà tu, nay gần lâm-chung có phước gặp người chỉ điểm, nên hồi tâm niệm phát, ấy là làm ác bấy lâu mà vô tâm, nay sám hối hồi tâm phát mới rước. Chớ tìm tâm làm ác, là xảo ư thiện ác, tính điểm đang như vậy, trời phát lại thua trí người sao? Há quên câu hiền xưa nói: «Nhơn tâm xảo ư thiện ác thiên lý xảo ư bá ứng.» (Lòng người tính xảo việc lành đủ, trời cũng tính xảo việc vay trả) Có để cho lúc lâm chung niệm phát đặng mười câu, đâu mà vãng-sanh, vì trời phát khiến sự ngăn trở... Bởi tính hơi tổ điểm là lòng tà lắm, hết khôn tồn đại hại mình, vì trời phát chuộng sự chơn thiệt, không ưa xảo quyết. Ai làm khôn nghe theo cách xảo ấy cũng chết chùm nữa! Có kẻ dữ lâm chung, tỉnh thành niệm phát, vì kiếp trước có căn tu mà chưa thành, bởi còn nhiều tội lỗi. Kiếp này phát thương công tu kiếp trước, xui người chỉ điểm lúc gần miền, dạy niệm phát mà vãng-sanh, cầu may mới đặng như vậy, trong muôn người mới có một người. Chẳng phải mỗi người biết trước mà không chịu tu sớm, để tính xảo như vậy, mà đặng cầu may hết thấy đâu? Lời Quần-Nghi luận rằng: «Có mười hạng người, lâm chung niệm phát không đủ mười câu: Một là không gặp người biết tu Tịnh-độ mà chỉ điểm trong lúc lâm chung. Hai là oan báo

theo mình căn trở, không cho niệm phật. Ba là bệnh á-khẩu, hoặc tắt tiếng, (mệt quá nói không ra tiếng) làm sao mà niệm đủ mười câu. Bốn là mê sảng không biết gì! Năm là bị chết chìm, bị chết thiêu, niệm sao cho đủ. Sáu là bị hùm tha sáu bắt, rắn cắn trào đờm. Bảy là bị bạn quỷ nói ra cho không tin mà niệm. Tám là chết vì trúng thực, say rượu nhiễm gió, bất tỉnh như sượng. Chín là tử trận. Mười là té cây, sảy chơn. Mười sự chết rủi đó, có thể gì tinh táo mà niệm phật mười câu cho mình bạch, lòng không xao lãng, loạn tâm. Hoặc niệm phật mà lòng còn nhớ vợ con, nhớ cửa chôn, lo trời trần hậu sự xao lãng. Có đâu lòng biết ăn năn, giữ thanh tịnh, niệm cho đủ số? Hoặc lòng còn núi kể này kể nọ, trông có thuốc huờn sanh, chông khóc vợ, con cháu theo kêu làm rầy tai, loạn tâm lảng trí, trong lòng bối rối như tơ, có đâu không loạn tâm, sửa lòng thanh tịnh mà niệm đủ mười câu cho phật rước. Người xưa có đặt câu này:

*Mạc dãi lão lai phương niệm phật,
Có phần đa thị thiếu niên nhưn.*

THÍCH NÔM:

*Chờ đợi đến già mà niệm phật,
Thiếu chi một trẻ đã qua đời.*

Lại có lời bàn rằng:

*Khuyên niệm phật, than mình chưa rảnh,
Đợi bắt hồn, ráp việc cũng theo.*

Người ở đời, ai biết trước số mấy mươi mà thác (Đừng tin thầy coi số, coi tướng nói bốc bươn mà lầm) Thừa lúc chưa già chưa bệnh, chọn ngày sám-hối lập nguyện tu Tịnh-độ lần đi cho có căn. Ngày nào ăn chay, chèn công niệm cho mau đủ số 30 vạn câu, rồi niệm vãng-sanh 30 vạn biến cho phật Di-Đà chiếu giám trên đầu, ấy là tu Tịnh-độ giữ phần chắc. Rán tập trường trai cho được lâu, mà niệm phật thêm với vãng-sanh cho dư số. Mỗi ngày niệm nhứt khóa, dẫu ngày chay ngày mặn cũng không dám bỏ qua, dẫu đi lỡ đường cũng day mặt về hướng tây, niệm phật mười hơi cho đủ phép con mới

thức dậy ban mai. Ai gấp tụng nhứt khóa không
đặng mỗi ban mai cũng niệm phật mười hơi mà
lạy ít nữa là một lạy (lỡ đường thời xá). Bất câu
đi đứng nằm ngồi, lúc rảnh hờ ra thời niệm thầm
Đi-Đà, vãng-sanh. Lúc bình phãi rần trường trai
dự phòng, lo chi lúc lâm chung ngồi về hướng tây,
niệm phật mười câu, mà Di-Đà không rước. Muốn
sao giữ khỏi phạm mười tội. Lúc gần lâm chung
phật cho biết ngày giờ mình không bình liệt, ngồi
day mặt về hướng tây niệm phật mà rước hồn cho
khỏi người dỡ. Đặng nghe tiếng nhạc trên không
hoặc mùi thơm lạ, hoặc hào quang chiếu sáng.
Hiện hiện cho người sau thấy thành nhân tiên mà
tu theo. Mới gọi là thượng trí. Nếu xảo quyết tính
chẻ lăm, e bị sự rủi, dầu thay kiếp khác không
chắc làm người, hay là làm cạp! Dầu may làm
người e không người khuyên tu Tịnh-độ. Dầu có
người độ, cũng chưa chắc tin mà theo. E rủi mất
thân người, muôn kiếp khó tu được, mới là khổ
lắm! Cũng bởi tính giả hóa non.»

Hỏi: «Kinh Di-Đà nói: Một lòng không vọng
tưởng, đừng xao lãng, cứ niệm sòng Di-Đà bảy
ngày đêm, thời đặng vãng sanh.» E niệm đủ bảy
ngày chưa tới số. Sau xao lãng vọng tưởng, lúc tới
số, đặng vãng sanh chăng?

Đáp: «Đã dặng niệm sòng bảy ngày không xao
lãng. Dầu sau có xao lãng cũng không đến nỗi vọng
tưởng thái quá. Vì kinh Di-Đà có nói: Nếu ai dặng
niệm luôn bảy ngày như vậy, phật hiện xuống
chứng minh. Người ấy lúc lâm chung, Di-Đà với
bồ-tát hiện xuống phò hộ, làm cho lòng không xao

lãng, dặng niệm phật mà vãng sanh» Há không thấy câu ấy sao? mà hỏi. Lúc lâm chung mà xao lãng trong giây phút bao giờ, vì niệm thường nên đả thuần thực. Cũng như sách nho (Luận-ngữ) nói: «Đức - thánh Khổng-tử khen Nhan-tử ba tháng chẳng sai sự phải, (sự nhơn). Trong ba tháng ấy là người nhơn. Ngoài ba lại đổi ra người dữ ở quấy, làm sự bất nhơn sao? Nếu hay dặng lòng thường niệm cơn rảnh, cứ lo làm lành, chắc lâm chung phật xuống bố hoá cho tỉnh minh mà niệm phật rõ ràng như kinh dạy, lo chi không dặng vãng-sanh?

Hỏi: «Niệm phật niệm thường ngày đêm cho thường chẳng nên lười thôi mới không xao lãng, Lâm chung niệm phật mới vãng sanh, E thảng nực ở trần, lẽ nào mặc áo mà niệm phật hoài, cho nổi. Hoặc cơn ăn uống (hút thuốc, ăn trầu, không phải ngày chay) Cơn nằm, hoặc rửa mặt, rửa mình. niệm lờ có lỗi chẳng?»

Đáp: «Cơn ấy niệm thầm mới gọi quý, nghĩa là buộc lòng không xao lãng (song không được ghi sổ tính số 30 vạn). Đừng niệm ra tiếng có thất lễ đâu? Ấy là rắp cũng niệm buồn cũng vậy.»

Hỏi: «Lúc niệm phật lại tưởng vãng sanh Tây-phương, e hai sự tưởng không dặng ròng chẳng? Sao cho dặng nhứt tâm bất loạn?»

Đáp: Niệm phật tức là cầu vãng-sanh. Kinh nói: «Phải phát nguyện, nguyện vãng-sanh Cực-lạc.» Nên niệm phật với cầu vãng-sanh có một ý. Nói tử; Học trò cầu công danh, lại cầu Tịnh-dộ, tuy chia hai việc, Lúc đặt bài vớ, thời ngừng niệm phật.

Lúc niệm phật, thời dừng nghĩ tới bài vở, cũng còn dặng thay, dừng tưởng chung một lược, mà loạn trái tim, việc nào cũng lập dập hết, không dặng tinh thành. Còn tu Tịnh-độ sớm mai cầu vãng-sanh, cơn rảnh niệm phật, cứ lo niệm mãi, dừng tưởng pha cầu vãng-sanh làm chi, mà không dặng tin thành».

Hỏi: Niệm phật tối ngày, song gặp việc lành thời phải ngừng niệm mà làm, là bồn phận người tu. Song lúc lo làm phước, niệm phật cầm-chừng, chớ lòng cố lo việc làm phước không biết có loạn tâm chăng?

Đáp: «Có can chi. Như cái kiến, dễ tự-nhiên, thời thấy sáng trưng, không hình không bóng. Có vật soi tới thời thấy bóng đủ hết. Tới vật ấy qua khỏi rồi, ngó vô cũng như không. Có sự làm phước, niệm cầm chừng, tuy chẳng dặng ròng. Tới hết việc rồi, niệm cũng ròng, có loạn tâm đâu mà ngại. Ngặt một đều hay vọng-tưởng, phải răn cho khỏi xao-lãng. Là việc chưa tới, mơ-tưởng mãi. Việc đã qua còn cố nhớ hoài, làm hại cho xao-lãng sự niệm phật.»

Hỏi: «Ơn cha mẹ, cao như trời, lớn như đất, thiệt khó đền bồi cho đủ. Nếu vãng-sanh phật, có phương chi cứu vớt cha mẹ về phật mà trả ơn sâu chẳng? Vả lại đầu thai không biết mấy muôn kiếp cha mẹ không biết bao nhiêu. Thành phật rồi có truy-nguyên nòi tên họ, và này đã đầu thai nơi nào, mà cứu độ đền chẳng?

Đáp: Người thế tục muốn trả ơn cha mẹ rất khó, ví như trời cao vòi chẳng thấu. Nếu mình thành

phật, thời báo ân đề ợt chẳng những cứu cha mẹ đời này, dầu mấy muôn kiếp cũng có phép độ đặng nữa. Vì ở Cực-lạc Phật dạy sáu phép thần thông: (*lục thông*) Thiên-nhân thông ngó đâu cũng thấy. Thiên-nhĩ thông tiếng nói đâu cũng nghe. Tha tâm thông, ai vài thăm ở đâu cũng hiểu. Túc-mạng thông, nhớ hết mấy muôn kiếp trước như sự tích đời nay, mình tên gì, cha mẹ là ai ở đâu bây giờ luân hồi là chi tại chốn nào. Thời có thần túc thông đi mau như hào quang chiếu, trong nháy mắt bao xa cũng tới mà độ. Không phải dằng-vân theo mây gió mà đi chậm hơn. Lại nhờ lậu-tận thông không còn giận hờn như thần tiên. Nên đức từ-bi lớn lắm, độ cha mẹ các đời mà báo ân cũng lẹ. Xưa ông thánh Mạnh-tử khen vua Thuấn có hiếu lớn: Ông Cỗ-tàu dặng làm cha vì thiên-tử, cao lớn vô cùng, cả thiên hạ phải dung của mà nuôi, là nuôi trọng hơn hết. Nếu mình vãng-sanh tu thêm thành bồ-tát, cha mẹ dặng làm cha mẹ bồ-tát, cao lớn hơn loài người thế nào? Độ cha mẹ về Cực-lạc, sống đời ăn mặc tự nhiên: Muốn chi có nấy, hơn vua Thuấn lấy của thiên hạ mà nuôi Cỗ-tàu là bậc nào? Huống chỉ một nước có một ông vua, nếu có vị con thảo thứ nhì ra đời, thời ra tôi loạn, vì phân bì như vua Thuấn nuôi Cỗ-tàu, e làm không nên việc, mà bị tru di! Không tiện cho hằng tu Tịnh-độ, nếu cha mẹ còn rần lay khuyên cho cha mẹ chịu tu Tịnh-độ, mình lo phụng dưỡng cơm chay cho cha mẹ vãng-sanh Cực-lạc trước. Nếu cha mẹ mản trước lỡ rồi, mình sám-hối phát nguyện niệm Phật thế cho cha

mẹ 60 vạn câu, thí kinh mấy đồng, phóng sanh mấy đồng, bố thí làm phước mấy đồng, và niệm vãng-sanh hoài, chừng nào thấy Phật ứng điềm rằng cha mẹ mình tên họ gì vãng-sanh rồi. Hoặc thấy cha mẹ về mách báo, nhờ mình tu niệm thế, nên cha mẹ đãặng vãng-sanh Cực-lạc. Thôi mình thôi niệm thế. Lo niệm Phật, và niệm vãng-sanh phần mình cũng không muộn, dầu niệm chưa đặng 30 vạn mà lâm chung, cũng đặng vãng-sanh, vì mình mắc lo báo hiếu.

Hỏi: «Các loài chúng sanh rất nhiều, hưởng chi đọa trong tam ác đạo: địa ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh. Lẽ nào mình độ hết, mà nguyện không, có ích chi? Vì nguyện mà làm không nổi.»

Đáp: «Bồ-tát lòng từ bi, nguyện độ hết chúng sanh, dầu tam ác đạo, cũng không bỏ. Hưởng chi phần mình phải rán độ, vì trong tam ác đạo, lộn cha mẹ anh em bà con các kiếp trước của mình, cũng nên rán độ hết mà báo ân, lẽ nào thấy nhiều mà sợ, thấy đông mà ngán sao nên? Không lẽ làm biếng mà ở hiềm như vậy? Kinh Địa-tạng nguyện rằng: «Địa-ngục bằng không trống, ta thề không thành Phật.» Phổ-hiền bồ-tát mười điều nguyện: Độ cho hết chúng sanh mới thôi.» Vậy thời tu Tịnh-độ, dầu vãng sanh Cực-lạc, thành Phật rồi, lẽ nào không nguyện; Hiện về cõi Trần mà độ chúng-sanh sao?»

Hỏi: Nhiều loài vật mọn đếm không nổi. Nếu mỗi lần thấy loài vật, phát tâm muốn độ chúng nó. Không biết cái lòng từ-bi của mình như vậy mà có thể, độ đặng hay chẳng? Có ích chi cho các vật ấy chẳng?»

Đáp: «Ấy là tại lòng thành cùng chẳng? Nếu thiết tình phát tâm muốn độ, thời chúng nó đặng nhờ luôn. Đề giảng hai tích: Đức Phật Thích-Ca kiếp trước, mới thành Tiên Nhân-nhục, mà tích Mục-Liên kiếp trước, làm tiểu-phu (lão-tiểu) thời rõ:

Đức Phật Thích-Ca kiếp trước là ông tiên Nhân-nhục, con đương tu hành trên núi gặp ông vui đi săn: rượt một con thú chạy mất. Phán hỏi: Đạo-sĩ thấy con thịt chạy

đâu chẳng?» Nhân-Nhục tiên nghĩ thầm: Nếu chỉ ra, thời con thú bị giết, mình phạm điều sát sanh. Bằng dối rằng không thấy, thời mình phạm điều vọng-ngữ (*phạm ngữ giải cấm, 5 điều cấm*). Nên nghĩ chưa ra lẽ nào, mà tâu, vua giận, chặt một cánh tay! Rồi hỏi nữa cũng không nói: Vua giận quá chặt luôn một cánh tay nữa mới đi. Nhân-Nhục tiên nguyện rằng: «Nếu sau ta thành phật rồi, phải độ người này trước, kéo đề người sau noi theo gương dữ.» Vì lời nguyện ấy, kiếp sau là Thích-Ca thành phật, trước độ đệ tử Kiều-trần-Như làm ti-kheo (*tăng chúng*) là ông vua thai lại đó.

Sau có một thành kia, phật độ họ không chịu tu. Thích-Ca nói: «Mục-liên có duyên phần với nội thành ấy.» Nên sai đi độ. Thiết Mục-liên độ, người nội thành ấy chịu tu hết. Mục-liên hỏi phật, vì có nào? Thích-Ca nói: «Người học chưa đủ lục-thông, nếu học tới Túc-mạng thông thời biết tiền căn hậu kiếp. Kiếp trước người làm tiều-phu đốn củi, rung rinh động một ổ ong bay tản vô số. Người hứa rằng: «Loài ong bay cũng có tánh phật. Nếu sau ta tu thành sẽ độ các người». Nay bây ong đầu thai, làm những người trong thành này. Bởi có duyên có người hứa trước, nên đời nay người độ mới chịu tu.»

Coi hai tích ấy, chẳng những độ người mà thôi, dầu thấy loài vật, cũng nên phát lòng từ-bi, mà nguyện cứu độ chúng nó, cũng là có ít nữa.»

Hỏi: «Lòng thành niệm phật tuy hữu ích, song niệm có số. Nếu gặp một trăm mạng niệm thì một ngàn câu, thì mỗi mạng nhờ mười câu cũng có phước. E gặp mạng vật hằng hà sa số, mà niệm thì một ngàn câu, e không thấm tháp, vì chia cả ngàn mạng, chưa đặng một câu, có nhập vào đâu?»

Đáp: Ấy trí còn hẹp lắm. một trăm người nhờ ngọn đuốc, cũng thấy đường. Dầu ngàn muôn người, chung một ngọn đuốc, há chia sự sáng ngọn đuốc lu hết hay sao?

Hỏi «Xưa có hai sãi lúc ngồi niệm phật, tưởng như mình ngồi trên tòa sen châu phật. Tưởng luôn năm tháng

như vậy, đều đặn vắng-sanh. Không biết kẻ tu Tịnh-độ lúc niệm phật nên bắt chước hai sãi, tương như vậy chăng?»

Đáp: «Tương cũng đặn. Song cứ niệm phật cho nhiều niệm vắng-sanh cho đủ 30 vạn biến, như số niệm phật, thời chắc vắng-sanh hơn hết.»

(Sắp trước 22 bài vấn nạn, Thiên-Như lão-nhơn trả lời).

TÂY-QUI TRỰC-CHỈ

CUỐN THỨ BA

KHẢI-TÍN TẬP-THUYẾT

(Các lời nói cho hản mà tin)

Cách tu Tịnh-độ, khuyên người trí cao học rộng, thời dễ lắm. Bởi phước củ rất dày, thiện-căn sâu lắm. Rộng xem kinh sách, nói ít biết nhiều. Còn khuyên bực dốt nát cũng không khó: Vì trong bụng trống không, như mùi ngọt dễ nếm. Màu trắng dễ nhuộm. Trừ ra khuyên các kẻ học nhỏ còn hẹp, không rộng xem kinh phật sách tiên, thời lấy làm khó độ lắm, Vì mới học ít pho sách nhỏ, thấy đâu ghi đó làm hơi mình đã cách vật trí trí rồi, không chỗ nào mà chẳng biết, nên tuy có chí đạo, mà chẳng muốn nghe, tuy có lời vàng không ưa chịu. Nên Châu-an-Sĩ rút đặt cuốn thứ ba gọi là Khải-tín tập-thuyết cho tục nho xem rõ mà ăn năn sớm, tỉnh-ngộ hồi đầu, tin phật mà tu thân, hối quá cho khỏi tội hủy báng tam giáo, ngỗ hầu khỏi trời phật.»

Nhu-Như cư-sĩ là Nhan-Bình, văn khuyển tu-hành.
Người người yêu cái thân phàm, ai biết thân là khổ!
Khắc khắc tham đều vui tạm, nào hay vui thiệt gốc buồn.
Kiếp phù-sanh nường đỡ không lâu.
Phần nhục-thể sống thừa đâu chắc.
Thọ thời cầu chín chục.
Yếu không tới ba mươi!
Ngày nay dễ biết việc ngày mai (*chết không kịp trời*)
Lúc ngủ khó chờ lời lúc tỉnh. (*ngủ luôn cũng có!*)
Nếu hơi ba tấc chẳng còn!
Thời vóc ngàn thu hết thấy!
Mới biết xác phàm không chắc.
Cho hay hồn quí rất linh.
Gân-dai, dính các xương.
Da - mỏng bao nhiêu thịt.
Tóc lông răng móng, bụi đóng không thanh.
Ghèn mũi, nhọt đờm khóm hờm chẳng sạch.
Đông run, hè nực, cầu sống, lâu dành bệnh rét
hằng niên! (*năm*)
Chi cần, muối ve, trông còn mải, dựa loài trùng đòi bữa.
Xác thúi, không vui không sướng.
Hồn khôn, khá tỉnh khá tu.
Sao người mê-mụi gọi phong-lưu?
Còn kẻ lờ-mờ đánh triều mển!
Đầu rối xức dầu giắc nĩa.
Vóc hôi, ướp xạ pha hương!
Lựa hàng, bao xác thịt phô-trương.
Gấm nhiều, đắp thân phàm bán-dạng.
Uổng trao giời nhiều cách.
Khó bền-bỉ trăm năm.
Không dè lờ mắt nhức đầu, ông Diêm-chúa sai
người đến rước.

Mới biết rụng rụng bạc tóc, quỷ vô-thường lảnh giấy đi tìm.
Đắm sắc tham tài, giục mau về Địa-ngục.
Cổ ngon say rượu, hối sớm xuống âm-tỳ.
Sống tạm tham vui một thuở.
Thác rồi chịu khổ ngàn năm.
Một mai, thẳng xuống tuổi vàng.
Bốn vóc cứng như cục-đá.
Cơn hấp hối, uỳnh tay còng cẳng.
Lúc ngật mình, hả miệng trợn tròn.
Dầu vợ con yêu dấu không phép cầm hồn.
Tuy cốt-nhục tiếc thương, khó bề thế mạng.
Kẻ sống luống lụy châu chan-chứa.
Người thác thời hồn phách dật giờ!
Đường u-minh như chạng-vạng lờ-mờ.
Nơi dị-cảnh thiết lạ-lùng bợ-ngợ!
Cửa Nhơn-quỉ, qua ranh càng thẳm.
Cầu Nại-hà thấy nhịp mà ghê!
Cách dương-gian, mới được bảy ngày.
Xuống âm-phủ, trải đã nhiều điện!
Phán-quan đọc án, chẳng dung tình.
Quỉ-sứ cầm thương không vị mặt.
Cơn sống tu-hành, đưa Thiên đạo, lên tiên lên thế.
Lúc còn làm dữ, hành thang-đồ, bị lửa, bị đao.
Xưa ngỡ bày Địa-ngục gặt người.
Nay mới thấy, Minh-vương xư tội.
Gương Nghiệt-Cảnh hiện rành tội dữ khó chối khó từ.
Cổ Dạ-Đài, hành đủ cách ghê, hằng kêu hằng khóc
Bị gươm chịu giáo, hồn linh không chết dễ hành hình.
Đội gạc mang lòng, miệng vật khó phân, gằm trả nợ?
Cao tài bươi kiếm kích, rày xương quỉ tốt cũng quỉ!
Lợi khẩu ngạo phạt tiên, nay thấy Minh-vương phải mọp
Hồn đã bò-cản, miềng Hạ-Giải.
Xác còn nằm ngửa, giữa quan-tài.
Ngày vẫn, hoặc ngày dài.

Tháng sáu cùng tháng bảy!
Trời nực mau sinh, giòi tửa nhúc.
Hàn sơ khó kín, thúi hôi bay!
Theo phong tục Thổ: đốt ra tro.
Giữ thể-thống giàu: quán dễ tể.
Lúc sống đỏ da thắm thịt, nay hóa bầy lầy.
Ráy nằm dầm đất mục xương sẽ ra tro bụi.
Niềm ân-ái ngày, xưa lạt-lẻo.
Oai anh-hùng, khi trước tiêu tan!
Tắm mộ-chí, luống ghi lời-mộng.
Tiết thanh-minh, trông đốt giấy tiền!
Nếu theo thể sự, người đời ai khỏi một lần.
Muốn thoát luân-hồi thân sống mình tu ít quí (*1 quí
3 tháng*).

Phải biết: Trong xác phàm đều có vị chơn-nhơn.
Đừng bi: Nơi ngục đất nhiều ma nui quỷ sống.
Tu dầu trai, dầu gái cũng thành.
Niệm dầu tục, dầu tăng đều rồi.
Sớm tu Tịnh-độ, hóa thân ngồi giữa tòa-sen
Chớ đắm hồng-trần, hết thuở xuống miền ải-quỉ!
Đừng hẹn ngày này qua ngày nọ, để mản xuân xanh.
Há trông người trẻ khóc người già, chôn thêm xương trắng
Di-đà hằng nguyện rước, tòa-sen dư, nỗ bỏ biếng ngồi chơi
Diêm-chúa chẳng tình riêng, roi sắt thiếu, lại tìm nài đánh
thử

Kiếp theo lảnh bỏ dữ, mau chừ lỗi lo tu.
Gặp ai nên, khiến lảnh hồng-trần.
Thương bạn phải. lo tu Tịnh-độ.
Trông ai nấy, đồng về Cực-lạc.
Muốn bao nhiêu, *thây* khỏi luân-hồi.
Phật nói thiệt nay mười phương tin thiệt.
Người không tu, sau bốn ngã khó tu! (*tu-la, địa-
ngục, ngạ-quỉ, súc-sanh*)

Còn tấm thân lo sớm cho thành.
Hết hơi thở, tiếc chầy khó độ.

LÝ CHƯƠNG CẢNH THẬM U-DỤC.

(Bị cố ý, vì trước thấy riêng, nên tin lý chắc mà che mình, lại mê, hơn tình dục.)

Những kẻ mù, và đui trong bụng mẹ đui ra, không biết hình con voi ra thế nào, Vua nuôi theo xóm đui tàn tật. Ngày nọ vua ngự truyền dẫn bọn đui đến, phán hỏi rằng: «Các người muốn biết con voi chẳng? Nếu muốn biết thì trăm lập thề cho mà biết, kéo quê tôi mần đời.»

Bọn đui quì tâu rằng: «Chúng tôi có kẻ quê trong bụng mẹ quê ra không biết năm màu ra thế nào, có đâu mà biết tới ông voi, là vật lạ tai quá! Nếu ơn trên, lập thề cho biết, chúng tôi cảm đội bằng trời.) Vua truyền thẳng Nài dắt voi ra ngoài sân châu. Bảo các người đui, mạnh ai nấy sờ cho biết. Bọn ấy bu rờ xung quanh đủ mặt. Vua phán hỏi từ người rằng: (Người biết hình voi ra thế nào, thuật lại nghe thử? Kể rờ nhằm voi tâu rằng: Tôi biết voi rồi, hình ởng trên lớn dưới nhỏ mà cong cong, mĩa mai dờn kim.) Kể rờ nhằm cẳng tâu rằng: (Tôi biết voi rõ ràng, hình suông-óng tròn vo như cây cột. Kể cao voi rờ tới xương-sống tâu rằng: Nay tôi mới biết ông voi cao như nóc nhà. Kể thấp rờ nhằm bệ sườn, lắc đầu tâu rằng: (Các người ấy tâu dối, tôi rờ rõ ràng, hình voi như tấm vách.) Kể rờ tai cái rằng: (Các người nói sai hết, tôi rờ hình voi như cái thùng rõ ràng.) Kể rờ đuôi, cái rằng: Nói tức quá chừng, thiệt tay tôi rờ rõ ràng, hình voi như cái chổi. Kể rờ nhằm ngà cái rằng: (Các anh đừng đặt chuyện nói má, Voi nhỏ bằng bắp tay, dài chừng một sải, tròn mà đầu lớn đầu nhỏ như cái dùi trống, đâu có lớn

mà nói dị kỳ, bấy lâu họ nói gạt, ông voi lớn lắm nay nhờ ơn vua cho tôi rờ voi mới biết rõ, thiệt nhỏ như con rắn mà thôi. Bọn đui ai cũng chắc ý chỗ mình rờ rõ ràng trong tay đều cái vang, mà đánh phần phải, cái thét tới tức mình đánh lộn, nhiều người thoi trật té nhủi mà u dầu. Đức Vua thấy nực cười, phán cách ngay thẳng mà giải hoà như vậy: Tại các người không rờ đủ cả mình con voi, nên chưa biết hình voi cho toàn, ai rờ nhằm đầu thời chắc mình biết rõ mà cái mãi, nói sai hết không ai biết rõ nguyên hình con voi. Để trăm thích nghĩa rành thời cũng như thấy. Voi là một con thú lớn hơn các loài thú bốn cẳng, lại có vòi, có cặp ngà là quý, vòi là cái mũi, ngà là cặp nanh, răng chó lòi ra như nanh heo. Mía mai đòn kiềng là cái vòi voi. Như cây cật là cẳng voi, Như nóc nhà là xương sống voi, như tấm vách là bệ sườn voi, như cái thùng là tai voi, như cây chổi là đuôi voi, như dùi trống là ngà voi. Ai rờ nhằm chỗ nào nói trúng một chỗ ấy, nên chắc ý mà cái hoài.

Trăm có con mắt, thấy đủ trọn con voi rõ ràng, thích nghĩa rành cho mà nghe chung. Đừng có nói một cách riêng, mà đánh thỉnh không vô ích. Bọn đui sợ chết chém nên phải làm thỉnh không dám cãi lại, chớ trong bụng cũng chắc ý hình con voi, hừ chỗ mình rờ, vì sợ tay sợ chon, không làm một mảy! Có khi đức vua sợ mình hỗn chiến mà may rủi, nên đặt đều mà nói giải hoà, kéo mấy đứa rờ thất-thổ không phục, lẽ nào ông voi gì lớn giữ vậy, mà bắt sống sao dặng? Bề nào mình biết rõ ràng chắc chắn hơn hết! Tức mình mấy thằng đui kia rờ lầm nhằm cái gì đó, nên nói bậy như bò. Té ra ai cũng cứ tin theo ý riêng, nghi vua đặt chuyện nói xuôi, nên bọn đui ấy không biết voi cho tới chết! Nếu vua đừng cho bọn đui ấy rờ trước thời có đầu kê chắc cách riêng, mà khấn vào trái tim cho in tri. Để phán mấy lời như vẽ hình voi, ai nghe cũng hiểu rõ ràng, có đầu cứ ý riêng cái hoài, tới nỗi đâm trúng đâm trật. Tôi nghe thích nghĩa rành rõ cũng không ti

Cũng bị rờ trước một chút, chắc ý tay mình đã thữ rồi, ai nói cách nào cũng chê sai hết, mới tin trăm phần chắc đã khấn vào trái tim, dầu ai nói phải thế nào, cũng nghi nói gât. Như các cậu học nho, coi châu-con sách tiêu-học. (Hiếu-kinh), thời nói chết thì mất hồn, không có đầu thai luân hồi gì hết, nên còn sống lương gât làm dữ cho mản đời mà thôi. Có thấy bài tổng luận trong sử thì cứ chê ẹp Phật lão vì khấn vào lòng!...

Kể dốt như chưa rờ tới mình voi, nói phải lý thì tin cả, nên dễ khuyên tu Tịnh-độ, dầu tu chưa đăng cũng không dám chê phạt, như các cậu đã rờ voi, tuy trong bụng còn trống trơn, song đã học một hai câu gia-truyền, khấn vào trái tim rồi, cứ kêu ngạo mãi. Nghe nói tới tu Tịnh-độ chẳng đề vào tai, cũng không hạch hỏi cho minh lý. Cứ chê trước rằng, ta dư biết mà! Ấy là đám di đoan. Phật lão dối đời, ai làm mà giảng, thiệt chẳng thêm nghe! Té ra lời chơn thiệt của Phật, chê đại là huyền-hoặc, cho uống nước cam lộ, cũng sợ tránh như thuốc độc. Nên khó độ kẻ học nho chưa rành, vì trước thấy riêng một phía, nên tin lý chắc mà che mình, mê hơn sự sắc-dục, khó gỡ cho ra, thiệt là:

*Lạ chi thỉnh sắc lễ hằng,
Một dầy dả buộc, ai chẳng cho ra.*

TIÊN YẾU TRI TAM THỂ CHI THUYẾT.

Trước phải biết nhơn-quả ba kiếp

Người học nho không bác-lâm, hay tin sự nhân-tiên không tin lý phải quấy. Ấy là tin mục bất tin lý. Đợi xuống âm-phủ thấy rõ sống lại mới tin. Ấy là kẻ sơ học ít thấy hẹp nghe nếu người chơn nho hoặc có thấy thính Tiên, cơ viết ra thì phú, tin có thần tiên rõ ràng thì tin có ma quỷ, dầu đến nỗi gọi không hồn nên chẳng có luân hồi, không gọi chết thời hồn mất. Nếu tin có tiên thì có Phật, lẽ nào hông chiếu xem kinh cho thông rành tam giáo, thời còn giảng tam thể làm chi? Bởi không tin tiên căn hậu kiếp nên không chịu tu Tịnh-độ là phép rất

qui báo của đạo phật, kiếp trước hiếp sau cũng như sự hôm qua với ngày mai, lẽ nào mà không có, chẳng phải đạo Phật bày ra sự dối, ví như ngũ-tạng lục phủ ở trong bụng người bình biết rõ chứng mình sao lại nghe lời thầy thuốc, kẻ nói vầy người nói kia, ai nói tạng phủ bình khác nhau cũng tin hết coi như các vị thuốc trong tủ của mấy thầy là cớ sao? Như việc sống thác luân-hồi, tích xưa tích nay mình từng nghe từng thấy biết có rõ ràng sao lại xem sách này tin lời nọ, ai nói có luân hồi đầu-thai cũng biết chắc kẻ khác cũng phạm-phu như mình, luận không có luân-hồi, chết mất hồn không đầu thai, cũng nghe mà tin gượng theo. Phạm tục nói, không quỷ-thần Tiên-Phật cũng học mà tin, là nghĩa gì? ...

Mình đã biết rõ có ma quỷ, thấy đủ chứng cớ, nào là ma-da, nào là ma thắc-cổ, ma chết chém thành con trốt người bị cộp ăn thành con bọ, rừ quẩn kẻ khác nạp thân cho cộp ăn, kẻ bị sấu ăn, cũng thành cô-hồn theo sấu ma hoan-hồn, quỷ tinh hiện hình ma trong nhà, xác ma tại đất nhĩ-tì (Nghĩa-địa) ma ngoài mả hoan đất cúng người thấy rõ ràng, sao coi kẻ phạm đặt sách vô-quĩ-luận, nói không có ma quỷ mình không biết chê kẻ đặt sách còn quê hẹp thấy, lại tin theo mà học, thời trí huệ mình ở đâu?

Hèn chi cổ-ngử chê rằng: (*Trí giả tác chi, ngu giả thủ chi*). Kẻ khôn khéo bày đặt ra, người quê mùa tin theo mà giữ mãi, là bực quê mùa kia! Chớ mình cũng kiến thức không thua kẻ đặt sách, có lẽ thấy rõ hơn mấy cậu ngồi dưới đài giếng, ngó trời bằng miệng giếng, đặt sách nói theo chỗ họ thấy, mình lại tin mà học theo như trẻ thơ, thì tệ là dường nào? Sao quên lời ông Phục-thánh Nhan-tử nói: (Thuấn là hơn dả như hà hơn dả) Vua Thuấn lại người nào? Mình lại người nào? Mình rần làm thi cũng chẳng thua ai, sao chỉ khí ông thánh Nhan-tử lớn như vậy? dám so sánh với vua Thuấn. Còn kiến thức mình thấy nhiều hơn kẻ đặt vô-quĩ-luận, mà lại tin theo học sách ấy.

Nói không ma quỷ, là trí hay sao? . .

Nghĩ nào cam tâm nghe theo người dốt hơn mình đành chịu tôn nhường mà học, chỉ khí tẻ như vậy há chẳng hồ sao? Nay nghe rõ mà còn mê chưa tỉnh dậy sao? Nhường là nhường ba vị giáo chủ tam-giáo, là đức Thánh Khổng-Tử, 40 tuổi đã hết lắm.

Đức Lão-Tử ông thánh minh còn khen, đức phật Thích-Ca tu mấy trăm kiếp đên kiếp làm Thích-Ca tu mới thành Phật, thành Phật rồi thấy rõ tam-giải mười phương, mới đặt kinh Đại-Tạng chia 12 bộ chất bằng non, vì sống lâu lắm, lại thần-thông quản-đại, đặt mau và nhiều. Nếu đức thánh Khổng-Tử mình đặng thấy việc trên trời dưới đất và sống lâu như vậy, có phải đặt bấy nhiều sách đó sao? Chắc đặt cũng nhiều như phật Thích-Ca vậy. Vì người phạm luận lý mà nói cho trùng là khó và lâu, còn thành Phật rồi, thấy rõ biên chép thì dễ và mau lắm.

Sao lại chấp nhứt không rán xem hết bộ kinh Đại-tạng, là phật thấy mà ghi, chắc biết dương nào để tin người phạm-tục như mình, định dọa mà đặt sách, lại tin chắc mà học, lưu truyền cho kẻ trí cười quê. Tôi kêu xin mau tỉnh dậy đừng mê chiêm-bao nữa, mà thiệt hại cho tánh mạng mình! Tỉnh lại !! Lại tỉnh !!

Tôi xin giải lý câu ngũ-tạng trong bụng mình, lời An-Sĩ nói tắt: (Giả như mình bịnh tả một ngày dư mười thứ, rước những thầy quen ở gần đến coi mạch đoán rằng bịnh tiện-bế, hớn đã bảy ngày không đi đại, phải xổ cho mau kéo chết.) Minh lấy làm lạ, rước thầy quen khác chần mạch cũng nói vậy, rước lần tới mười thầy đều đoán quyết bịnh bón phải xổ mới sống, mình khai thiệt đã hết ruột, mấy thầy thuốc cũng cãi rằng: Không phải! Bón rõ ràng. Vợ dốt nói mình đau nói mê, sao bằng mười thầy coi mạch mới hiệp nhau làm chắc. Lật-

đặt đem tiền theo lấy thuốc xỏ, ở nhà thời may có lương-y lạ du-phương ghé xin nước, mình hỏi ra biết là thầy thuốc cạy chần mạch thử, lương-y coi mạch nói bệnh tiết tả cả ngày rồi, ti vị liệt gần ngay ruột, phải uống thuốc chi-tã mà cầm cho mau kéo khốn. Liền biên toa cho mình rồi kêu đi thế khi cũng chẳng tin toa ấy nên không uống, vì ông thầy này lạ mới đến nói một cách khác hơn mười thầy mình tin cạy lâu nay đã khấn vào trái tim rồi, bề nào cũng đợi vợ đem thuốc sỏ về sắc mà uống dỏ chần! Vô duyên như vậy phật độ cũng không dặng vì: «*Phật hoá hữu duyên-nhơn*».

Phật độ người có duyên có phước biết nghe mà tỉnh hồn mới dắt ngộ tu mau thành Phật, nghĩ lại câu kinh điển tích như sơn, vô duyên khán bất đắc là phải lắm, kinh Phật gọi là nội điển hiệu Đại-Tạng dạy tới 84 000 cách tu khác nhau, rút một phép tu Tịnh-độ là tu tắt, dễ mà mau thành, quý báu như mình rồng có một hạt châu, non-côn có ngọc thượng-hạng. Vì dạy nhiều nên bộ kinh chất cả đống như núi, ai vô duyên xấu phước thì khiến làm biếng mà không xem, kẻ ít phước không duyên phần xem cả trăm cuốn thấy dạy tham thiền khó lắm, tụng niệm nhiều quá cũng dả thêm, nhắm tu không nổi, có rán xem trọn bộ cho thất công mấy chục năm cũng vô ích, vì vậy mà bỏ qua, coi chưa gặp cuốn Tịnh-độ mà học, rủi biết chừng nào !.

Còn kẻ thiện căn có phước đủ duyên phần mới xem một hai cuốn, may gặp Tịnh-độ pháp-môn tin và mừng, vì tu dễ và mau thành phật rõ ràng thiệt là tu tắt, không tới hai năm mà sẽ ngồi dặng toà-sen mà thành phật. dầu trăm sợi dây cột mà kéo lại bảo hốt mấy muôn cân vàng mà cắt, rồi sẽ tu tịnh-độ cũng không thêm. Vì tu tịnh-độ dễ lắm, lo tu kéo trễ ngày giờ, ấy là người có duyên phần, thiện-căn phước đức. Thương người đồng học, phân lời ngay chẳng ngại trái tại.

Độ bạn chơn-tâm, tu phép tắt cho mau thành phật
đả xem rõ 17 kiếp văn-xương đế-quân giáng bút tự thuật
thời tin phải luân-hồi, xem kinh Đào-viên Minh thánh
của quan Thánh dạy rành thì biết có Tiên, Phật, Thánh-
Thần thiên-đường địa-ngục, quan Thánh tự thuật kiếp
trước là ông Ngũ-tử-Tư đời này làm quan Thánh. nói
Trương-Phi sau đầu thai đời Đường là Trương-Tuần, đời
tên không đổi họ, sau đầu thai đời Tống làm Nhạc-Phi, đời
họ còn tên, lại nói Khổng-minh là vì sao Quảng-huệ, nhuế
tinh sao chổi giáng sanh đời Hán quan Võ làm Nghiêm-Tử
lăng (Nghiêm-quan) đời Tam-quốc mới đầu thai làm Khổng-
Minh. Đời Tống thấy Thiên-Lâm «thầy chua» làm lộng
quá, mới đầu thai làm ông Châu-Tử (Châu-văn-Công).

Chú giải sách tứ-thơ với ngũ kinh mà sùng tu Nho-
giáo, kinh diệc nói: (Nhà chứa lạnh nhiều lắm hưởng đời
mình chưa hết phước, đủ đức để cho con cháu hưởng nối

Kinh thơ nói : (Làm lạnh, trời cho xuống trăm đều
lạnh, làm dữ, trời cho xuống trăm đều tai hại.) Đức
Thánh Khổng-tử nói : (Kẻ làm lạnh trời trả phước, kẻ
làm dữ trời trả họa.) Tại sách Khổng-tử Gia-ngữ thiên tại
trần phải làm lạnh làm dữ là chữ nhơn, như gieo giống
trồng hột. Trời trả phước trả họa là hỏa, hột nào mọc sanh
ra trái nấy, như trồng dưa sỏ có dưa gieo đậu sỏ đắng
đậu chắng! Sau gọi đức thánh Khổng-tử? không nói tam-
thế nhơn-quả ! Gieo hột như tiền thế, hưởng phước là ăn
trái, đời nay gieo ra nữa đời sau con cháu hưởng là hậu
thế, nhơn à hột giống, hỏa là trái của giống ấy, tam-giáo
lý có khác nhau đâu ?) Kinh phật nói : (Muốn biết kiếp
trước làm dữ lạnh, thì coi đời nay chịu họa phước) nghĩa
là thấy người hưởng phước đời này, biết tiền căn có làm
lạnh, thấy kẻ mắc họa chịu khổ, biết kiếp trước họ dữ
lắm.

Muốn biết sau chịu họa phước thời coi đời nay dữ
lạnh. Phải làm nhơn nào hỏa nấy, hột nào sanh trái nấy
chăng? Nếu biết rõ nhơn-quả báo-ứng, thì dám làm dữ,
ở trái lẽ đâu ! Bằng bất thông tưởng chết rồi, thì hồn tiêu
mất, ăn thua khôn đại một đời, rán lo chụp giựt ít chục
năm xài cho lỏa mà chết, trời không làm chi mình dặng.

thời khi người, ỷ thế hiếp người, mưu kế xảo trá lường gạt người, tóit nôi giết người mà đoạt của, làm loạn mà giành nước thì quả báo nhân tiền, bị tù đày tại ngục dương-gian, đến chết sẽ hành hình nơi địa-ngục âm-phủ. Nếu một xứ có một người tin nhưn-quả mà làm lành, muôn người tin phước sợ tội, tu thân mà giữ bổn phận, không dám sanh sự, đua nhau làm lành thời xứ ấy hưởng phước bình an.

Nếu xứ nào không tin nhưn quả đua nhau làm cho đông thì xứ ấy sanh loạn.

TAM THỂ NHON-QUẢ CHI LÝ,

Không-tử tất định thuật quả

Cái lý báo ứng ba kiếp, đức thánh Không-Tử chắc có nói rồi, cái sự báo ứng quả báo ba đời, trong sử sách biên chép rất nhiều kẻ không biết, như nói có kẻ chết giấc sống lại nói thấy ông Nhan-tử-Uyên với thầy Bốc-tử-Hạ làm quan Văn chức Tu-văn-lang dưới âm-phủ. Lại đời Tống có kẻ chết giấc sống lại nói; «Thấy ông Bao-Công mặt đen làm vua Diêm-la thứ năm, ông Hàn-cầm-Hồ ông Khấu-lai-Công làm Minh-vương phải là học trò đức thánh Không-Tử nhờ đức hạnh văn học mà làm quan văn nơi Âm-phủ chẳng? « Phải ông Bao-Công, ông Hàn-cầm-Hồ ông Khấu-lai-Công thanh liêm chánh trực mà làm vua theo thập-diện chẳng? Và ông Lưu-Công lưng mọc lông dê nói chuyện ba đời, thì rõ sự bền Trung-quốc.

Còn nước mình vua Đạo-quang bèn Tâu «Trào-thanh» có gởi quốc-thư qua vua mình hỏi tên ông hoà-thượng là Tiền-thân của vua Đạo-quang vì trong bàn tay Đạo-quang sơ sanh có nét chữ đỏ, đề rằng Hòa-thượng Nước Nam-Việt, nên Đạo-quang gởi bạc cho vua mình xây tháp cho Hòa-thượng ấy, là xác kiếp trước của vua Đạo-quang. Nói sơ bấy nhiêu đó, cũng đủ biết chết rồi hồn luân hồi mà hưởng phước, chịu đền tội kiếp trước, bằng chứng

chắc chắn như vậy, sao lại không tin lời Phật cấm người tu không cho vọng ngữ, Phật lại đặt kinh nói gạt làm chi!

Huấn chi đời nay mắt thấy tai nghe sự luân-hồi cũng hiếm. Bởi đức thánh Khổng-Tử không nói chữ luân-hồi nhơn-quả nên tục nho cử rất nghiêm không dám nói vào miệng. Bởi phần đạo nho của đức thánh Khổng-Tử dạy việc nhân tiên can-thường luân-lý về sự nhập thế ở đời, nói chưa biết việc sống, rảnh đâu giảng leo qua việc xuất thế của Phật-Lão, Ngài là sao thủy-tinh giảng thế, làm Tổ-vương đời châu-mạt mà dạy đời, có chữ trong bàn tay và lân mừa sách ngọc cũng có chữ, ngài dạy : (Tề như tại, tề thần như thần tại). Cùng ông bà cha mẹ coi như có hồn ngồi đó. Tế thần tượng như có thần chừng đó, gọi là thờ thác như thờ sống mà ngài không nói. Sự quái gỡ, sự sức mạnh chinh chiến, sự làm loạn, sự quỉ thần, vì không phải chánh bốn phận đạo nho của ngài dạy.

Vả lại một bộ Luận-ngữ là tay đệ-tử của thầy Hữu-tử «Hữu-Nhược,» biên lời vấn đáp cư-xử của ngài, biên nhón cộng 8.503 chữ là chung và lời nói của học trò và bộ gia-ngữ cũng ít, vì biên nhóm lẽ nào biên hết lời nói trọn đời ngài mà ít quá có bấy nhiêu tiếng nói đó sao? Rất đổi câu ngài nói thường. (Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phước.) Là nói lý tam-thế nhơn-quả mà sách luân ngữ còn bỏ bớt thay, sách gia-ngữ thiên tại trần lúc bị vây tuyệt lương bấy ngày, thầy Tử-Lộ mới tức mình mà hỏi : (Tích giả đo giả văn chư phu-tử viết vi thiện giả thiên báo. Phu tử tích đức hoài nghĩa, hành chi cửu hỉ, hạ cư chí cùng dã.)

Xưa tôi nghe thầy thường nói. Kẻ làm lành trời trả phước, kẻ làm dữ trả họa, song thầy ở đức hạnh, làm nhơn nghĩa việc lành rất nhiều đã lâu,

sao còn bị khốn cùng tai nạn đến nỗi vô cơ mà bị vây tuyệt lương nhin đói như vậy. Đức thánh Khổng-Tử trả lời rằng, chỉ chữ thiên mạng thí dụ văn-vương bị tù đủ lý bảy năm trùng nhĩ bị trốn chỉ rõ tánh với thiên đạo, phải là giảng cách tu hành thành thánh với mạng là tam thể như-quả theo thiên đạo chăng ?

Bởi vậy thầy Tử-Cống là bậc thông minh, đứng khoa ngôn-ngữ nghe một biết hai, mà nghe không nổi, tánh với thiên đạo nên than rằng: (Phu-tử chi văn chương, khả đắc nhi văn dã.) Phu-tử chi ngôn, tánh dữ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã. Nghĩa là văn chương của thầy dạy thì còn nghe qua hiểu mà học nổi. Chớ thầy nói chữ tánh với việc thiên-đạo thiết nghe không hiểu nổi, rất dỗi thầy Tử-Cống còn hiểu không nổi chữ tánh, nói việc thiên-đạo của đức thánh Khổng-Tử nói thay. Huống chi các tục nho đời nay, hiểu tánh là gì? thiên-đạo là chi? mà luận bàn cho rợn. Thiên-đạo là vô-tư, thiên-đạo là háo hoàn, phải là cội rễ lý tam-thể như-quả chăng? Rất dỗi người phạm giàu năm vạn mà có năm đứa con phải lấy lẽ công bình chia cho mỗi đứa một vạn chăng? Không lẽ cho đứa hơn một vạn đứa lại ít ngàn đứa thì không có, chia công bình như vậy, mà sao 5 đứa con kẻ khó người giàu là tại nơi nó ăn xài nhỏ lớn. Đứa cần kiệm của, làm ra của, tuy có một muôn đôi ba năm sẽ thành hai muôn. Còn đứa ỷ của sẵn ở không toạ-thực sơn-băng, lãng phí ít năm tiêu hết thì trở nên nghèo mới đi làm mướn, còn cậu nào mê bài bạc thua ít tháng cũng hết tuổi cùng đường thọ giáo với thần-vòng.

Còn trời đất là cha mẹ lớn, cha mẹ chung loài người chỉ công vô-tư, lẽ nào bỏ chữ công bình mà thiên-vị kẻ thương người ghét, cơ sao kẻ mới lọt lòng làm con vua con quan, con nhà đại-phủ giàu trong trứng giàu ra, đứa con nít mới lọt lòng mà

làm lành chi, đặng hưởng phước tự nhiên như vậy? Phải là tiền căn làm lành tu nhơn tích đức, song chưa đáng bực thành thánh thần tiên-phật, hoặc theo thánh-thần tiên-phật hưởng phước Thiên-đường Tây-phương nên Thiên-mạng định số mạng. Đầu thai hưởng phú quý gọi là tiền phá do thiên, phải là tiền thế nhơn, kim thế quả, như cực khổ làm ruộng năm ngoài, nên năm nay ỡ không mà sáng cơm ăn chẳng? .

Còn trời ghét chi đũa con mới lọt lòng cho làm con ăn-mày làm con nhà đói rách cơ khổ, có đũa lọt lòng đã mang tật đui mù sức mỏi, càm ngọng, cà-lăm, điếc hoặc mọc thêm dư ngón, hoặc không có xương sống, hoặc hai cẳng nhỏ tiều đi không đặng, phải là kiếp trước a-hành ác nghiệp, nên thiên mạng định số mạng cho đời nay phải bị tàn-tật còm khổ mà trả hoả đời nay chẳng? .

Còn kẻ đời nay ỡ lành đủ trả nhần tiền chưa đủ kể tới số mà chết thiên mạng định số mạng kiếp sau hưởng phước hoặc đền tội, phải là hậu thế nhơn-quả chẳng? Nên gọi thiên đạo vô-tư, thiên đạo hoá-hoàn, nhờ coi kinh Phật mới thông lý chơn nhơn, nên nhơn nói: (Tri mạng chi nhơn, kiến lợi bất động, làm từ bất oán.)

Người biết mạng là tại nơi Thiên-đạo hoá-hoàn, trời định số mạng theo tiền căn, dầu thấy lợi cũng chẳng động lòng tham, biết số không làm giàu, dầu lấy của phi nghĩa (vô cớ) ấy, thì nó cũng không ở (hoá-bội nhi-thập diệc-bội nhi-xuất). Cửa vô cớ vào cũng kiếm cớ trái lẽ mà ra, nên không tham làm chi vô ích, cứ thủ phận mà đợi thời. Còn tới thác cũng không hờn, bởi thiên-mạng định tới số mạng thì cam lòng chịu chết chẳng dám hờn trời trách người. Đức thánh Hồng-tử, bốn mươi mới hết làm, năm mươi tuổi mới biết thiên mạng. Còn chữ tánh là bực thành thánh (nói thánh ngoại vương) trong là cách vật tri-tri, thành-ý chánh tâm tu thân cho thành thánh. Ngoài thời tề-gia trị nước, sửa phong-tục cho thiên-hạ thái-bình là phò vua giúp nước, cứu dân. Nên thầy Tử-Cống giữ theo chữ tánh của đức thánh không nổi, mới gọi nghe không thấu, làm không đặng. Như kinh Diệc nói: « Tồn tánh tồn tâm, đạo nghĩa chi môn . » Giữ tánh trời phú

là lương tâm, gìn lương tâm là cửa đạo nghĩa, không dám hở ra một giây phút mà làm quấy, mới là dưỡng tánh theo đạo nho (chơn-nho). Nho-giả chỉ học nên nho (tồn tâm dưỡng tánh) như ông thánh Tăng-Tử thận-độc, giữ lòng lúc một mình không dám làm quấy, coi như có mười mắt ngó thấy, mười tay chỉ mình. Như ông Thuật-Thánh Khổng-tử-Tư đặt sách Trung-dụng giản chữ tánh rằng: «Không sự gì hiển hiện cho bằng sự mình giấu, giấu trong buồn còn lâu tiếng ra. Không sự gì chán chường thấy lớn cho bằng sự nhỏ mọn, vì mình gọi sự quấy nhỏ mà làm hoài, lâu ngày thành quấy lớn hiển hiện chán vẫn như hòn núi, nên người quân-tử phải giữ lòng sửa nét một mình như ông Tông-thánh Tăng-tử đặt sách đại học, chép thánh kinh của đức chí thánh Khổng-Tử mà giải ra mười truyện dạy người sửa lòng vậy, ấy là đạo nho thành thánh.

Còn đạo lão theo thần tiên. (Tu tâm luyện tánh) cũng giữ lòng coi như thân lòng con khi hay thấy máy không tịnh sửa ý như con ngựa, hay thả buồn cương, câu cách Cánh-hành nói: «Toạ mặt thất như thông củ, ngự thốn tâm như lục mã. Tuy ngồi trong nhà kín ban đêm, mình làm sự chi cũng không ai thấy. song sửa tánh coi như mình ngồi giữa mối lộ ngã-tư, tư bề đều có người ngó thấy nên không dám buông lung làm quấy. Rất đôi một mình ngồi nhà tối kín-đáo còn dữ như vậy, thời biết lúc ban ngày có người thấy càng kiêng dè thập bội. Còn coi trái tim vuông vức lối một tất, mà kèm nó cũng bằng đánh xe lớn sáu ngựa, cầm sáu mối dây cương trong tay lục bí tại thử. Tu tiên theo đạo Lão-Tử, gìn lòng giữ tánh như trâu tâm-viện, buộc Ý-mã, đặng vậy mới thành tiên.

Còn đạo Phật: « Minh tâm kiến tánh. » Tâm sáng như nhựt nguyệt, nhờ xem kinh phật nói rõ mới biết việc

tam thế, quá khứ vị lai học tham thiền cho định tánh, tu Tịnh-độ cũng thấu tâm, đời lâm chung thấy linh tánh xuất theo Phật về Cực-lạc liên-hoa hóa-thân mà thành Phật. Tịnh-độ là tu tắt.

Nên nho dạy Trung-thứ, là đem sự ngay, đổi ra mà suy xét muôn việc, sự chi mình không muốn cho mình, thì đừng đem việc ấy mà làm cho ai, thì trọn lành hết dữ thành thánh.

Đạo Lão dạy chữ : « Cẩn Ứng » hãy làm thì có báo ứng nên sửa lòng giữ nết theo công-quá-cách trọn lành mà thành tiên.

Đạo Phật dạy hai chữ « Từ-Bi lòng lành thương chúng sanh mà độ hết, nhờ đức lớn phước dày, công-quả lớn mà thành Phật.

Trung-Thứ, Cẩn-ứng, Từ-bi, sáu chữ tâm-pháp của đạo tam giáo, đều có chữ tâm hết thấy. Phật Thích-Ca nói : « Tâm chánh thì thành Phật, tâm tà thành ma. » Cũng hiệp với nho, muốn trao mình phải sửa lòng cho chánh. Muốn sửa lòng chánh, nhờ xét cho cùng lý gọi là cách vật, nhờ rộng học hay xét mới thông biết đủ hết, gọi là tri-tri, thời hết nghi mới là chắc ý thiết tình, nên mới chịu sửa lòng cho chánh mà tu thân (trao mình) thành thánh.

Nói sơ bấy nhiêu đó, thời đạo nho cũng một lý với Phật Lão song nho dạy, ngũ luân ở đời, Phật Lão dạy tu xuất thế cho thành tiên Phật. Học trò thầy Hữu-Nhược đâu hiểu tánh với thiên đạo của đức chí thánh Khổng-tử mà biên chép nhơn chuyện thường nên thiếu sót vô số. kẻ tục nho không biết xét cho cao xa, đời câu nào đệ-tử thầy Hữu-Nhược có biên vào, mới gọi là sách mà dám nói dám học. Như vậy trong sách, không biên lời ngài thuật chuyện song thân ngài, kẻ học nho cũng không dám thuật chuyện cha mẹ mình sao? Trong sách không thấy ghi khoản ngày thuật chuyện anh em bà con ngài, mình thuật chuyện anh em bà con mình, cũng lỗi đạo sao? Ngài không nói tới gia-sản, không trả lời về khoản làm ruộng lập vườn với thầy Phàn-Trì, mình học nho cũng

không nên làm nhà, sắm gia sản, không nên làm ruộng lập vườn sao? Đến nỗi trong sách không ghi bút mực giấy thơ sao mình dám dùng các món ấy? Sách biên áo rộng bố mùa hè, áo cừu mùa đông mà thôi, có biên áo vẫn với quần đâu? Thế mình học nho cũng không dám dùng mấy món trong sách không biên đó chẳng? Đồ vàng đồ thiết tĩnh Giang-Nam, sách nho có ghi đâu mà dám dụng? Các màn vẽ tĩnh Tây-xuyên, cũng không có ghi vào sách Tứ thơ sao lại dám xài? Hề món chi việc chi ngãi không có nói đặng ghi vào sách, nếu mình không dùng thời là dị đoan sao? Tục nho hẹp thấy ít nghe, mà không hỏi lại không xét lý thật tư mình biện cho kỹ, cho rành mà đốc hành. Cứ chấp nê từ tiếng nói, lầm biết bao nhiêu? Chẳng những hại mình với gia-quyển, lại hại vô số kẻ tĩnh lời mình làm loạn mập mờ theo ý riêng chỗ thấy hẹp, vì không chịu bác-học (bác-lãm).

Còn như sách dị sự đời lời thánh dạy, có biên vào sách mới dám làm theo. Sau sách ghi dạy Hiếu, Đễ không ai làm theo, dạy Trung Thử sao không làm theo, đồ thừa khó lắm, làm theo không nổi. Như vậy còn xưng học chi vì ngôn hiệu dã. Kẻ tục nho bắt chước chước nào đâu? Sao dám xưng nho?

Còn sách Nho thánh có dạy say rượu, thua bạc, diêm đàn, hoan-dã, kêu ngạo không? Sao lại dám làm đủ mừng mà còn xưng nho già, há không mắc tội với Thánh-nhơn chẳng? vì làm cho hư danh-dã đạo Thánh!

Còn ông quan Thánh tu theo nho, nhờ vào chùa Phổ-Tĩnh nương theo ngôi tam-bảo, thánh hậu Thánh theo Thần-đạo hưởng huyết-thực. Sau ngộ theo Phật pháp nên đặt kinh Minh-thánh, cấm sát sanh rất nghiêm, (Nhứt thiết hoá sanh giai vật mạng, hà tất trưng cung bộ vồng tâm) lại nói (Vô cơ nhi sát tể sanh linh,) và nói (Bất thực ngư khuyển đảng nhục, khả miễn lao ngục tù hình.)

Vật nào cũng có tánh mạng, đừng bắn chim lười cá, đừng vô cơ sát sanh mạng vật, đừng ăn thịt chó thịt trâu (bồ cày) vì hai vật ấy có công với

với đời. Chữ lao có ngưi dưới, chữ ngục hai khuyên hai bên, nếu cử hai thứ thịt trâu chó, thời khỏi đề-lao ngục hình.

Sau kinh thánh tích có đem tích Trương-tam vì tế ngài bằng tam sanh, có dê heo, mà ngài bắt hồn lên quở cấm. Cho hườn hồn mà khuyên đời đừng cùng ngài bằng đồ mặng, thì đủ biết ngài theo phật rồi. Còn kẻ dốt nói ngài không ăn chay trường không buộc ai trường chay, ngài tu theo nho thành về Thần-đạo, phải tu theo Phật sao mà trường chay? Rất dỗi mới tu Tịnh-độ Phật còn cho thập chay mà tập lần, chừng già yếu sẽ trường chay cho Phật rước, có đâu dương ăn mặn, nức niềm trường chay. Vị nào được như vậy là nguyên nhơn, nguyên kiếp trước có tu nay mới tỉnh ngộ mạnh mẽ như thề, miễn cứ sát sanh trong ngày ăn mặn, ăn khô mặn, thịt chó, đồ chết thì đủ rồi.

Nếu bác học hiểu rõ như vậy, thì Tam-giáo cũng như một nhà một đạo, đâu dám phân nhơn-ngã mà chê lộn nhau cho bị tội bất xá. Tội nặng khó tha! Là tội chê tam-giáo, ta không nỡ để cho người kêu tướng lầm, chê kinh mà mang tội nặng nên biện bạch cạn lời. Ai có duyên thì tỉnh-ngộ sám-hối, tu Tịnh-độ cho mau thành. Nếu chấp mê không tỉnh là kẻ không có duyên phần Phật còn chẳng độ, ta biết làm sao! . . .

TRÍ-GIÀ VẬT DỄ ĐOÁN MẠNG TỰ ĐẢI.

(*Kẻ trí dừng liêu minh, cam tâm chết yếu*)

Người đời xưa không thác yếu, nay tuy xác-phàm thác sớm, song tánh là thần-hồn còn hoài, nên cái hồn như người, còn cái xác như xe thuyền kiệu ngựa ngồi đỡ tới nơi bước xuống thời thôi, nên gọi hồn là chủ nhơn, (ông chủ ngồi xe kiệu

ngồi thuyền cỡi ngựa), Lại gọi là bốn-lai diện-mục cái mặt cũ, vì linh hồn lâu dài theo trời phật, gọi là tánh phật nên tu Tịnh-độ thì dễ thành chánh giác.

Còn lúc làm người sống lâu lệ có trăm năm trăm tuổi, có khi bị bệnh phải chết trước số ấy. Người nay không tin luân-hồi kiếp sau, biết có cái xác mà không tin có hồn, rõ ràng cho mình là kẻ chết yểu què biết thế nào.

HỮU TRÍ DÃ BẤT KHẢ ẨM KỲ KIẾN VĂN.

Người có trí chẳng nên che lấp chỗ nghe thấy

Nếu kẻ có trí rộng nghe thấy. Chẳng phải theo bức hẹp thấy hẹp nghe, như kẻ nhà què phượng rầy, không biết cảnh nhà đại-phủ. Như kẻ nhà giàu chưa biết đền vua. Ấy cũng một loài người ở chung một cõi trần, còn hẹp thấy hơn nhau nhiều bức vậy. Huống chi việc cõi Trời, lại còn cõi Phật xa hơn nữa, mắt phàm thấy không dặng. Ví dụ kẻ dốt, khen học trò là rộng nghe rộng thấy. Chớ bức bác học coi học trò tục nhỏ còn hẹp nghe hẹp thấy. Vì tin mà nghe theo, kẻ học trò nhỏ trước chép lại mà học lóm, ghi khẩn trong trái tim đã chắc ý như tay mình sờ voi rồi, không ai gỡ cho ra nổi. Vì sự nghe thấy của tục nhỏ hiểu có một nước, chớ không hiểu trong thế giới nội trái đất nhiều nước dầm không xiết! Năm tháng nhiều đếm cũng không cùng. Biết người ban đầu, là vua Bàn-Cổ sắp xuống mà thôi, không dè trước nữa chín kiếp nhỏ mới tới Bàn-Cổ. Biết hên Tàu hiệu Trung-hoa chính giữa không dè nội thế gian 16

nước lớn, cũng xưng Trung-hoa 500 nước bọc trung. 10 muôn nước nhỏ. Biết người già bảy mươi gọi là từ xưa ít có. Không dè lúc mới có loài người kiếp đầu, mỗi người sống tới 8.400 tuổi ! Biết sự ăn mặt, phải làm ra sự cực nhọc mới có. Không dè cõi Phật cảnh Tiên, với trong thế gian có nước Bắc-cu hê-châu muốn ăn thời có ăn, muốn mặc thời có mặc hiện tiền. Biết bạc, vàng của báu khóặng. Không dè mười phương các cõi Phật, đầy đất thiếu chi bảy loài báu. Biết ông Thương-Hiệt chế ra sáu tuồng chữ. Không dè từ có loài người đến nay, đã có 64 thứ chữ. Biết kinh sử sách vở chúc đĩnh, gọi là sách nho như rùng. Không dè tại đền Phổ-quang-Minh. Kinh sách chất cho bằng non núi. Biết vợ chồng ăn ỡ, tinh huyết hiệp mà có thai sanh. Không dè liên-hoa hóa-thân như Na-Tra, là lệ thường nơi nước Cực Lạc, nhờ bụi sen mà thành hình người tám thước mọc, sạch sẽ lạ lùng hơn trong bụng đờn bà chưa sanh ra bằng bấp tay, đợi lâu ngày mới biết ăn, đôi ba năm mới biết nói tới mười mấy tuổi mới lớn thành nhơn (Song tục nho cứ nói chuyện thường, không tin sự lạ, nếu mấy câu ngồi trong thơ-phòng mà đặt sách biên sử, nghe đồn phương Âu-Châu có máy nói, máy bay, giấy thép nói . . . các sự lạ tai, chưa đem tới cho cậu thấy tận mặt, mới nghe cũng đặt lời luận bàn, chê là huyền-hoặc gạt đời ! Chừng tận mắt mới tin, đặt lại bài khác bài phục cho thái quá. Ấy là chuyện người làm trong thế-gian, con mắt thịt họ ngó thấy đặng, mới phục như vậy. Còn như kinh Tiên kinh Phật, đời nào họ tin cứ chê dị-đoan bày huyền-hoặc gạt đời, đợi chết xuống Âm-phủ thấy rõ mới tin, làm sao sống lại mà xưng tụng mà chịu lỗi).

Họ cười đặng một con sầm ồm yếu, mồn da thì khen là quốc-sắc, tợ ngọc như hoa. Nưng niu từng trượng, nói gì cũng nghe nấy, gọi tài-tử giai-nhơn, tiên nga giáng thế. Dè đâu vua Chuyển-Luân có một bà Ngọc-nữ là Vương-phi, còn hai vạn diệu lệ phu-nhơn, xinh tốt hơn tiên-nữ ! Còn vua Ngọc-hoàng, trừ Thiên-hậu ra, thời Ngọc-nữ cung-ngà tới số ức, cũng bằng Ngọc-nữ của Chuyển-luân-vương nên Thiên-đế phải hóa hình cả ức mà chơi bởi với cả ức Ngọc-nữ cho vui, có bạn. (Vi có khoái

lạc ấy, với ngư tữ, cùng rượu ngon của bà Tây-vương-mẫu là Diêu-tri dải yến Bàn-đào, hưởng y thực tự nhiên khoái lạc đệ nhất. Tuy mỗi lần chư thiên với đại-tiên qua phát thỉnh pháp, muốn tu qua Cực-lạc, trở về bị Ngọc-nữ Tiên-cô ràng buộc, đi tu thêm không đặng, ở hưởng lần mấy trăm ngàn năm cho hết phước mà thôi. Nên kinh nói: (Nhơn đạo dễ tu Tịnh độ về Tây-phương. Nếu dễ thành về Thiên-đạo (Thiên-đường) làm Tiên Thánh e sự khoái lạc mà khó tu về Tây-phương. Vì Tây-phương không có lửa-sắc, cũng như mình tâm thường thì chịu tu, nếu làm tới nhứt-phẩm đại-thần mắc lo hưởng phú-quí vinh-hoa không chịu tu Tịnh-độ vậy.

Biết loài người linh hơn muôn vật, không dè loài người là Nhơn-đạo, thua Thiên-đạo là chư-thiên chư-Tiên. Trong mười phương chiếm đặng một cõi, biết thờ một hai vị Thánh-nhơn, tôn là xưa nay không vị nào sánh bằng. Không tin có Phật, Trời, Tiên, Thần chi hết. Nào hay mỗi nước đều có ông thánh riêng, làm giáo-chủ má trị dạy loài người nước ấy. Nội diêm Phù-đề là một cõi Nam-thiệm bộ-châu, có một phần tư thế-giới, mà còn tới 6400 loài người, nước nào cũng có ông thánh nước ấy. Ôi, các thế-giới ấy có phải học ít, nội sách nho đó mà hiểu thấu đâu ! Có phải bực biết tiếng thanh sắc tốt, nhiều của là quý đó, mà dòm thấu một mảy sao ? Vì như con trùng ở trong một thước đất mà ăn bùn, cũng gọi rộng rãi khoái lạc, đâu lìn có rừng xanh ở biển cả, vược sống lược mây cũng như con Tu-hú chim Sâu, cưỡi Đại-bàng bay cao vô ích. Én, Voi, Sẻ-sẻ biết chi khi chim Hồng nhạn, chim Học sao nổi. Như Bồ-hun lăn đất tròn vo gọi là khéo mà vui vẻ khoe-khoan, dè đâu có chim Đại-bàng, chợp cánh bay lên chín muôn dặm. Thiệt là thấp thỏi quá chừng.

Nếu coi hết kinh Phật đầu nhỏ người, cũng to con mắt. nhờ Phật ở cõi trên thấy rõ hơn hết, nên đặt kinh để lại không sai, chẳng phải như kẻ phạm tục định đeo nhầm chừng nói bók mà sai, người học đạo Phật, phải mở con mắt cho lớn.

TẠNG-KINH BẤT KHẢ BẤT ĐỘC

Chẳng nên không đọc kinh Đại-Tạng.

Gà, chó, trâu, dê biết kêu mà chẳng biết nói, nên không quý bằng loài người biết nói. Song kẻ biết nói mà dốt nát, coi người biết viết thơ gởi cho ngàn dặm là quý hơn mình. Song kẻ biết viết, khó hóa cái tay ra trăm ngàn, mà viết cho mau cho nhiều, cũng khó để cái tay cho còn trăm ngàn năm mà viết mãi. Lại còn coi người thông-thái đặt sách khắc bản in ra không biết mấy muôn cuốn, để truyền dạy muôn đời là quý hơn nữa. Ấy là sách thề-tục, còn thua sách nho của thánh hiền dạy đời giữ cang-thường luân-lý mà giữ nền phong hóa. Chớ chỉ bực học nho đã thông rồi, bác lãm xem qua cho hết kinh phật, thì biết thấu việc trên trời dưới đất, trong biển kiếp trước, kiếp sau dầu cung rồng đến biển cũng hiểu thấu, phải là thông thái vô cùng, quý báu vô giá chẳng? Tuy đã rộng việc thấy nghe thông-thái như vậy, nếu không tìm phép nhiệm của phật mà tu tặc cho mau lên khỏi ba cõi trời, thì cũng không dạng liên-hoa hóa-thân ngồi tòa-sen như phật, mà khỏi luân-hồi, như lục-đạo, thời chưa được trọn lành. Nên sớm xem kinh Đại-Tạng mà tìm cho ra phép tu Tịnh-độ pháp-môn xét thông lý, tinh mà chịu tu vài năm, dầu tới số cũng giảng-sanh cực-lạc tìm cha mẹ mấy kiếp trước cứu độ mà báo ân, mới nên trang đại hiệu, đứng trí-huệ phước đức vô cùng.)

Hoặc có kẻ hỏi rằng: « Tuy Phật ghi thiết sự tích cung rồng dưới biển, e kẻ tục nho không tu chẳng? » Đáp: « Nếu các kẻ tục nho, thuật chuyện vua Võ, vua Thang, Văn-vương, Võ-vương cho kẻ

dốt nghe, họ cũng nghi đặt đều nói gạt. Nên kẻ hay chữ, phải coi kinh Đại-tạng mới tin.»

TRẠNG-SU THIỆN Ử ỨNG ĐỐI

Thầy Trần-huyền-Trang (Tam-Tạng) khéo trả lời rất hay

Người tục thấy thầy chùa dối mà không tin tình-độ là lắm lắm. Cũng như thầy đạo-sĩ là n quấy mà chê đạo tiên đức Lão-tử. Thầy tu nho làm quấy, mà dám chê đạo nho của đức Khổng-Tử. Rất dối kẻ có trí còn không bỏ lời nói phải của người quấy thay ! Lẽ đâu vì kẻ đệ-tử làm lỗi, mà dám chê tới vị giáo-chủ đạo ấy cho đành ?

Xưa vua Đường Thái-tôn (*Thế-Dân*) phản hỏi thầy Huyền-trang rằng : « Trẫm muốn đãi các sãi ăn trai-tăng, song thấy các sãi tu không y luật, hạnh chẳng ra chi ! Nên trẫm chưa nhứt định ! » Thầy Tam-Tạng tâu rằng : « Non còn có ngọc hời còn lộn bùn. Sông lệ nổi vàng, há không dính các Cây đất tạc hình La-Hán, kính thờ dựng phước chẳng sai. Đồng vàng đúc tượng kim-thân hũy-hoại mang tai không khỏi. Rỏ rỗng đất làm mưa chẳng dặng, đảo-vỏ dùng rỗng đất mà lập đàn. Sãi phạm cho phước sao xong, cầu phật dụng sãi phạm mà niệm chú. » Đường Thái-Tôn nghe rõ phán rằng : « Phải, từ rày sắp sau, tuy gặp đạo nhỏ sãi hèn, cũng kính người của Phật. » Ôi ! vua Đường Thái-Tôn có thiện căn cách chỉ điểm nghe mau tỉnh-ngộ. Thầy Trần Tam-Tạng thông kinh luật, lời giả-linh tâu lẹ thâm-trầm ! »

ĐƯƠNG Ử NHỤC-KHU, SÁCH YỀM LY TAM

(*Phải tập lòng, nhằm cái xác phạm*)

Người ở đời có bát khổ (tám điều xây vắn)
Là: Sanh, lão, bệnh, tử, ái, biệt, ly, náo, tang, hội,
câu bất đắc. Ngũ-âm xí-thạnh. Sanh ra cũng khổ,
già cũng khổ. ngặt mình thác cũng khổ, Ly-biệt
cũng khổ. Oán thù giận ghét cũng khổ. Muốn
không đặng cũng khổ. Năm mối thạnh, cũng khổ,
là Sắc, chịu, tướng, làm, biết món nào nhiều lắm
cũng khổ luôn. Tám điều khổ ấy xây-vắn mãi, mà
gọi là vui! cho nên khổ mãi, lại ưa chịu mà lăn
vào! Không biết chừng nào ra khỏi.

Giảng sự khổ lúc mới sanh: Con trong bụng
mẹ, ở dưới lá gan trên đại trường. Từ vãng mớ
mà sanh nhau, lần lần thành hình ở trong tử cung
không đặng thông thả: Mẹ ăn đồ nóng mình như
xối nước sôi! Mẹ uống nước lạnh, như nằm nước
đá! Ở không sạch, ăn uống huyết nhơ! Chịu gần
ba trăm ngày, cầm bằng hai mươi năm khổ nảo!
Đến lúc sanh ra, động đầu như treo ngược. Đầu
chun ra như bị nong lỗ hẻm. ép gần móp, mình
lớn như cán mà đem ra! Nhứt sanh nhứt tử trong
một khắc, giết mẹ cũng trong cơn đó! Bà mẹ kéo
ra, đau mình như xe cán, nên khóc tu-oa! Lúc
sanh rồi bị huyết nhơ tống theo, lại tiêu tiêu dầm
dề, không biết hồ thẹn. Dầu nhà giàu sang cũng
phải như vậy! Dầu thánh hiền cũng chịu như vậy.
Bởi người quen thói, nên không phiền. Nếu đem
thanh xét kỹ, thêm buồn thêm hổ. Phật Như-Lai
thương chúng sanh, dạy phép tu Tịnh-độ, sau vãng
sanh theo cách liên-hoa hóa thân, cho khỏi khổ
ấy. Sao còn dắm mê xác phàm, không nhàm,
không gớm, muốn dầu thai nữa!

ĐẠI HIẾU NHƠN, BẤT NGUYỆN NHẬP THAI
(Người có hiếu lớn, không muốn dầu-thai nữa)

Linh-hồn đầu-thai chịu khổ đã đành, mẹ cũng khổ nữa! Nói chi mười tháng mang mền. Coi một ngày khổ, lâu quá một năm: Đến cơn chuyển bụng, mẹ đau đớn mười phần, hải kinh và hồ thẹn khó nói: Coi như ở xóm ma, sợ rủi mà bỏ mạng, van-vái cho qua! May mà mẹ tròn con vuông, mẹ cứng con như ngọc báu: Con dài ướn, thời mẹ nằm chỗ ướn, dời con qua chỗ khô. Bông ằm ngó chừng săn-sóc. Lờn tục nói: «Nuôi một đứa con, ăn mòn chi đó. Bú rút sữa, hao huyết là bao nhiêu? Còn cha chịu cực nhọc, nuôi và mẹ và con mới vuông tròn, nên ơn cha mẹ như trời che đất chở... Xưa sãi xuất-gia, tham-thiền đúng bực, xuất hồn qua đến cảnh phật, học túc-mạng thông, mới biết các kiếp trước tỉnh lại, than rằng: «Một mình ta, làm lụy năm bà mẹ năm kiếp phiền não! Kiếp thứ nhứt sanh một lược với người lối xóm mà ta ngọt hơi! Mẹ ta thấy đứa con xóm trên nuôi dặng thời tủi phận mình mà than khóc mãi! Kiếp thứ nhì chết hồi còn bú, mẹ ta thấy ai cho con bú, thời nhớ ta mà khóc dầm! Kiếp thứ ba ta mười tuổi chết yểu, mẹ ta thấy bạn hữu ta cưới vợ, cũng động lòng khóc than. Kiếp này ta bảy tuổi, bệnh nặng đem vô chùa, cầu kinh mà mạnh, mẹ y lời vái cho ở chùa mà tu theo thầy. Song mẹ ta ở nhà cũng nhớ ta mà phiền não nhiều đời. thiệt khó từ tội bất hiếu, Kiếp này rán tu tấn tới cho mau thành, mà cứu độ cha mẹ năm kiếp, dặng đèn ơn cho trọn thảo! thề không dám đẻ đầu thai nhiều lần nữa! mà hại các cha mẹ kiếp sau!» Coi lại thiên-hạ di chen vai nối gót ngoài đường rần rộ đó, ai khỏi hại cha mẹ nhiều kiếp phiền não? mấy ai báo hiếu cho tròn? Đầu thai một đời, hại thêm cha mẹ mới, cực khổ

một đời. Nếu luân-hồi trăm ngàn muôn kiếp, thời lụy thêm cha mẹ nhiều kiếp nữa. Nếu như xuất gia tu hành đăt đạo đặng liên hoa hoá thân, không đầu thai nữa, mà làm khổ cho các cha mẹ, kiếp sau. Lại độ các cha mẹ những kiếp trước, phải là đại hiếu, toàn hiếu chẳng? người đời nay chê phật lại nói xuất gia tu hành là bất hiếu để cam tâm chịu đầu thai mà hại cha mẹ.

ĐẠI QUỜI NHƠN TU TRI TỰ TIỀM

(Người sang cả phải biết hồ then)

Người sang cả đó, không phải cao ngời lộc cả, chỉ người học đủ năm xe, phải bỏ cái thể hèn là nói phải bỏ cho đặng, cái thể hèn của cầm thú đều làm, Cái hèn gì vậy « Một là: cái tham: hai là: « cái dâm dục: ba là giết hại, bốn là: trộm cướp. Bốn cái này, loài cầm thú nó đều làm đủ vậy. Còn ngoài nữa có các món nhồm gồm hồ then, ôi thời trong, hoá phần là một cái như uế không luận trần tu trăm mùi ăn vào miệng là ngon ngọt béo bùi nuốt khỏi cổ rồi cách một ngày đêm nó chảy xuống đại trường hơi lắm nói chẳng đặng, chứa nó cho nhiều bèn theo đường đại đường tiểu mà tuôn ra, cái vạ xấu xa cũng đồng với loài khuyển lợn. Mấy cái đó là thể hèn phải biết hồ then mỗi ngày phải xét hồ then như vậy, nếu như cái thể hèn đó, mình không tỏ biết, không chịu nhàm lìa, thời cùng loài cầm thú không lạ, cho nên phải trách mình giận mình, mà bỏ cái thể hèn đó cho đặng, mới thiệt là người sang cả như các vị ở trên cõi Trời Lục-dục tuy đồ ăn, gọi là đồ thiên-tu-đà, nhiều món thơm quý thơm ngọt, ăn rồi tan ra hơi thơm bay hết. Không tiêu tiểu như uế, như kẻ phạm, lại không có ghèn mũi nhớt đàm, ngồi trên mây thơm biến-hóa tự tại, đi dạo muôn nước, trong giây phút muốn đi thời tới. Mặc dầu qua lại rảnh rang. Nên gọi móng tay của chư-thiên cầm bằng cõi Diêm-phù-đề. Dầu bậc giàu sang cho mấy cũng phải luân-hồi mang xác phàm muốn đặng liên-hoa hóa thân, cho bắt dứt cái thể hèn mà sống đời, thời phải xuất-gia tu theo phép Tịnh-độ đạo Phật. Chỉ

thánh Khổng-tử, á thánh Mạnh-tử, dạy mình ở đời, không dạy cách xuất thế như vậy đâu. Cứ kiếm trong sách nho hoài vô ích. Dầu tu theo Tịnh-độ có sai chạy, không đặng vãng-sanh Cực-lạc, cũng được lên cõi thiên-đường, đạo muôn nước trong giây phút.

TÀM KIỀM DỤ

(Thí dụ con tầm ở ổ kén)

Con tầm kéo tơ làm kén, vắn tả hữu, bao dưới bao trên. Kéo hết tơ chỉ trông ruột ra, quyết làm nên ổ mà ở trong cho an phận. Nào hay kéo hết ruột cực hết sức lộn ra nhộng, trối mình cho chặt, đặng chúng ươm trong nước sôi mà lấy tơ. Ý nó tưởng rán sức mà giữ mình, nào hay người ta vì cái rán sức của nó mà hại nó. Mấy muôn muôn triệu triệu, tầm khờ lộn nhộng, con nào mà khỏi trúng nước sôi! Làm cho người đặng lấy tơ và ăn gỏi nhộng; thậm biết chừng nào! Mà con cháu nối dòng, cũng noi theo nghề đó, buộc mình lợi cho chúng mới là thâm thay! Người rán lo cho nên sự sản của tiền, có khác chi đâu? Rán hết sức bình sanh, quyết để sự nghiệp cho vợ con giữ đời, nên mới gây oán thù nhiều chỗ. Gầy dựng vừa xong cơ nghiệp, thời đã lộn nhộng, bỏ mình rồi! Coi lại muôn muôn ngàn ngàn người, có ai khỏi trả nợ đời, khỏi bị báo oán. Mà con cháu cũng noi theo kiểu ấy luôn luôn, thiệt cũng lạ lắm! Trong kinh Tứ thập nhị-chương nói: «Người vì vợ con buộc trối quá hơn xiềng tỏa trong đê-lao! Nhưng mà «tội tù cầm còng còn ân-xá» Vợ con trối buộc chẳng buông tha!

ĐOẠN LAM DỤ

(Thí dụ cái đặng có đặt lò)

Người bắt cá vì đặng (nỏ) ngoài vàm rạch, không cho cá nhảy ra. Trong lại thả cỏ rong rêu nổi đầy như cặm chà, cho cá ngớ có chỗ núp. Ngoài miệng đặng nỏ lại đặt lộp lờ dưới nước, trong miệng lờ có cái hom, chun vô thời xuôi, ra ngược không đặng vì mắc kẹt. Bầy cá đua

nhau chun vô lờ, tưởng là chỗ kin-đáo như ồ hang. Nào hay giống tôm vô cái rộng! Sông ân-ái cũng có nò đặt lờ như vậy, kẻ lờ sông Ái-hà, lúc lạnh mạnh vô sự thời ở yên, vợ hiền con thảo, cũng như lúc chưa chung vô lờ-lờ. Mảng vui vầy, nên không chịu tu Tịnh độ, càng ngày chung riết vô lờ Ái hà! Nhắm lúc vua Minh-vương đương giở lờ lên, dầu vợ thương con triu, cũng không biết làm sao, mà kéo ra đăng, chẳng bao lâu, vợ con cũng lần lần chun vô cái lờ Minh-vương nữa! Muốn cho khỏi vô lờ Minh-vương, thời lờ lên cho khỏi Ái-hà là sông mê mau mau niệm Di-đà, tu theo phép tịnh-độ, thời sao đăng vãng-sanh Cực-lạc cả nhà.»

MÃ DỤ

(*Ví dụ con ngựa*)

Ngựa có bốn hạng: Hạng nhứt thấy bóng roi thời chạy, không đợi đánh vô mình. Hạng nhì đánh một roi thời chạy luôn luôn, không đợi đánh nữa. Hạng ba đánh ít không chạy, đánh nhiều mới chịu chạy. Hạng chót đánh bao nhiêu cũng không chạy, đợi dùi đâm vô thịt, chảy máu mới chạy.

Còn người cũng nhiều hạng: Trí-huệ hạng nhứt mau tỉnh ngộ, nghe có người ở xa trăm dặm mản-phần thời giựt mình lo rằng: « Người ở xa trăm dặm thác rồi, mình cũng loài người, sao khỏi thác. Mau tu Tịnh-độ cho kiếp 24 tháng, mới chắc vãng-sanh, ngồi liên-đài.» Cũng như ngựa Kỳ, thấy bóng roi thì chạy.

Thứ nhì: Nghe bà con thác thời giựt mình lo tu...

Thứ ba: Thấy người trong xóm thác, thời giựt mình dắc ngộ.

Hạng chót, đợi người trong nhà thác, hoặc mình già bệnh mới giựt mình tỉnh-ngộ mà tu tịnh-độ ngày đêm. Cũng như ngựa đợi dùi đâm thấy máu mới chạy. Nếu già bệnh còn chưa tỉnh-ngộ mà tu, thời hết bực rồi, khác nào con ngựa dùi đâm mấy vít, máu chảy đầm dề, cũng không chịu chạy, chủ phải làm hàng mà bán như heo, lấy tiền mua con ngựa khác mà dùng. Con người tới già

bệnh, mà chưa buông bỏ tu tịnh-độ hết lòng cho phát rước, thời còn đợi cấp quĩ vô-thường tiếp dẫn!»

DẢ HỒ DỤ

(Thí dụ chồn-cáo)

Chồn cáo-cộc tối lên vô bếp ăn vụng, no quá ngủ mè. Rạng đông chũ tờ xuống nhà trù, chồn tỉnh giấc hí mắt thấy đông người, sợ vi bắt, nên không dám chạy. Giả chết đợi chúng xách mà ném sể dòng êm. Đưa đầy-tờ nói:» Chồn ăn vụng phát ách mà chết, để tôi xách bỏ đi kéo thú.» Thằng con lớn chủ nhà nói: «Để tôi chặt đuôi phoi làm chồi, rồi chú sể xách đi.» Nói rồi lấy mác chặt đuôi! Chồn cắn răng không dám động-địa! Thằng em nó nói: «Chú không xách, đợi tôi cắt hai cái tai nó để chơi.» Chồn nằm nghĩ thầm rằng: Ráng chịu đau cho thằng nhỏ cắt hai tai, không đến nỗi chết.» Thằng nhỏ lấy dao cắt hai tai rồi. Bà chũ nhà nghe rõ, bước xuống căn rằng: «Khoan xách đã! Bởi cái áo da dê của ông rách, khó kiếm da mà vá. May lắm mới gặp da chồn cáo-cộc thiệt rất lớn thiệt qui, để lột da phoi mướn thuộc, mà vá áo dương-cầu.» Chồn nghe hoảng hồn nghĩ rằng: «Nếu lột da, thời trước phải chặt đầu khứa cổ, chết đi còn gì. Thà vùng chạy cầu may, chẳng hơn giả chết nằm lì, cho chúng giết!» Nghĩ vậy, vùng nhẩy nai chạy đại mà khỏi: Vì ai cũng không ngờ nó giả chết mà đề phòng ơ-hờ nó chạy khan sẩy đi, theo vi bắt không kịp! May thay cho chồn cáo-cộc!

Con người ở thế, như chồn vô nhà bếp, ai cho khỏi thác một lần? Trừ ra tu tịnh-độ mới đăng vãng-sanh, cũng như giựt mình chạy liều mạng mà thoát khỏi! Hết lúc xuân xanh mạnh khỏe, ví như chồn đã bị chặt đuôi, mới già như chồn bị cắt thêm tai. Già quá bệnh nặng, như chồn bị hăm lột da, mà chưa chịu nhẩy nai cho khỏi chết. Như người già bệnh mà còn chưa chịu phát nguyện tu tịnh-độ mau mau, ngày đêm tụng niệm, cho kịp lâm chung mà vãng-sanh mới khỏi Vô-Thường tiếp dẫn. Cứ lờ lờ đợi chết sể ra mắt Minh-vương, mà thử kinh nói Địa-ngục, thiệt có hay không cho biết! Kéo vọi tin tu theo Tịnh-độ

mả uổng công! Thời khác nào chồn nằm li coi
thiệt quả lột da vá áo, hay là nói nộ! Như vậy
cũng đáng khen hồ-ly. Đa nghi quá quắt, can đởm
khác thường!

QUI CỰU MINH-VƯƠNG

(Đồ thừa lời tại vua U-Minh)

Lão kia mản số hồn xuống âm-ty, Minh-vương
cử án định tội... Hồn lão tâu rằng: « Phải hay
sớm thiệt có địa-ngục chắc chắn như vậy, thời tôi
đã tin kinh phật tu Tịnh-độ vãng-sanh, khỏi nhọc
công đại-vương xử đoán. Phải chi đại-vương mở
lòng quân đại, nhân tin cho tôi biết trước mà tôi
không lo sớm đến nay hành tội mới ưng. Té ra
chẳng dạy mà giết ức biết ngần nào, xin châm chế
sự lỗi lần thứ nhứt? Minh-vương phán rằng:
« Trăm thông tin nhiều lần lắm : Tóc người muốn
trở hoa râu, là tin thứ nhứt. Răng người lung lay, là
tin thứ nhì. Sức người suy yếu, là tin thứ ba. Mắt
người lờ quá là tin thứ tư. Lỗ tai người muốn điếc
là tin thứ năm, bình nhiều là tin thứ sáu. Sao
trách trăm, chưa cho biết trước?» Có hồn đưa trai
nghe rõ quí lay khóc mà tâu rằng: « Ông già ấy
đặng tin sáu lần, mà không lo trước đã ưng. Còn tôi
chưa đặng tin nào, xin đại-vương xét mà thứ tội?»
Minh-vương phán rằng: « Trăm cho người hay
tin cũng nhiều lần. Người nhớ tên nọ một tuổi với
người bị thời khí mà chết, ấy là một tin. Tên trẻ
kia một cỡ với người, năm nọ bị thất họng, là hai
tin. Tên trẻ khác, bị chết trôi, là ba tin. Tên trẻ
ở gần, bị rắn cắn mà chết là bốn tin. Bạn hữu
người chết yểu, đủ giựt mình mà lo tu, đều là hay
tin trước. Đợi trăm kêu tên, mà nói với người sao?
Dầu người sức mạnh, vớ núi trùn đời, tài cao

nưng trời vạch đất, cũng không khỏi ra mắt trăm lúc lâm-chung tắt hơi. Trừ ra Tịnh-độ có phật Di-Đà rước hồn, mới khỏi quyền trăm xử. Sau thành phật, đạo đến đây, trăm phải cung kính tiếp nghinh theo lễ khách.»

BỘC ĐĂNG NGÀ

(Bướm-bướm nhỏ nhào vào vô đèn)

Bướm-bướm nhỏ, nhào vô đèn dầu mà chết, không phải vì đèn dầu mà chết, chết tại chỗ thấy của nó, gọi là sáng trưng vui vẻ, nó thấy chắt rõ ràng không lầm ! Người tu thương mà đuổi đi, vì biết chỗ thấy nó còn sai. Song nó chẳng biết ơn, lại còn giận rằng ; « Tức gì thấy chỗ sáng, muốn đáp vô mà chơi cho vui, bị họ cả-nanh ngăn-trở ! » Nên rình hờ mà nhào vô cho dặng. Bởi chắc ý chỗ thấy nó là phải không lầm ! Nên hăm hờ đua nhau đáp vô chết cả lũ : Người vì tiếng dâm sắc đẹp, rượu ngọt khói thơm, *(hơi thơm á-phiện.)* Sự lợi bài-bạc mau làm giàu. cậy mình học giỏi, chỗ thấy không lầm, hưởng khoái lạc một đời cho chí tử thời hết chuyện, không còn hồn mà sợ luân hồi quả-báo, Dầu ai giảng chánh lý thế nào, cũng chê mãi không tin, Đều tại chỗ thấy trước của mình, là chắc ý hơn hết ! Nên sẵn tời cho đến chết mới thôi, gọi là phogg-lưu một đời dả thích chí ! Con người ăn học còn thế này, trách chi bướm-bướm đáp đèn là mọn ! Nếu thấy gương ấy biết ăn năn dắc ngộ thời mau thành.

SONG NỘI THẮNG (Nhăn, ruồi)

(Con ruồi (lẩn) vô lỗ trong song)

Có loài ruồi (lẩn) kia, khờ quá ! Sẵn tròn bay

lọt vô cửa song, cứ ngó tới bay riết vào vách-tường tìm lỗ mà ra không được: Rán sức bay qua tã, bay lại hữu cả ngày, mệt quá mà không ngó ra tức mình kêu la lão-xảo cả lũ: Tại ngó tới, không chịu ngó lui, coi trước mặt còn rộng, chắc chỗ thấy của mình không lầm! Rán sức bay hoài phải ra khỏi, vì ỷ tài ỷ tặn, tấn tới không thối lui, mới gọi là ruồi khờ! Chớ chỉ nhắm trước xem sau, cho rộng chỗ thấy biết trước mình thấy lầm, tưởng rộng mà bay vào, nhắm chỗ hẹp hời tù túng. Nay ăn năn ngó lại, quay lui ra cho khỏi chỗ lầm trước thời trời cao đất rộng minh-mông! Cởi trần như nhà kín bịt bùng đóng cửa mở song cho sáng, để gạt bầy ruồi lẫn khờ, ngó rộng mà bay vào tù túng biết bao nhiêu! Nếu bầy ruồi khờ may phước ngó ngoài lại, thối lui do lỗ song lầm củ mà chun ra, bay về hướng tây, thiệt là mau mà rộng, thỉnh khoái lắm, hết tù túng nữa!»

ĐIỀU MÃ TỬ PHÁP

(Bốn phép trị ngựa, tập ngựa)

Trong lúc phật Thích-ca giảng thuyết-pháp, (giảng phép tu, đặt kinh) Gặp người Mã-sư, tập ngựa rất thiện-nghệ. Phật hỏi: «Người dùng mấy phép mà tập ngựa được hay, nên đặc danh như vậy?» Mã-sư đáp rằng: «Có bốn phép: Thứ nhất ƠN, thứ nhì OAI, thứ ba trước OAI, sau ƠN. Thứ tư trước ƠN sau OAI.» Phật hỏi: «Nếu dùng bốn phép ấy, mà tập, con ngựa nào không được, thời làm sao?» Mã-sư nói: «Không được thời làm hàng, bán thịt lấy tiền mua con khác. Vì dễ cũng vô dụng.

Còn phật dạy chúng sanh mấy phép? Phật nói: «Cũng dùng bốn phép như người: Thứ nhất AN, là giảng dạy tu hành, thành về cõi Cực-lạc. Thứ

nhì oai: nói người làm dữ, sa đoạ tam-đồ, nước lửa, gươm, đao, và bị luân hồi lục đạo, 6 ngã. Thứ ba ân trước oai sau: Giảng việc tu Tịnh-độ vắng-sanh Cực-lạc, rồi giảng lành dữ đoạ luân-hồi khổ sở. Thứ tư trước oai sau ân: Trước giảng sự lành dữ bị hành tội cho mà ghê. Sau giảng phép tu Tịnh-độ dễ vắng-sanh Cực-lạc cho mà mộ.» Mã-sur nói: «Bạch phật, nếu bốn phép ấy chúng sanh nghe mà không chịu tu, đức phật mới độ cách nào?» Phật nói: «Ta cũng giết di! Mã-sur thất sắc hỏi rằng: Như-lai hiền lành thương khắp, sao lại giết người? Thích-ca nói: «Dạy đủ bốn phép mà không nghe là người không duyên phần, có giảng hoai độ cũng không nổi, nói dai vô ích, nên không nói nữa. Không nói nữa, để cho quí Vô-thương bắt hồn hành tội thời cũng như giết!»

NHÂN DƯỢC

(Thuốc trị con mắt bị quỷ khoét)

Phật Thích-ca gần vào niết-bàn, *(gần tịch bỏ xác)* Mẹ là Ma-gia phu-nhơn *(vợ vua Tịnh-Phạn)* ở trên cung Thượng-đế cỏi trời dao-lợi, chiêm bao thấy nhiều điềm dữ Có một điềm thấy mặt nhứt ở dưới thế-gian lặn mất, cả thấy lở mồm. Quỷ La-sát vô số, cầm dao bén mà khoét mắt thiên-hạ. Phu-nhơn thức dậy than rằng: Chắc điềm con ta là Thích-ca như-lai vào niết-bàn rồi! Không bao lâu có A-na-Luật tôn-giáo, lên trời báo tin rằng: «Đời đặt sách, chê hủy đạo phật, cũng như móc con mắt người ta! Vì Như-lai vào niết-bàn rồi, không ai đặt kinh khuyên người nữa. Đời sau ít phước, sách hủy phật càng ra nhiều. Trí-huệ càng ít, thời nghe theo sách ấy càng đông.

Như vậy những người có phước phải tỉnh ngộ, khởi bị đui mù. Nếu rồi bịnh con mắt rồi, mau tìm thuốc hay mà thoa lập tức. Thuốc hay ở đâu? Sách Tây-qui Tịnh-độ, đều là thuốc hay.

HỮU NGUYỄN TẮT TOẠI

(Có lòng thành cầu nguyện, thời sau đặng phỉ nguyện)

Đời Tống có ông Lữ-văn-Chánh (hiệu *Mộng-Chánh*) tự là Thánh-Công. Trào Tống Thánh-Tôn, ông đỗ trạng (*Tấn-sĩ thứ nhất*) phong Hứa quốc-công. Mỗi ban mai, ông lạy phật nguyện (*vái*) rằng: «Kể không tin phật, xin chớ cho đầu thai vào nhà tôi. Cầu nguyện con cháu tôi nối đời hưởng phước lộc vua, mà hộ trì tam-bảo.

Sau con ông là Lữ-di-Giản, phong Thân-quốc-Công, mỗi ngày tết lạy nhà thờ ông bà cha mẹ rồi, thời đến chùa lạy phật, chúc mừng Quảng Huệ thiên sư là thầy dạy mình tu. Sau con Thân-quốc-Công là Lữ-công-Trứ, cũng thế chúc cha, kính Thiên-Y thiên-sư là thầy dạy tu Tịnh-độ. Sau sanh Lữ-háo-Vấn làm Tả Thừa-tướng cũng học viên-chiếu thiên-sư. Sanh Lữ-dụng-Trung cũng làm quan to kính phật-chiếu thiên-sư. Nối đời vinh hiển trọng phật y như lời nguyện ông Lữ-mông Chánh. Rất đổi ông nguyện sự phú quý nối đời con cháu tại trần còn đặng lâu dài. Huống chi phật tâm từ bi độ người, nguyện vãng-sanh là lẽ luật của phật mà không đặng sao?»

VI TĂNG GIÃ, BẤT KHẢ BẤT TU TỊNH-ĐỘ

(Làm sai, chẳng nên không tu niệm theo phép Tịnh-độ)

Đời Tống Thanh-Thảo đường thiên-sư, giữ theo luật Bồ-tát rất nghiêm, tham-thiền hoài, tới 90 tuổi. Nhờ ơn họ Tăng cúng nuôi: Cho ăn cho mặc. Thiên-sư cảm ơn lắm hứa sẽ đầu thai nối dòng, kéo thương vô hậu. Sau vợ họ Tăng đẻ con trai. Họ Tăng sai người qua chùa viếng Thiên-sư, thấy Thanh-thảo-đường đã ngồi mà tịch. Sau con trai thi đỗ làm quan, phong tới chức Lễ-quốc công. Bởi kiếp trước có tu, nên đời này thông minh học hay đồ sớ. Sau lần lên chức tể tướng.

ĐẠI-THÀNH TĂNG

(Sãi Đại-Thành)

Cúi trào Thanh, tỉnh Chiết-giang có sãi Đại-thành coi việc hóa-trai (*xin cơm chay*) nuôi các sãi trong chùa. Hằng ghé quán cơm họ Sứ. Chủ quán không con, có thờ phật, sãi đến hóa trai thời cầm dãi cơm chay. Đại-thành bưng cơm về chùa. Bữa nào thầy xin cơm ít, thời họ Sứ cho thêm cơm đủ số. Lúc vợ có ghen gần đẻ. Họ Sứ thấy bóng sãi Đại-thành chạy vào phòng, chạy theo kêu bổi không kịp kể vợ xô con trai. Người ấy trông hoài không thấy Đại-thành đến lấy cơm. Hồ nghi tới chùa thăm mới hay dả tịch nhằm giờ vợ họ Sứ đẻ nên chắc ý đặt tên Đại-thành. Đút đồ mặn không ăn, cho đồ chay hảo lắm! Lớn lần thông-minh có hiếu giữ nét như thầy tu. Niên hiệu Thuận-trị trào Thanh năm ất-vi đồ trạng.

Nếu kẻ thế thời khen hai sãi có tu, nên đầu thai hưởng phú quý: Kẻ làm thừa-tướng, người đậu trạng-nguyên! Còn người tu Tịnh-độ, tiếc giùm cho hai thầy! Nếu hai thầy biết tu Tịnh-độ đều thành phật. Hoặc tòa-sen bọc thượng bọc trung.

CAO-TĂNG DIỆC NGHI TU TINH-ĐỘ

(Sãi tham-thiền giỏi, cũng phải tu Tịnh-độ mới khỏi luân-hồi)

Đời Tùy, tại Tương-châu có sãi Tích - Huyền - Cảnh tham-thiền theo phật cũng rông, luyện-đơn theo tiên cũng thạo niên hiệu Đại-nghiệp thứ hai tháng sáu, nói rằng: «Sẽ tịch» Gội tắm ngồi kiết-dà (*Xếp bằng dể hai bàn chơn lên như Phật*) mà đợi phật rước. Ngó lên nói: «Lạ này, ta quyết tu luyện vãng-sanh cung Đầu-xuất, ra mắt phật Di-Lặc. Sao đến nay lại cho làm chức Dạ-ma thiên-vương, tại Thiên-đường!» Ai nấy hỏi có sao? Sãi Thích-huyền-Cảnh nói: «Không phải sức các người hiểu dặng!» Một lát lại nói: «Trên Thiên-đường rộn ràng lắm, quan khách rất nhiều.» Nói rồi xuất hồn bỏ xác!

Hỡi ôi: Hồi thầy tu luyện quyết vãng-sanh cung Đầu-xuất, ra mắt phật Di-lặc. Nào hay lại thành Dạ-ma thiên-vương! Thế tục gọi là còn thua Đầu-xuất cung, dả qui bọc nhì cõi Thiên-đường, trên Ngọc-hoàng thượng-đế.

Song sánh với Tây-phương còn kém lắm, vì nhiều ngàn năm cũng phải luân hồi. Dầu sai tham-thiền giới-bực nào, cũng phải tu thêm phép Tịnh-độ mới vãng-sanh.

BẤT KHẢ CAM TÂM TÁC QUỖ

(Chớ cam tâm làm quỉ)

Cả thầy loài người thế gian, dầu sang hèn, hay chữ, dốt, già trẻ gái trai không tu. Đến thác rồi, đều làm ma quỉ. Khuyên người tu Tịnh-độ, là không muốn cho làm ma quỉ. Tục nho không tinh kinh Phật, lại nhạo báng chê bai, chẳng những cam lòng làm ma quỉ, lại muốn bảo người đời làm ma quỉ hết thầy! Nay chưa làm ma quỉ, vì còn sống đỡ làm người tạm ít chục năm mà thôi. Bây giờ làm người đông rần rần, lúc sau thành ma nhiều điệp điệp! Người không biết sống tạm, nên rần sức mệt hơi, lao thân tiêu tứ, mà cầu sang giàu! Những kẻ cầu sang giàu khôngặng thời buồn rầu. Dầu ai cầuặng sang giàu, đến lâm chung cũng không đem chức đem củaặng. Cặp quỉ Vô-thường kêu, phải đi theo lập tức, thời giàu sang ấy ở đâu? Phải là chí nhỏ theo danh lợi, hỏi nhà mua ruộng chẳng? Sao không trở tài kỳ cho siêu thăng khỏi tam giới trên bực nung trời vạch đất, mà cứu độ cha mẹ nhiều đời nên danh toàn hiếu. Lạiặng ngồi tòa-sen có hào quang, đủ 6 thần thông như Phật. Trừ ra tu tắt Tịnh-độ, vài năm, mớiặng như vậy... Lúc lâm chung không đau trăm trệ khỏi mẹ mụi thăm sâu, biết trước ngày giờ vãng-sanh, ngồi chấp tay day mặt hướng tây, mà chờ Phật đem thiên-nhạc tới trên thính không mà tiếp dẫn. Vô-thường thấy bóng lánh xa. Diêm-chúa nghe danh kính phục. Phải là: khác hơn thế tục thành Phật rõ ràng, khỏi làm ma quỉ chẳng? Như vậy, khỏi làm ma quỉ, cũng không phải là dễ.

CỬU LOẠI GIAI ĐƯƠNG VẮNG-SANH

(Chín hạng đềuặng vãng-sanh Cực-lạc)

Chín hạng là, thai sanh: đẻ con. Noãn sanh: đẻ trứng. Thấp sanh: loài ở dưới nước. Hóa sanh: loài lộn như

nhộng, như rầy, như kiến-dương, như loài ỡ trong gạo, lúa, hột, trái, hóa sanh, trên cảnh trời, dưới chốn địa-ngục cũng hóa sanh, bốn hạn nói trên đó, gọi chúng-sanh ở cõi Dục-giải, hữu sắc là vị chư thiên ở cõi sắc giải, tuy có sắc thân không phân nam nữ không dục nhiễm. Vô sắc là hàng chư thiên ở cảnh trời vô sắc giải, từ cảnh này sắp lên không có sắc thân xác thịt, nên gọi cảnh trời vô sắc. Hữu tướng là chư thiên ở tầng trời hữu tướng. Vô tướng là chư thiên ở tầng trời Vô-tướng, phi hữu-tướng, phi-vô-tướng là vị chư thiên ở tầng trời phi tướng phi phi tướng, tầng trời này ở tốt hết trên ba cõi, mỗi vị sống lâu đặng tám muôn đại-kiếp, mỗi tiểu kiếp là một ngàn sáu trăm tám mươi muôn năm, tám chục cái tiểu kiếp là một đại kiếp. Cửu loại nói trên đó là chín hạng, chín bậc, do cõi dục giải vị hơn thiên loài quỉ, loài súc chốn địa-ngục, tóm hết là một bậc, tầng trời sắc giải bốn cõi thiên thiên, bốn bậc, tầng trời vô sắc có bốn cảnh không thiên bốn bậc, hiệp cộng hết chín bậc. Nội chín bậc ấy, gồm hết sang hèn, hơn-gian, âm-phủ, với ba cõi trên trời, dưới trời, tóm hết.

Trong chín bậc ấy có tam ác đạo là khổ hơn hết, 28 cõi trời là vui hơn hết, vui khổ khác nhau. Song vui cũng có khổ, dầu các Động-thiên trường thọ, hưởng phước vô cùng. Song hưởng hết phước rồi, cũng sa lần xuống, cho tới luân hồi như tam đồ! Sao bằng Cực-lạc khỏi luân hồi như sáu đạo. Nên Châu-an-Sĩ thường dựng hương miếu Văn-xương đế-quân, với Đông-nhạc đại-đế. Lạy rồi vái rằng: « Xin Đế-quân qui y theo phép phật, mà về làm bồ-tát cảnh Tây-phương ». Có khi dựng hương chùa bà Đầu-mẫu chùa ông Hạo-thiên thượng-đế (*Ngọc-hoàng*) lạy rồi cũng vái như vậy... Trong kinh nói ngài cũng đi thỉnh pháp bên phật, gọi Đạo-lợi Thiên-vương, nhằm chừng ngài cũng vui lòng không chấp. Xin Chi-tôn, niệm phật cầu về Tây-phương làm vị Bồ-tát rộng độ hết thấy chúng sanh trong kinh nói mỗi khi phật nói pháp, ngọc-hoàng cung kính lễ bái đứng hầu hai bên. Còn Đầu-mẫu gọi Ma-lợi chi-thiên bồ-tát cũng thỉnh pháp...

Chúng ta may gặp cửa Tịnh-độ đã mở, mà không bước

vào đó, cho đặng vãng-sanh Cực-lạc, uổng và rủi vô cùng, nên phật có lời nói thương xót chúng-sanh uổng quá tiếc thay!

NIỆM PHẬT VÔ UÔNG DỤNG CHỈ LỰC

(Niệm phật không lỗ công, mà sợ uổng)

Việc ở đời, làm không rồi, thời uổng công trước. Trừ ra tu Tịnh-độ, dầu sai chạy, cũng không mất công trước chút nào!

Xưa có lão tiều gặp cọp, sợ quính leo lên cây, niệm phật mà khỏi chết! Sau mản phần, dầu thai kiếp khác tỉnh ngộ đi tu Tịnh-độ mà thành. Niệm một hồi còn đặng thiện căn như vậy. Huống chi tu niệm Tịnh-độ mản đời. Dầu kiếp này mới tu không mấy ngày, còn lắm lỗi nhiều tội, trong lòng xao-lãng không đặng vãng-sanh. Kiếp sau cũng tu tới thành phật, có uổng công đâu? Chẳng phải như nghề thế gian: Học thi không đỗ thì uổng công, lại mang nghèo. Đi buôn không lời, lại lỗ vốn, Làm ruộng thất mùa phải hết gia-sản.

NHƠN-GIAN THẮNG SỰ, VÔ NHƯ NIỆM PHẬT

(Việc quý trong đời, sự chi hơn niệm phật)

Kinh thí dụ nói: «Xưa có hai vợ chồng ông nọ vô hậu vài trời cầu con. Vợ có ghen đẻ ra một bọc! Trong bọc có bốn món: Cái đồ nhỏ đựng gạo. Cái bình nhỏ đựng nước Cam-lộ. Cái túi gấm nhỏ. Cây gậy nhỏ! Vợ chồng than rằng: «Tôi cầu có con đặng nuôi dưỡng về già, cho đẻ ra bốn món đồ chơi chút chút làm chi vậy!» Chiêm bao thấy thần nhơn mách bảo rằng: Bốn món báu càng ngày càng lớn. Cái đồ đựng gạo trút ra nấu hoài, có gạo khác sanh nữa. Cái bình nước Cam-lộ trị lạnh các

bình. Cái túi gấm có bạc vàng châu báu, lấy hoài sanh mãi. Cây gậy bầy lông, đánh bao nhiêu đạo-tặc cũng chạy tan. Dầu có con trai lại dặng như vậy, mà nuôi dưỡng và bảo hộ cha mẹ hay sao? » Vợ chồng giựt mình thức dậy, thấy mấy món báu mau lớn quá. Sau già yếu ăn xài không hết. Mạnh giỏi làm giàu, nước khác nghe đồn, dẫn binh qua đánh mà đoạt bốn báu ấy. Ông già cầm gậy ra đánh, binh tướng chạy tan. Giữ của hưởng trọn đời. Tới cơn hai ông bà mản phần, bốn báu đều biến mất.

Người đời vì lo cho vợ con, không rảnh mà tu hành, dầu vợ hiền con thảo, sao bằng bốn báu ấy. Tuy cầu con không thấy dặng, song quyết lòng tu Tịnh-độ, trời Phật cho no ấm, lạnh mạnh tiêu xài không thiếu, đạo-tặc không phá, khỏi tai bay họa gởi, cũng như có con. Chẳng hơn sanh con bất hiếu, hại cha mẹ khổ thêm. Chi bằng Phật độ bình an, đến mạng phần dặng vãng-sanh cực-lạc, hưởng các sự tự nhiên, bốn báu ấy sánh sao cho kịp. Nên gọi niệm Phật là quí hơn hết.

PHỤ TÍCH ẤN-QUANG GHI TÍCH SÀI LINH ĐỜI NAY

Trào Thanh, niên hiệu Quang-tự năm thứ ba

Các tỉnh phía Bắc bị hạn thất mùa. Sài ở Quí-châu là Liên-mỗ nương chùa nhỏ ngoài đồng có tên dân đói Sơn-dông chạy vô chùa la đói bụng hỏi dọn cơm ăn? Sài nói: « Cơm ăn hết rồi! » Dân Sơn-dông làm đủ hối dọn mãi. Sài nói để tôi đi nấu cho mà ăn. » Vì Sài có lệ, niệm một ngày đêm cho đủ sáu vạn lục-tự, tuy hứa nấu, đợi lần xâu chuỗi ấy cho đủ, sẽ đi. Dân Sơn-dông nghe nói cầm chừng không nấu. day sống búa đập dầu Sài lúng sọ, té nhào, nó lấy muống nạo hai muống óc đồ



vô nôi xách đi, chắc đem ra đồng mà kho, dặng dùng điếm tâm, như ăn tàu hủ hoa dờ dơi. Sãi hoăng hốt, ráng lại động chuông ít tiếng. Hiệu-linh lê làng ấy, có quan đến chùa thời động chuông, Nền nôi xóm làng nghe chuông, thời chạy rần-rần tới như chạy mỏ. Tôi thấy sãi nằm máu đầu ra lai láng, nhỏ giọt cho tới chỗ động chuông. Rờ sãi còn hơi thoi thóp. Dờ dậy kêu tỉnh lại, hỏi ra sãi khai ngay. Vài mươi người chạy theo bắt dặng tên Sơn-dông dẫn về chùa, nó chịu chết thường mạng. Sãi nói : « Chắc kiếp trước tôi có thù oán với người này, nên khiến tôi không nói rành rành. » Đợi lẩn rồi xâu chuỗi sẽ nấu. Người này nghi mới đánh tôi. Nếu các ông hại đi, thời tôi bị đánh, mà trừ oan báo chưa rồi, còn đề dâm chửi kiếp khác tôi chịu sao nôi. Tôi còn một ngàn đồng diếu, cho người này đi phứt cho dứt nợ oan-gia. » Nói rồi ráng lấy tiền đưa liền hỏi đi lập tức. Không bao lâu, sãi lành sọ, cứng cũng như xưa. Song có thọ lớn, không mọc một sợi tóc.

Năm Quang-tự thứ mười ba, tôi với sư-dệ là Liên-như lên núi Hồng-loa qua núi Ngũ-dải, có ghé chùa ấy, ông sãi đã hơn 60 tuổi mà mặt mắt có ngời, ngó thấy thời biết không phải người thường. Sư-dệ là Liên-như, chỉ thọ trên đầu sãi, mà thuật chuyện cho tôi nghe. . . . Sẵn dịp khắc bản, tôi chép thêm biên phụ, cho đủ tin phật linh. Dân quốc năm 11 Thích Ấn-quang ghi.

Tây-Qui Trục-Chỉ

CUỐN THỨ TƯ

VẮNG SANH SỰ LƯỢC

(Biên sơ lược các tích, những vị vắng sanh Cực-lạc)

Chuyện không bằng cờ, thời chẳng đủ tin. Có gốc tích thời là sự thiệt. Tu Tịnh-độ vắng sanh, đều có gốc cội. Bởi việc chi, thời còn dối giả đặng, chớ giả chết làm sao được. Xưa nay Thành-hiền, hào-kiệt, giảng đạo chưa đực, tu hơn làm phải, biết là mấy ngàn muôn người. Song ai ai cũng bịnh mà mẩn phần, đâu có biết ngày giờ trước ? Gọi tám tĩn tuồng, ngồi niệm phật mà bỏ xác. Lại nghe mùi thơm nức nhà. Hoặc có tiếng nhạc trên cao. Xưa nay chưa thấy người nào đặng như vậy. Duy có người tu Tịnh-độ, những điếm lạ nói đó, không biết bao nhiêu mà người vắng-sanh không đặng nhờ tiếng, cũng chẳng ai khen là quý, là hay. Xét cho kỹ cơn lâm-chung, có điếm dị thường, thời biết chắc, hồn về cực-lạc. Sao không ai thấy vậy mà dục lòng so-sánh cho mình sẽ đặng thế ấy.

Nay tôi rút ít chục tích người tu tịnh-độ, đặng vắng-sanh hiển hiện cho xem. Biên sơ lược làm gương, gọi là khoản (cuốn) Vãng-Sanh Sự-Lược. Cui ai có động lòng phân bì cho bằng người hiển, đồng vắng-sanh cực-lạc cho linh-hiền mà độ chúng chẳng ?

BỒ TÁC VÃNG-SANH LOẠI

(Các Bồ-tác vãng-sanh Cực-lạc)

NHU-LAI KÝ VÃNG

(Phật Thích-Ca ghi các bồ-tác đả vãng-sanh)

Kinh Đại-Vô-Lượng-Thọ nói : « Phật Di-lặc hỏi : « Tại cõi này, có mấy vị bồ-tát, đặng vắng-sanh cực-lạc. » Phật Thích-Ca nói : « Tại cõi này, có 62 ức Đại-bồ-tác vắng-sanh nước cực-lạc. Bồ-tác nhỏ vắng-sanh vô số kể không xiết chẳng những cõi này mà thôi, các cõi phật khác, như cõi phật Viên-chiếu đả có 80 ức bồ-tát, đều vắng-sanh cực-lạc. Các cõi phật mười phương vắng sanh cực-lạc vô số. Nếu thuật đủ tên họ, e nói một kiếp cũng không rồi. »

VĂN-THÙ NGUYỆN SANH

(Văn-Thù Bồ-Tác nguyện vãng-sanh)

Kinh Tam-muội nói : « Phật thọ ký cho Văn-Thù, đặng vắng-sanh cực-lạc. Khi Văn-Thù đặt bài kệ phát nguyện

rằng :

Nguyên ngã mạng chung thời
Diện kiến Di-Đà phát,
Sanh tử Phật quốc dĩ,
A-Di-Đà Như-lai,

Diệt trừ chư chương ngại
Vãng-sanh an-lạc sắc.
Mãn túc ngã đại nguyện.
Hiện tiền thọ ngã ký.

THÍCH NÒM :

Ta nguyện lúc gần miền, Đứng nghi ngờ tội ác.
Mặt thấy Phật Di-đà Rước về nơi cực-lạc.
Vãng sanh nước Phật kia, Phỉ nguyện ta đã phát.
Phật Di-Đà Như-lai, Trước mặt truyền chánh giáo.

PHỔ-HIỀN CẦU SANH

(Phổ-hiền bồ-tát cầu vãng-sanh cực-lạc)

Kinh Hoa-Nghiêm nói : « Phổ-Hiền cầu nguyện mười
đều lớn độ khắp chúng sanh, lại đặt bài kệ, cầu vãng-
sanh Tịnh-độ như vậy.

Nguyên ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhứt
thiết chư chương ngại. Diện kiến Phật A-Di-Đà tức đắc
vãng-sanh An-lạc.

THÍCH NÒM :

Nguyên tôi sau đến lúc lâm chung, trừ hết nghi ngờ
cùng tội ác. Hiện tiền thấy Phật A-Di-Đà, cho đăng vãng-
sanh miền Cực-lạc

KỆ LUÂN TỊNH-ĐỘ

Thiên-thân thành Phật đặt kệ lời khuyên tu Tịnh-độ

Thiên-Thân bồ-tát, người nước Thiên-Trước tu hành
đặt nhiều hiệu kinh.....luân.....Sau lên cung Đầu-
Xuất, châu Phật Di-Lặc. khuyên người cầu vãng-sanh.

THỈNH PHẬT HÌNH NGHI

(Xin Phật giáng thể cho nghi lễ rước mình)

Ngũ Thông Bồ Tát ở chùa Kê-đầu-ma, nước Thiên-
Trước tu luyện tham thiền, xuất hồn qua Cực-lạc, ra mắt
Di-Đà mà bạch rằng : « Tôi là chúng sanh ở cõi Ta-Bà.
Nguyện vãng sanh tịnh-độ. Nay lên xin Phật hiện hình,
rước cô nghi lễ. » Di-Đà nói : « Người về trước, ta vớ

bồ-tác, sể qua nghinh-tiếp rở ràng. » Ngủ-Thông bồ-tác về nhập xác, Di-Đà đả qua tới rồi. có 50 bồ-tác đều ngồi tòa-sen, ở trên lá cây. Thọ vể thấy rõ ràng, họa hình lưu-truyền thiên-hạ (*Coi truyện Cãm-thông thấy rõ hơn, vì nói kỹ*).

TẠO LUÂN KHỞI TÍN

Mã-minh bồ-tác đặt lời luận khởi tín cho người tin

Mã-minh bồ-tác, là vị tổ thứ 12 tại Tây-phương. Có đặt lời luận Khởi-tín, giảng rành cách tu Tịnh-độ, cầu giảng-sanh cực-lạc.....Lời nói đều thiết yếu

LONG-THỌ KÝ SANH

Phật Thích-Ca ghi tên Long-thọ sau sẽ thành Phật.

Kinh Lăng-Dà nói : « Phật Thích-Ca gần tịch đặt bài kệ tiên tri rằng :

Đại-Huệ người ghi nhớ,	Nạt-bàn cách chẳng lâu.
Đời sau ra vị Phật,	Ý phép dạy người tu.
Hiệu xưng là Long-thọ,	Thiệt tên đức Ti-kheo.
Biết vô vi hữu tướng,	Mâu-ni rõ đạo mau.
Đại-thừa ngồi xe lớn,	Vãng-sanh cực-lạc mau.

TẬP THIỀN VẮNG-SANH

(Làm lành nhiều mà đặng vãng-sanh)

Kinh Đại-bì nói : « Thích-Ca nói rằng : « Ta tịch rồi, sau nước Thiên-trước phía Bắc, có sai tên Kỳ-Bà-Ca, tu nhiều các điều lành, làm phước vô số thiệt cội lành, lòng từ-bi hơn hết. Lâm chung vãng sanh Tây-phương, cách trăm ngàn ức thế-giải, nước Vô-lượng-Thọ. Bởi Phật trồng nhiều giống lành, sau thành Phật, hiệu Vô-Cấu-Quang-Như-Lai.

ĐẮT NHẪN GIẢNG-SANH

(Biết đặng phép tu, và nhần mà vãng-sanh)

Kinh Bồ-tát sanh-địa nói : « Thích-Ca dạy rằng : « Thuở ấy có ông sãi Ma-Kiệt, thông đặng phép tu, chẳng đời dờn và lại nhân nhục Năm trăm đờn ông tu theo, 25 đờn bà tu theo, đều không đời dờn như vậy, sau vãng-sanh nước Thanh-Tịnh Vô-Lượng-Thọ.

THẮNG HỘI THO' DANH

(Đề tên đứng làm đầu hội lành dạy tu)

Trường-lư trách thiền-sư noi dấu Huệ-Viễn đại sư độ người, bày lập hội liên hoa, để khuyên người tu Tịnh-độ. Đêm nọ chiêm bao thấy một vị còn trẻ, khăn đen áo trắng hình dung xinh đẹp bái mà nói rằng : « Tôi muốn vào hội Liên Hoa của ông, xin biên tên vào sổ » Thầy hỏi tên chi ? Đáp rằng : « Phổ-Huệ. » Biên rồi Phổ-Huệ nói : « Xin biên luôn tên anh ruột tôi là Phổ-Hiền luôn thể. » Sãi giựt mình thức dậy, ngẫm nghĩ lạ lùng. Nhớ trong kinh Hoa-Nghiêm phẩm (phần) Ly-thế-gian là khoản. Lia thế-gian, có hai vị bồ-tát. Phổ-Huệ hỏi 200 câu. Phổ-Hiền trả lời 2000 câu.....đều là Bồ-tát lớn, sao mà chiếu cố hội mình. Như vậy cũng là nhờ khuyên tu Tịnh-độ là trọng, nên Đại-bồ tát dự vào hội. may biết đường nào. Liền biên Phổ-Hiền, Phổ-Huệ hai vị Bồ-tát đứng đầu hội.

Liên-Tri đại-sư nói : « Sãi phạm lập hội. phạt lớn đừng tên, thiệt phép tu Tịnh-độ không phải phước nhỏ. Bởi có lòng thành. nên phạt ứng hiện như vậy, chẳng phải cầu mà đặng đâu »

CAO-TẶNG VẮNG-SANH LOẠI

(Các sãi thanh cao đặng vãng-sanh)

Đời Hậu-Tấn, thầy Huệ-Viễn ở ải Nhạn-môn, huyện Lâu-Phiên, lão thông sử truyện, thiện nghệ ngũ kinh. Nghe sãi họ An giảng kinh Bát-Nhã, mở trí tỉnh nhiều, liền cạo tóc mặc áo dà, theo An-pháp-sư, học tu diệu pháp Niệm hiệu Thái-Nguyên thứ sáu. qua huyện Tầm-Dương, thấy núi Lư-sơn rộng rãi muốn ở đó tu tâm. Cầm động Sơn-thần (thần-núi) mách bảo con chiêm bao hứa sẽ cất chùa cho Huệ-Viễn ở. Đêm nọ sấm sét mưa lớn, cây gỗ

ngả sắp đồng. Quan Thứ sử Huồn-Y nghe rõ, lo cất chùa đặt hiệu Thần-vận-Tự. Huệ-Viễn nghe ông Huệ-Vĩnh ở Tây-lâm, (*rừng phía tây*). Nền xưng chỗ chùa mình ở là Đông-lâm. (*Rừng phía đông*). Lập hội niệm Phật. Ba mươi năm không vào thế-tục. Cứ ở chùa niệm Phật cầu vắng-sanh. Chế cái đồng hồ đúng sáu giờ ngày và sáu giờ đêm. (Theo 12 giờ Tàu) Tụng kinh niệm Phật, chia giờ không ngớt. Những sai chơn tu, với chơn nho cư-sĩ dự tu vào hội ấy 123 người. Huệ-Viễn lòng thành niệm Phật ba lần thấy Di-Đà, mà trung-hậu không khéo nói. Sau năm thứ 19 tháng bảy, đêm 30 Huệ-Viễn ngồi tại đài Bắc-Nhả, thấy Phật Di-Đà ở trên không, hào quang chiếu khắp trời trong hào quang hóa nhiều Phật lắm. Quan-Âm châu bên tả, Thế-Chí châu bên hữu. Lại có 14 ngọn nước sáng, chảy tủa ra. Di-Đà ngồi giữa giảng rằng. Ta cứ theo lời nguyện, đến đây viên người, mà an quý cho thỏa lòng. cách bảy ngày nữa rước người vắng-sanh nước ta.» Ngó thấy các vị quen vắng sanh trước, đến đứng kề bên Phật là Phật Đa-gia xá, Huệ-tri Huệ-vĩnh bọn dân Lưu-di Huệ-Viễn mừng quá, ra thuật chuyện cho các môn-đạo nghe rằng : « Trước khi ta thấy Phật đã ba lần rồi. Nay thấy Phật định ngày mồng sáu, sẽ vắng-sanh tịnh-độ chắc chắn.» Đến kỳ ngồi niệm Phật mà tịch. Bữa ấy nhằm mồng sáu tháng tám. Nghĩa-Hy năm thứ mười hai.

HUỆ-VĨNH ĐỜI HẬU-TẤN

Huệ-Vĩnh ở huyện Hà-nội, 12 tuổi mộ đạo xuất gia. Học với An-pháp-sư, lúc niên hiệu Thái-Nguơn năm đầu Huệ-Vĩnh ở tu núi Lư-San. Thứ-sử Đào-phạm cúng cái nhà, làm chùa Tây-lâm, cho thầy ở tu không theo Trần-thế, quyết tu Tịnh-độ. Nghĩa-Hy năm thứ mười có bệnh, dùng sóc áo đứng dậy. Ai nấy hãi kinh hỏi rằng : « Thầy đương bệnh nằm nghỉ cho khéo, sao chồn vồn ngồi dậy làm chi? » Huệ-Vĩnh nói : « Phật đến rước ta.» Nói rồi liền tắt hơi, mùi thơm bảy ngày mới tan. Vua Đường Huyền-Tông phong Huệ-Vĩnh làm chức Giác-tịch đại-sư.

TĂNG-DUỆ ĐỜI HẬU-TẤN

Thầy Duệ ở Kỳ-châu, đi học đạo các nơi, tới nước thiên

trước, trở về ải Quang-Trung, theo thầy La-Thập học nghĩa kinh. Sau dự vào hội Liên-Xả núi Lư-sơn lòng thành niệm phật. Đến đời Tống niên hiệu Nguyên-Gia năm thứ 16, thầy Duệ nói với tăng chúng rằng: « Ta gần mãn phần đi về Tây-phương Nói rồi day mặt về hướng Tây chấp tay niệm phật tới hết thở. Người thấy trước chông thầy có bông sen vàng lớn lắm, giây phút mất đi, nghe mùi sen thơm. trong phòng bay ra nồng nực,

ĐẠO-KÍNH ĐỜI HẬU-TẤN

Ở huyện Long-gia, ông nội là Vương-ngưng-Chi làm quan Thù-sử Giang-châu thầy Dương-dạo-Kính 17 tuổi theo tu với thầy Viễn-Công. Học thông minh, thuật lòng kinh luật một ngày muôn chữ. Coi gặp khoản tu Tịnh-độ, lòng tin niệm phật sớm trưa không ngừng. Niên hiệu Vĩnh-Sơ năm đầu, sáng dậy nói với bạn tu rằng: « Hồi hôm thấy thầy (*Viễn-Công*) về rước ta, nay xin từ giã bạn, mà theo thầy.» Nói rồi day mặt qua hướng Tây chấp tay niệm phật mà tịch. Người thấy hào quang chiếu sáng cả giờ mới hết chiếu.

TĂNG-HIỂN ĐỜI HẬU-TẤN

Thầy Hiển là sãi nước Thiên-Trước, qua ở đất Giang-tả. Mỗi khi có bịnh, cứ niệm Di-dà mãi. Lăn chột, thấy hào-quang chiếu sáng vào mình mà mạnh, Tắm gội và thuật chuyện cho bạn tu nghe rằng: « Ngày mai phật rước mình. » Ngồi giảng kinh Nhơn-quả tối ngày sáng đêm, cho người tu thông hiểu. Tới sáng day mặt qua hướng Tây, chấp tay niệm phật rồi đi xuôi.

HUỆ-QUANG. ĐỜI TỀ

Thầy Huệ-Quang ở huyện Lạc-dương, chủ-giải

các kinh Hoa-nghiêm, Nạt-bản, Thập-địa. Ngày kia có bệnh, thấy các vị tiên xuống rước. Huệ-Quang nói : « Tôi muốn vãng-sanh Cực-lạc mà thôi. » Nói rồi cứ niệm Di-đà mãi. Không bao lâu, phật Di-Đà hiện qua với các bồ-tát. Huệ-Quang qui lạy : « Xin phật rước tôi. » Qui vãi rồi, xuất hồn bỏ xác.

ĐẠO-TRÂN ĐỜI LƯƠNG

Đạo-Trân ở trên núi Lư-sơn, lại tu tịnh-độ. chiêm bao thấy ghe biên chạy buồm qua hướng tây. » Đạo-Trân hỏi : « Ghe đi đâu ? » Đáp rằng : « Qua nước Cực-lạc. Đạo-Trân xin quá-giang theo. Đáp rằng : « Người chưa tắm gội, chưa tụng kinh Di-đà, đi theo sao được ! » Đạo-Trân thức dậy tắm gội, tụng kinh Di-đà, lâu năm chẳng ngớt, chiêm bao thấy ao sen hiện ngàn đài (*Tòa-sen bằng bạc*) Đạo-Trân nhớ diễm lành, giấu không nói cho ai biết, đêm nọ người trong Ấp thấy trên chót núi, ngọn lửa cả ngàn cây đuốc, ngỡ là các vị vừa ra mắt nhau, mà đốt đình-liệu đèn sáng tìm lên núi, thấy đạo Trân đã chết ngồi.

THẦN-LOAN ĐỜI HẬU-NGUY

Thầy Đàm-Loan hồi nhỏ đi núi Ngủ-dài, thấy nhiều sự linh hiển, nên bỏ nhà đi tu, mà tánh ưa sống đời mới học với thầy đạo-sĩ Đáo-ân-Cư cho phép 10 cuốn kinh Tiên. Sau gặp sãi Bồ-đề Lư-chi nước Thiên-Trước hỏi rằng : « Phật có phép sống hoài không thác chẳng ? » Sãi Lư-Chi nói : « Phép trường-sanh-bất-tử, là chánh đạo phật của ta. Liền trao cuốn kinh Thập-lục-Quan mà bảo rằng : « Học theo đây, thời khỏi sa tam-giái. Khỏi đọa luân-hồi, sống lâu tới hằng hà sa kiếp, đá núi cũng không sánh đặng. » Đàm-Loan mừng, đốt bêt mười cuốn kinh tiên, mà tu theo Tịnh-độ, và 16

phép tướng, mùa nực mùa lạnh, hoặc khi đau ốm, không dám trễ nãi. Bởi có ấy nên biết việc vị-lai quá-khư. Vua nước Ngụy, kêu tặng Đàm-Loan là Thần-Loan. Ngày kia gặp sãi Thiên-Trước nói rằng : « Ta là phật Long-thọ đây bởi người hiệp ý, nên đến ra mắt : » Đàm-Loan biết đã tới số, giảng cho bốn đạo nghe chung rằng : « Các sự khổ nơi địa-ngục, thiệt đáng ghê lắm. Chín phẩm trên tòa sen thiệt đáng mê lắm. » Bảo các đệ tử ni m phật lớn tiếng. Còn mình lay về hương tây rồi ngồi chấp tay niệm phật mà xuất hồn. Ai nấy nghe tiếng nhạc ở hương tây qua đó, rồi lần lần trở về hương tây hết nghe.

TRÍ-GIẢ ĐẠI-SƯ ĐỜI TÙY

Thầy Trí-Khải xưng hiệu là Trí-Giả đại sư. Hồi còn nhỏ thấy phật thời lay, gặp sãi thời xá. Mười tám tuổi xuất gia ở chùa Quả-nguyên, sau học với thầy Tư-Đại thiền-sư ở núi Nam-nhạc. Chú giải kinh thập-lục-quan, và đặt 10 bài Nghi-luận, mà khen phép Tịnh-độ, khuyên người tin mà tu. Lúc gần miềng nói với đệ-tử rằng : « Ta hết phần ở đời rồi. » Liên tụng kinh Thập-lục-quan. Tụng rồi nói rằng : « Cách về Tây-phương Cực-lạc dễ lắm. Rất đời nơi địa-ngục sai quĩ đem lửa đem xe tới bắt, biết ăn năn mau niệm phật, còn dặng vãng-sanh thay. Huống chi là mình hằng giữ phép thọ-trì lâu lắm. » Thầy Trí-Lãng hỏi rằng : « Chẳng hay thầy chứng dặng phẩm nào ? » Đáp rằng : « Ta dặng ngồi tòa sen thứ năm. Quan-Âm đại-sĩ rước ta. » Nói rồi chấp tay đi thẳng.

ĐĂNG-PHÁP-SƯ ĐỜI TÙY

Thầy Đăng-pháp-sư giảng kinh Nát-bàn tại Tinh-Châu, chùa Hưng-Quốc. Những kẻ đến nghe kinh thầy khuyên tu phép Tịnh-độ, dặng dễ vãng-sanh. Niên hiệu Khai-hoàng năm thứ 12. Lúc tịch, mùi thơm nực nồng. Khi liệm vô quan-tài, có vầng mây tốt che trên cao, mùi hương phưởng-phất.

THIÊN-ĐẠO HÒA-THƯỢNG ĐỜI-ĐUỜNG

Thầy Thiên-Đạo trong lúc niên hiệu Trinh-Quán, ra mắt Xước-thiền-sư, ở tại Tây-hà. Thấy Đạo-tràng trưởng hương chín phẩm mừng rằng : « Ấy thiệt là nẻo vào cửa

phật. Liền rán cần tu ngày đêm, tụng kinh niệm Phật, mỗi lần qui niệm Phật tới mệt chẳng thôi. Tuy mùa lạnh cũng đồ mùi hôi (mồ-hôi) khuyên người tu Tịnh-độ, hơn 30 năm, ngũ không ngon giấc. Tuy đồ chay, món ngon cũng giao xuống nhà bếp, còn thầy dùng món dở mà thôi. Những kẻ giàu, đem cúng tiền, thời in kinh Di-Đà mười muôn cuốn. vẽ 300 bức tượng Di-Đà biến tướng mà độ các loài (Hành Phật Di-Đà dầu thai đủ thứ dặng độ loài ấy) người tu theo đông lắm. Tụng kinh Di-Đà tới 10 muôn cuốn. Có chi quyết tụng 50 muôn biến. Có người niệm Phật mỗi ngày cả muôn câu, đến nhiều muôn câu. Là kẻ ở không. Vì thâu lòng tu tâm, không hở ra làm tội lỗi nên vắng-sanh về cực-lạc đông quá, kẻ không hết. Thầy có đặt bài kệ như vậy :

*Thảng mãng: Da già tóc bạc đa mang lưng lép
tai rỗng. Ngọc vàng mấy tử cũng như không, bình
hoạn khó mua khỏi khổ, dầu tam trăm bề vui ngộ.
Vô-thường đến bắt không lâu. Lo tu Tịnh-độ, thác
thêm màu, trực vắng Tây-phương cực-lạc.*

Ngày kia nói với người rằng : « Ta nhàm xác phàm lắm muốn về Tây-phương. » Nói rồi leo lên cây dương, ngồi niệm Phật tối tịch. Vua Đường Cao-Tôn hay tin, ban thưởng tám biển treo trước chùa là QUANG-MINH-TỰ.

KHƯƠNG-PHÁP-SƯ ĐỜI ĐƯỜNG

Thầy Thiếu-Khương ở huyện Tấn-Vân, mười lăm tuổi thuộc kinh Pháp-Hoa, kinh Lăng-Nghiêm. niên hiệu Trinh-Nguơn, thấy trong chùa Bạch-mã hào-quang chiếu nơi tập giấy. Lại dỡ ra coi là bài Tây-phương hóa-đạo của thầy Thiện-đạo đặt, để khuyên người tu theo phép Tịnh-độ. liền vái rằng : « Nếu tôi có phần tu Tịnh-độ, xin hào-quang chiếu nữa. » Nói rồi hào quang chiếu sáng bằng hai. Liền tìm thầy Thiện-đạo mà học tu. Tới trường-an mới hay Thiện-Đạo hòa-thượng đã thành Phật rồi. Còn thờ bức tượng chơn-dung Khương-pháp sư qui lạy, bức chơn dung bay lên thình không lập tức. Sau đến huyện Tân-định dạy con nít niệm Phật. Ban đầu mười nó niệm một câu một đồng điệu. Sau mười một đồng điệu mười câu. Làm như vậy hơn một năm tại huyện ấy, người lớn

đều biết niệm phật. Lại lập cái hội tu Tịnh-độ, mà khuyên kèm bốn đạo. Sau năm thứ, 21 mồng ba tháng mười. Nhóm bốn đạo mà dạy rằng : « Phải mộ đạo Cực-lạc, mà nhàm cõi Phàm-trần. » Dặn rồi chiêu hào-quang bỏ xác.

HOÀI-NGỌC ĐỜI ĐƯỜNG

Hoài-Ngọc ở Thai-châu, thường bận áo vải, ăn cơm rồi ngồi mãi, không nằm, cứ tụng kinh Di-đà tới 30 muôn cuốn ngày đêm niệm phật, rán cho đủ 5 muôn câu. Niên hiệu Thiên-Bửu năm Dân, tối thấy hình phật ở thình không. Truyền một vị đem ngàn-dải đèn trước mặt. Hoài-Ngọc nói : « Tôi quyết tu choặng kim-dải, sao lại cho tòa sen bạc » Ngàn-dải biến mất. Hai mươi một ngày nữa, người xách tòa sen bạc hôm trước, hiện tới trả lời rằng : « Phật nói. Thấy tu dày công, được ngồi tòa sen bạc thượng thầy hãy ngồi kiết-dà ba ngày đêm mà đợi, thiết cách ba bữa hào-quang chiêu sáng cả nhà thấy Hoài-Ngọc nói với đệ-tử rằng : « Ta vãng-sanh Tịnh-độ dặng rồi. » Mỉn cười mà bỏ xác. Quan Thái-thủ quận ấy là Đoàn-Công hay tin, đặt bài kệ tặng khen rằng :

*Thầy ta tu niệm nhọc trăm ngàn.
Phật rước hai lần mới chịu sang,
Hoảng-hoại nhành hoe ngoài cửa ngõ.
Bởi vì máng đỡ ghế sen vàng,*

ĐẠO-NGANG ĐỜI ĐƯỜNG

Đạo-Ngang, ở huyện Ngụy-Quận, hay giảng kinh Hoa-nghiêm, khuyên người tu Tịnh-độ, cầu vãng-sanh Cực-lạc. Sau phật mạch-bảo, đầu tháng tám rước hồn. Nói lại ai nấy chẳng tin, vì thấy thầy không bệnh. Mồng một tháng tám thầy ngồi giảng-

kinh. Lư-hương không ai xong mà cháy. Thầy dương giảng theo luật Bồ-tát, thấy thiên tiên đến rước trời nhạc thỉnh không. Thầy nói với đệ-tử rằng : « Đa-thiên ở cung đầu-xuất rước ta, song Thiên-đạo lâu năm cũng mắc luân-hồi, ý ta không muốn. Ta cầu vãng-sanh Tây-phương, không biết gì cơ nào mà chẳng đặng như vậy. » Một lát nhạc trời vắng tanh. Ngó thấy bông sen phía tây thơm ngát, hiện trên thỉnh không, che ngay trên đầu thầy. Ai ngó thấy cũng khen diễm lạ. Thầy đạo Ngang nói : « Bây giờ Phật mới rước ta. » Xảy thấy lư-hương nhỏ ở trên không, sa xuống tay thầy, liền tịch.

TĂNG HUYỆN

Đời Đường, thầy Huyền ở Tinh-châu, ban sơ tu tri theo Thiền phép từ-thị hằng cầu vãng-sanh cung đầu-xuất, đến 90 tuổi gặp đạo Xước thiền-sư dạy phép tu Tịnh-độ, sai Huyền nôn lòng không trễ nải. Lúc có bệnh, nói với đệ-tử rằng : « Phật Di-đà trao áo thơm cho ta rồi. Quan-Âm Thế-Chí đều nắm tay ta. Nên từ giả các người mà về theo Phật. Nói rồi xuất hồn mùi thơm tại chỗ ngồi, bảy ngày mới hết. Khi ấy thợ mặt sai Khải-Phương với sai Viên-Quả cũng quyết noi theo mà về Cực-lạc. Ngày đêm niệm Phật chẳng ngừng. Sau thấy tại ao Thất-bửu. Di-đà với Bồ-tát, ngồi tòa sen báu, hai sai lạy Phật. Phật nói : « Ai niệm tên ta đều rước về Cực-lạc. » Lại thấy trước thêm, có một người bận áo trắng như kẻ thế, với một vị đạo-sĩ lại giống như nho-sĩ, với một vị Hòa-thượng, đồng tu theo Tịnh-độ, đều đặng vãng-sanh cả. Cách năm ngày hai sai đồng thấy Phật tới rước hồn một lược.

THỌ-HỒNG. Đời-Đường ông Thọ-Hồng ở quận Phần-Dương, niệm Phật tu Tịnh-độ, cầu vãng sanh cực-lạc. Lâm chung thấy Đồng-tử ở cung Đâu-xuất, xuống rước. Thọ-Hồng nói : « Tôi nguyện vãng-sanh cực-lạc, không lên Thiên-đường nói rồi bao đệ tử niệm Phật rền ! Giây lâu Thọ-Hồng nói : « Phật ở bên Tây-phương qua rồi. » Liên tịch.

ĐẠI-HÀNH. Đời Đường thầy Đại-Hành ở núi Thái-Sơn. Tu theo kinh Sám-pháp Phổ-Hiền....ba năm như vậy, cảm động Phật Phổ-Hiền hiện hình cho thấy, tuổi già vào chùa tới kho kinh Đại-Tạng, vái cho lấy, nhằm cuốn nào thời thọ-trì cuốn nấy. Vái rồi lấy nhằm cuốn kinh Di-Đà Tụng luôn 21 ngày đêm, thấy các Phật Đại-bồ-tát, hiện trên đất lưu-ly. Vua Hy-Tôn nghe rõ đòi vào, phong chức Thường-tin-tấn bồ-tát. Năm sau cũng thấy chư Phật hiện trên đất lưu-ly nữa. Ngày ấy tịch, mùi thơm mười ngày, xác chưa liệm mà không hôi hám.

MINH-CHIÊM. Đời Đường, cư-sĩ Minh-Chiêm tuổi già, mới tu Tịnh-độ mà cần lắm, ngày đêm niệm Phật chẳng ngớt. Có kẻ nói : « Ông tu muộn quá, e không kịp vãng-sanh. » Minh-Chiêm nói : « Niệm Phật mười hơi thở, còn thấy Di-Đà, ta lo chi không đặng. » Sau có bệnh, vô chùa Hưng-thiện trai tăng, lúc này có các cư-sĩ, đạo-sĩ, nên quan Bộc-xạ là Phòng-huyền-Linh. Đồ-như-Hối, đều là cư-sĩ, có vào chùa Lúc quá Ngọ. Minh-Chiêm ngồi chấp tay day mặt qua hướng Tây mà niệm Phật. Giây lâu nói rằng : « Phật với Quan-Âm Thế-chí đều đến rước ta. Nói xong, chấp tay bái rồi hết thở.

VĨNH-MINH THỌ-THIỆN-SƯ

Thầy Diên-Thọ, ở huyện Dư-hàng đất Ngô-Việt. Ban sơ làm Thơ-lại coi kho trong huyện. Lấy bạc kho đến Tây-Hồ mua cá phóng-sanh hết. Cứ theo luật làm án xử-tử. Diên-Thọ nghe gần hành hình thời mừng mà cười rằng : « Ta bị xử-tử chắc về Tây-phương, vì ta phóng sanh không biết mấy ức mạng cá. Tiền-mục-vương rồi xin ân xá cho làm sai, mới cho tên Diên-Thọ, theo thầy Túy-Nham tu tại huyện Tư-minh. Sau ra mắt Thiên-quốc-sư ở núi Thiên-thai dạy rành yếu lý, sau ở chùa tại núi Vĩnh-minh cứ tu tịnh độ ban đêm qua núi khác mà khuyên người, người ta thường nghe tiếng nhạc trên không theo ngay đầu thầy Diên-thọ vua Trung-Ý khen rằng, không ai cần tu như vậy. »

Mời lập chùa Hương-nghiêm diện cho thầy ở mà độ người. Niên hiệu Khai-Bửu năm thứ tám, 26 tháng hai, hồi ban mai từ già bạn tu, thắp hương lạy Phật rồi ngồi kiết-dà, chấp tay niệm Phật mà tịch.

Sau có sãi ở huyện Lâm-xuyên qua ở tháp thầy Vĩnh-Minh cả năm. Người thấy lạ hỏi vì cớ nào? Sãi ấy nói : « Tôi đau nặng tác hơi, hồn xuống Âm phủ thấy Minh-vương có thờ bức tượng ông sãi !

Tôi lên hỏi nhỏ người cõi dưới, nói : « Thầy Diên-Thọ, gọi là Vĩnh-Minh thiền-sư, quê ở phủ Hàng-Châu đó. Ai thất hồn cũng phải đến đây song Vĩnh-Minh thiền-sư tu Tịnh-độ, dày công, ngồi tòa sen thứ nhất. Nên vua trọng đức mà thờ cung kính lễ bái. » Bởi cớ ấy tôi sống lại, mới tìm tháp thầy mà hầu hạ.

CHÍ-THÔNG

Đời Hậu-Tấn, Chí-Thông ở huyện Phụng-tường thấy bài dạy tu tịnh-độ của trí-giả đại-sư, thời phục và trọng lắm. Từ ấy sắp sau, không dám phun nước miếng về hướng tây, ngồi không dám day lưng về hướng tây, cứ lo niệm Phật. Sau thấy chim Hạc trắng với chim Công, bên hướng tây bay qua cả bầy. Lại thấy bông sen nở ra búp lại trước mặt mừng mà đoán rằng : « Bạch-hạt Khổng-tước là vật ở cảnh Cực-lạc. Bông sen là chỗ hóa-thân, mình đã lâm-chung mới thấy điềm ấy. » Dậy lạy Phật, ngồi day mặt về hướng tây, niệm Phật xuất hồn, trên đầu có vòng mây lạnh che phủ cả mình chiếu nháng như sao giăng. Khi thiêu xác thấy, có Xá-lợi chiếu hào-quang năm sắc sáng ánh.

VIÊN-TỊNH-THƯỜNG PHÁP-SƯ

Sãi Tịnh-Thường đời Tống, ở huyện Tiên-

Đường, bảy tuổi đi tu (Xuất-gia) niên hiệu Thuần-Hóa ở phía Nam Chiêu-Khánh, mền hội Lư-sơn, chích tay lấy huyết viết kinh Hoa-nghiêm, phẩm Tịnh-hạnh, bài Hồi-hương Tây-phương mà lập hội Liên-hoa ấy. Các quan với chơn nho dự vào hội ấy rất đông xưng hiệu Tịnh-hạnh đệ-tử Văn-chánh-Công với Vương-Đáng đứng đầu hội ấy, nên các quan dự vào hội ấy rất đông, cộng 120 người, thầy Ti-Kheo dự vào ngàn người. Hàng-lâm Tô-di-Giân đặt tựa phẩm Tịnh-hạnh, lại có mấy câu này : « Dầu tôi xỏ tóc đở chơn phật. Lóc thịt làm lễ dựng mà học phép, cũng chẳng nài chi. Lựa là đặt chữ tâm thương theo văn-học thấp thỏi của tôi mà lại tiếc.» Thiên-Hy năm thứ tư, 12 tháng giêng, Tịnh-Thường ngồi niệm phật. Vung la lớn rằng : » Phật tới rước ta.» Nói rồi hết thở.

TỊNH-QUANG

Đời Tống Tịnh-quan ở huyện Gia-Hòa, am Tịnh Quan, tu phép Tịnh-độ hơn mười năm. Nói với đệ-tử rằng : « Cách 27 ngày nữa, thời ta đi theo phật.» Đến kỳ trước hai ngày, thấy bông sen đỏ. Bữa sau thấy bông sen vàng đầy nhà có con nít ngồi trên bông, buộc dây lưng như tiên-tử. Bữa thứ ba, vào khám là hòm trống mà ngồi, bảo đệ-tử niệm phật, liền tịch.

TỪ-VÂN SÁM-CHỮ

Đời Tống Tuân-Thức ở Thai-châu huyện Lâm-hải. Học hay có danh tỉnh Chiết-Giang. Tu Tịnh-độ, lại học thêm cách tham thiền làm theo cách bát-châu-tam-mục, chín chục ngày đêm chẳng ngủ hai căng nứt lỗ, ỏi huyết chẳng hết, chiêm bao thấy Quan-Âm lấy ngón tay chỉ vào miệng, cho uống nước cam-lồ biết trong mình mát mẻ mà mạnh dặt sách Tịnh-độ Quyết-nghi hạnh nguyện,

Với Tịnh-độ sám pháp dạy đời sám hối. Lúc lâm chung thắp hương lay phát cầu vãng-sanh cực-lạc. Đến chiều ngồi mà xuất hồn, người ngó thấy sao lớn sa trên núi Linh-thứu.

VIÊN-CHIẾU BỒN-THIÊN-SƯ

Đời Tống Tôn-Bồn ở Thường-Châu, huyện Vô-tích. Ban đầu học với thầy Hoài, là Thiên-y thiền-sư niệm phát tỉnh ngộ. Sau cải hiệu là Tịnh-Từ, phụng chỉ vào Đông-kinh, hỏi đầu nói đó, đẹp lòng vua. Bình thường tu Tịnh-độ.

Khi ấy Lôi-Phong thiền-sư, xuất thần qua tịnh độ thấy tòa sen tươi tốt lắm, mới hỏi thăm. Người cõi phật đáp rằng : « Tòa sen để dành cho Tịnh-Từ là Bồn-thiền-sư. »

Từ-Phước là Hy-Công, cũng đến ra mắt cúng vàng. Hỏi vì cớ chi mà cúng ? Đáp rằng : « Vì tham thiền, thấy tòa sen vàng lớn, hỏi thăm mới biết của Bồn-công. (Bồn-thiền-sư). Lại thấy bông sen nhiều vô số, cũng có bông héo. Hỏi ra mới hay là của kẻ thôi tu. Hỏi thăm : « Bồn-Công là tu tham thiền, sao có phần nơi tịnh-độ. » Đáp rằng : « Vì Bồn-công có tu thêm Tịnh-độ nữa ! » Sau lâm chung ngồi tịch. Vua tặng Hàm-ân Viên-chiếu.

CỬU-PHÁP-HOA

Đời Tống Khả-Cửu, ở Minh-Châu, thường tụng kinh Pháp-Hoa, cầu vãng-sanh Tịnh-độ. Nền thiền-hạ kêu là thầy Cửu-Pháp-Hoa. Niên hiệu Nguyên-Hựu năm thứ tám thầy 81 tuổi, ngồi thác đả ba ngày, sống lại nói với môn đồ rằng : « Ta thấy cảnh cực lạc, hiệp ý lời nói trong kinh. Trên bèn sen có nêu tên người sẽ vãng sanh, thấy bông sen vàng có nêu tên Huân-Công, viện Quảng-Giáo, phủ Thành-đô. Một bông nêu tên họ là : Tôn-thập nhị-lang ở Minh-châu. Một bông nêu tên Khả-Cửu, (là tên ta). Lại một tòa sen bạc nêu Từ-đạo-cô ở Minh-châu. Nên ta về nói cho ai nấy tin những kẻ đương tu Tịnh-độ sẽ chắc thành, ai nấy rán tu cho cần mẫn, sẽ đặng nêu tên như các vị ấy. » Nói rồi tịch thiết. Quả 5 năm nữa Từ-đạo-cô mãn phần, mùi thơm lạ cả nhà. Mười hai năm Tôn-thập nhị-lang mãn phần, có tiếng nhạc thánh không trên cao. Đều quả có thiết như lời Khả-Cửu nói trước.

"(Bèn sen nên tên), sự ấy nghi nói huyền. Cõi tịch thầy Khả-Cửu, thác đã ba ngày sống lại, thuật chuyện rõ rồi tịch. Sau cũng vãng sanh trúng tên họ, có điềm linh, đáng tinh chẳng?"

TRIỆT-LƯU ĐẠI-SƯ

Thầy Triệt-Lưu tên Hành-Sách, cùi trào Minh ở huyện nghi-hưng con thứ tám ông Trưởng-lộc-trưởng tiên-sanh làm chức Tư-nông, chiêm bao thấy Hám-Sơn đại-sư, vào phòng sẩy nghe nói: Dương phu-nhơn sanh đăng công-tử (Là thầy Trưởng-triệt-Lưu đó,) mười tám tuổi, cha thác mãn tan rồi, thầy xuất-gia theo Nhượng-Am Hòa-Thượng ở chùa Vô-lâm. Sau am Phổ-Nhơn ở huyện Ngu-sơn thỉnh giảng kinh dạy phép tu tịnh độ rành rẽ. Mỗi ngày đêm niệm Phật muôn câu, dầu gặp việc chi, thầy cũng ráng niệm cho đủ số. Có đặt một bồn Liên-tông-tạng, khuyên sãi với cư sĩ tu theo tịnh-độ Khương-Hy năm thứ 19 mồng chính tháng bảy: ngồi mà tịch, có đứa con nít xóm xa, đương ăn cơm buồng đũa nhào xuống đất chết nửa ngày mới tỉnh giậy. Người nhà hỏi cơ sao? Nó nói: «Hồi giờ Ngộ có Triệt-Lưu Hòa-thượng vãng-sanh. Nên Thổ-địa sai tôi cầm phước hộ tống»

Họ Ngô ở Thành-nam chết hai ngày, nhập xác trẻ nhỏ trông nhà nói: «Bữa ấy vua U-minh quì đưa Triệt-lưu-hòa-thượng, nên dưới Âm-phủ nghỉ hành hình một ngày xin phép về đây»

NI-TĂNG VẮNG-SANH LOẠI

(Các cô-vải vãng-sanh)

NI ĐẠI-MINH ĐỜI Tùy cô-vải Đại-Minh, mỗi lần lạy Phật, mặc áo sạch súc miệng, ngậm trầm-hương, rồi mới lạy niệm, tụng kinh Văn-đế hoàng-hậu trọng lắm. Ngày lâm-chung ai nấy nghe mùi trầm-hương thơm cả phòng giây phút hào hoang như mây, bay qua hương tấy.

NI TỊNH-CHƠN

Đời Đường, Cô-vải Tịnh-chơn ở tại Trường-an chùa Tích thiện mặc áo vá đi xin ăn, tụng kinh Kim-cang mười vạn cuốn, hờ thời niệm Phật. Ngày nọ nói với đệ tử rằng: «Nội năm tháng, thấy Phật mười lần. Hai

lần thấy con nít giỡn trên bông sen. Ta hỏi ra mới hay
đả đặng thượng-phẩm» Nói rồi ngồi kiết dà mà tịch.
Hào quang chiếu sáng cả am.

NI NGỘ-TÁNH

Đời Đường: Cô-vải Ngộ-Tánh ở núi Lư-sơn tu tịnh-độ
cầu vãng sanh chi-thiết. Xảy nghe tiếng nhạc trên không
Ngộ-tánh nói với đệ-tử rằng: «Ta đặng ngồi tòa-sen trung-
phẩm. Ta thấy bạn đồng-chí, đều có tòa sen cả thấy. Các
vị phải ráng sức tu niệm » Nói rồi liền tịch.

NI NĂNG-PHỤNG

Đời Tống, cô vải Năng-Phụng, người ở huyện Tiền-
đường, tu ròng Tịnh-độ. Chiêm bao thấy hào-quang phát
chiếu vào mình. Nghe tiếng an ủi thính không. Nói với đệ
tử rằng: «Ta tới giờ vãng-sanh.» Giây phút niệm Phật lớn
tiếng, chấp tay ngó về hướng tây mà tịch. Mùi hương nức
nồng, tiếng nhạc lần lần qua hướng tây.

NI PHÁP-TẠNG

Đời Tống cô vải Pháp-Tạng, ở xứ Kim Lăng, lo niệm
Phật chẳng tưởng việc ngoài. Ban đêm thấy Phật Bồ-tát
đến, hào-quang chiếu sáng chấp tay niệm Phật mà tịch.

VƯƠNG-THẦN VÃNG-SANH LOẠI

(Các vị vương với quân-thần vãng-sanh)

Ô-Trầnh-Quốc-Vương. Vua nước Ô-Trầnh là nước
Thiên-Trước phía Bắc. Lúc rảnh rang hằng khen phép
Phật, phán với Thị-thần rằng: «Trẫm làm vua tuy hưởng
khoái lạc, song rốt cuộc cũng bị quĩ Vô-thường! Nghe đồn
phương tây nước cực-lạc của Phật Di-đà về đó khỏi lo
qui bắt. Nên trẫm nguyện vãng-sanh nước ấy.» Từ này
phát nguyện ngày đêm, lập bàn thờ Di-đà, lạy và niệm.
Lại hay trai tăng, vua cùng phu-nhơn bốn thân bưng dọn
đồ chay tu niệm làm vậy, 30 năm chẳng ngừng. Lúc gần
băng, vui vẻ như thường, vì thấy Di-đà với Phật đến rước
có nhạc thính không, với mùi thơm lạ, hào-quang chiếu
sáng lòa. Vương-phi càng chắc ý vui tin, tu niệm gia-bội
Sau cũng vãng-sanh vậy.

TỔNG THỂ-TỬ

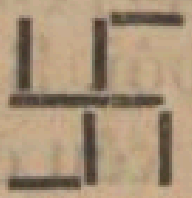
Đời Tống, Ngụy Thễ-tử, ba cha con với một Quận-chúa, đều tu Tịnh-độ, trừ ra phu-nhơn ăn mặn. Sau Quận chúa chết yếu, quân bầy ngày nghe tiếng la ngọt lắm !! Nội nhà mừng quá, cạy giở nắp quan-tài. Quận-chúa bước ra thưa với mẹ rằng: « Cực-lạc rất vui, trong ao thất-bửu, nhiều bông sen búp, lớn gần bằng bánh xe, ngoài bên sen có nêu tên cha tôi, hai bông nọ nêu tên hai anh tôi. Còn kiểem cùng không có nêu tên mẹ. Nên con xin phép Di-đà ngồi tòa sen bay về báo tin. Xin mẹ mau tu Tịnh-độ, cho mọc sen ra bông búp, nêu tên ngoài bên. Chừng tới số bông-sen nở ra chắc thành tòa sen lớn bằng bánh xe như của con vậy, phật sẽ đem tòa sen ấy rước về cho liên-hoa hóa-thân làm trai như còn ở cung đèn rất cao, muốn mặt y-phục món gì, tức thời có bay tới. Muốn ăn vật chi, Di-Đà cũng biết ý, có các món đồ ăn, đựng trong chén bát thất-bửu hiện trước mặt cho mà ăn uống. Dùng rồi chén bát bay mất, khỏi mắc công rửa. muốn nghe tiếng nhạc chi, thời tiếng nhạc ấy vác tai. Không muốn nghe tiếng nhạc liền dứt. Mỗi người đều có hào-quang, muốn dùng mùi hương nào, cũng có mùi hương ấy. Đạo xem trăm thứ hoa thơm muốn ăn trái chi, đều hiện tới khỏi hái. Uống nước bát-công đức-thủy, bực ngon đừng dầu các sắc ngự-tửu. Phong cảnh xinh đẹp hơn thế-gian trăm bề. Vả lại không có nhứt nguyệt, tinh-tu hào quang sáng hơn ban ngày thập bội. Bầy thứ chim tốt lạ, đủ hết năm sắc lông, tiếng kêu êm ái Lại ấm như mùa xuân, không mùa nực mùa lạnh. Ngồi tòa sen bay như nhái mắt, nên con về đây mau như khải móng tay đã tới. Việc khoái lạc mười phần, con thưa sơ đôi ba phần, kể sao cho hết. Xin mẹ rán tu, sau lâm-chung phật rước về đó, thời thấy

đủ điều. Con không dám trề phép, cúi xin bái tạ, lên tòa sen.» Lạy cha mẹ rồi bước vô quan-tài nằm mà nhắm mắt! Nghe mùi sen thơm ngát, hào-quang chiếu sáng xẹt về hướng tây. Tiếng nhạc trên không cũng trôi lặn về phía ấy.

Từ ấy phu-nhơn mới tin, trường chay tu tịnh-độ, niệm phật hơn chồng con. Sau mỗi người lâm-chung đều biết ngày giờ nói trước. Đèn kỷ ngồi day mặt về hướng tây niệm phật, chưa đủ mười câu, xảy nghe tiếng nhạc thình không thấy phật đến rước mình đông lắm. Nói rồi xuất hồn. Bốn người tới lâm-chung, cũng như vậy. Thiệt cả nhà có phước; sống hưởng lộc, thác vắng-sanh.

LƯU-DI-DÂN

(Làm chức tham-quân)

Đời Tấn Lưu-di-Dân ở huyện Bành-Trạch, dòng vua Sở-Nguơn, mồ côi cha lúc còn thơ, thờ mẹ trọn thảo. Sau ra làm chức Tham-quân tại phủ không bao lâu, liền ở ẩn Tạ-An với Lưu-Dũ tiến cử luân phiên, cũng chẳng chịu làm quan. Vào hội Liên-Xả của Dien-Công, tại núi Lư-sơn, hết lòng niệm phật đã lâu chẳng trễ. Lúc tham-thiền thấy hào-quang phật chiếu xuống đất, coi in màu vàng. Ở tu 15 năm thấy Di-đà hiện tới, chiếu hào-quang vào mình, nắm tay khuyên do. Lưu-di-Dân quì lạy bạch rằng: « Chớ chi phật vượt đầu tôi, phủ áo vào mình tôi.» Di-đà làm y lời ước. Đêm nọ chiêm bao thấy châu Di-đà đau ngái chiếu hào-quang, trước ngực ngái có chữ  (chữ van) chỉ ao thất-hữu bảo uống nước bát-công-đức, ngon ngọt thơm ngát thấu mỗi chơn-lông. Thức dậy nói với bạn tu rằng: « Ta đã tới phần về Cực-lạc. Trước nhờ phật Thích-Ca đặt kinh dạy rõ, nhờ bốn-sur mới biết phật Di-Đà.» Nói rồi chưng hoa thắp hương, lạy bần Thích-Ca trước. Rồi mới lạy Di-Đà niệm theo kinh Pháp-Hoa rằng: « Nguyên

các kẻ có lòng tu đều vắng-sanh Cực-lạc.» Lạy vái rồi, ngồi chấp tay mà tịch.

MÃ-TỬ-VÂN HUYỆN-ÚY

Đời Đường, Mã-tử-Vân, cử chức hiệu-liêm, làm quan úy ấp kinh, giải lương về đế đô, bị gió chiêm thuyền, vua bắt tội cầm ngục, niệm phật ngày đêm 5 năm gặp ân-xá. Vào núi Nam-Lăng ở ẩn sơn tự. Ngày kia nói với người rằng : « Ta trọn đời ngày đêm niệm phật, nay tu tịnh-độ đã thành, phật cho hay trước mai sẽ vắng-sanh. » Rạng ngày tắm gội thay áo ngồi chấp tay niệm phật giây phút nghe mùi thơm lạ ngát mũi, khắp chùa Mừng quá nói lớn rằng ; Phật đến rước ta ! » Nói rồi tịch.

TRƯƠNG-ĐỊCH TRỢ GIÁO

Đời Tống Trương-Địch ở huyện Tiền-Đường, làm chức trợ giáo. Học với Viên-Tĩnh Luật-sư, giữ giải hạnh theo bồ-tát. Hỏi rành phép Tịnh-độ mà tu thêm, cầu vắng-sanh cực-lạc. Mỗi lần niệm phật rõ ràng, đến tắt tiếng, mới niệm thầm. Ngày kia bạch với thầy Viên-Tĩnh rằng : Lúc tham-thiền thấy chim Tần-dà trắng, bay múa trước mặt.» Cách ba năm, ngồi day mặt về hướng tây chấp tay niệm phật tới tịch.

VƯƠNG-LONG-THƠ TẤN-SĨ

Đời Tấn, Vương-nhật-Hưu, ở huyện Long-thơ ngay thẳng thanh liêm không làm khó cho ai. Học rành kinh sử, Ngày kia nói : « Học nho là lo công danh, không phải lo siêu phẩm nhập thánh. Nay tuy đỗ Tấn-sĩ, nếu ham danh lợi, không bao lâu, thác phải luân hồi. Ta phải lo về Cực-lạc.» Từ ấy xem kinh Đại-tạng tìm đăng môn Tịnh độ, tu niệm tới 60 năm. Mặc áo vải ăn chay ngày lạy tới cả

ngàn, đèn khuya mới ngủ, đặt văn tịnh-độ khuyên đời, tới chỗ nào cũng khắc bản in thí. Ba xứ như vậy, khuyên người tu tịnh-độ vãng-sanh đếm không hết. Trước ba ngày vãng-sanh, đi giả từ khắp chỗ. Nói phật hứa ba ngày sẽ rước mình.» Đến ngày hạn tu, tựa đủ mặt. Vương-nhật-Hưu đem văn tịnh-độ, đọc qua mà dạn dò cả thấy. Lạy phật rồi ngồi day mặt hướng tây giây phút, đứng dậy bái khan nói lớn rằng : « Phật Di-Đà đến rước ta ? » Nói rồi chết đứng không ngã ! Người trong xóm chiêm bao thấy đồng-tử rước. Vương-nhật-Hưu đi qua phương tây. Đồn ra vẽ hình mà thờ như phật không dám kêu tên, theo huyện Long-thơ chỗ ông ở, gọi Vương-long-Thơ.

CÁT PHỐN ĐẠI-PHU

Đời Tống, Cát-phồn ở huyện Trùng-Giang, thi đỗ sớm, làm tới chức Triều-tán. Ở nhà-môn, học nhà tư, đều thờ phật nơi căn phòng thanh-tĩnh, dặng ngày đêm tụng lạy. Ngày kia đương lạy thấy phật cốt ở trên trời sa xuống. Bình thời khuyên người tu tịnh độ rất đông. Sau có sai tham-thiên lên cảnh phật, thấy tên họ Cát-Phồn, nêu trên búp sen lớn lắm. Chẳng bao lâu Cát-Phồn đương mạnh ngồi niệm phật bỏ xác thình không.

DƯƠNG-VÔ-VI ĐỀ HÌNH

Đời Tống Dương-Kiệt ở châu Vô-Vi, xưng hiệu Vô-Vi-Tử. Thi đỗ sớm, làm quan chủ-khách-lang sở Binh-Bộ thượng-thơ (nay gọi chức đề-hình.) Đi diêm tội nhưn tỉnh Chiết-giang. Mộ đạo phật học rõ phép tham-thiên, coi kinh nhiều lắm. Nói với bạn rằng : « Chúng sanh nhiều người tối dạ, tham-thiên không trúng uông công, trừ ra phép tịnh-độ, dễ hiểu dễ tu. Dầu bao nhiêu kẻ dốt tu, cũng thành đủ mặt.» Đặt lời tựa *Thiên-Thai-Thập Nghị-Luận.*) Và tựa « *Tịnh độ Quyết-Nghị tập* »

Giảng rõ phép tu tịnh-độ. Tuổi già, vẽ tượng Di-Đà cao 16 thước mộc thờ lạy. Đền lâm chung Phật định ngày rước hồn, ngồi mà tịch.

VĂN-NGẠN-BÁC, LỘ-CÔNG

Đời Tống Văn-ngạn-Bác, tin đạo Phật, tu Tịnh-độ. Lúc ở kinh-đô phong chức Lộ-Công. Ông với Tịnh-nghiêm pháp-sư lập hội xả niệm Phật khuyên dặng muôn người tu Tịnh-độ.

Có quan Đại-phu tặng ông bài thơ như vậy :

Tri quân đởm khí đại như thiên.

Nguyên kiết Tây-phương nhứt vạn duyên.

Bất vị nhứt thân cầu huệ kể.

Đại-gia tề thượng độ đầu thuyền,

THÍCH NÔM

Khen ông chí khí lược vững mây.

Muốn độ muôn người chứng cảnh tây.

Chẳng muốn một mình về Cực-lạc.

Thuyền lành chở chúng dặng vui vầy.

Cơn lâm chung không bệnh ngồi niệm Phật mà xuất hồn.

CHUNG-LY THIẾU-SƯ

Đời Tống Chung-ly-Cẩn, lúc làm đề-hình tỉnh Chiết-tây. Gặp Từ-Vân khuyên giảng. Liên tu phép Tịnh-độ, sau nhậm phủ khai-phong, phong chức thiếu-sư. Ra thời lo việc nước, về thời niệm Phật hoài. Đêm kia dùng đứng dậy, kêu người nhà, mà hỏi rằng : « Mau lấy áo cho ta đi tắm ? » Tắm rồi mặc y phục tề-chỉnh, ngồi niệm Phật tới mãn phần. Nội nhà đều thấy bóng ông ngồi tòa sen xanh, nhạc tiên rước qua hương tây.

TIỀN-TƯỢNG-TỔ QUẬN-THỨ

Đời Tống, Tiền-Tượng-Tổ, hiệu Chĩ-Am. Lúc thú Kim-Lăng hết việc công, cử niệm Phật chẳng ngừng. Tại Hương châu, lập am Tiếp-Dẫn hơn mười mấy sở, đều đặt tên Cực-lạc tịnh-độ vân vân. Từ chức về xứ, cần tu tịnh-độ hơn xưa.

Niên hiệu Gia-định năm thứ tư, tháng hai có binh. Lấy bút viết kệ, ngồi kiết-dà mà tịch. Sau có người chiêm bao gặp ông nói : « Làm chức Từ-Tể bồ-tát nơi Tây-phương. »

VƯƠNG-MÃN-TRỌNG THỊ-LANG

Đời Tống. Vương-Cổ tự Mãn-Trọng, làm chức Lễ-bộ thị-lang. Tánh ở nhơn từ thương vật bấy đời chẳng sát sanh. Đã mộ tham-thiền lại tu tịnh-độ. Đặt bốn Trục-chĩ Tịnh-độ quyết-nghi-tập, một pho ba cuốn, khuyên người niệm phật. Đi đứng nằm ngồi, đều niệm phật, và tướng theo phép tham-thiền. Xâu chuỗi lần chẳng rời tay ! Lâm chung tắm gội, ngồi niệm phật tới xuất hồn.

Sau có sãi tham-thiền lên Tây-phương, gặp ông với Cát-Phồn thành phật ở đó. Sự vắng-sanh thiệt đáng tin.

CƯ-SĨ VẮNG-SANH LOẠI

(Các cư-sĩ vắng sanh)

Châu-Thục-Chi. Đời Tấn, Châu-thục-Chi, ở ải Nhạn-Môn. 15 tuổi thông năm kinh, nên kêu tặng Ngủ-kinh-đồng-tử, Công-khanh nghe danh, dờn đến chơi, đều tránh Cử học tu với Viễn-pháp-sur, ở núi Lư-sơn, dự xã hội liên hoa, Tấn-văn-đế tức vị, nghe tiếng triệu vào đền, hỏi đầu nói đó, xuôi như nước chảy ! Vua ban khen lắm ! Đời kêu tặng ; Thông-ân-tiên-sanh. Sau tu tại núi Chung-sơn hết lòng niệm phật, già chừng nào cần chừng nấy. Ngày kia, ngó trên mây : nói : « Phật đến rước ta. » Chắp tay cúi lạy, rồi mản phần.

TỔNG-MÃN ĐỜI TÙY

Tống-Mãn ở phủ Thường-châu. Niệm phật một câu, để một hột đậu đen vô học. Lâu năm lường lại được ba chục thạch (học) đậu đen, (cỡ 15 gia Annam.) Khai-hoàng niên hiệu thứ tám, tháng chín đãi trai-tăng, các sãi ăn rồi Ngồi niệm phật tới hết thở. Người thấy bông sen trên trời sa xuống, mùi hương thơm cách lạ lòng, nghe tiếng nhạc trên không, lần qua hướng tây, hồi lâu mới dứt.

TRỊNH-MỤC-KHANH

Đời Đường Trịnh-Mục-Khanh, nội nhà niệm phật. Niên hiệu Khai-Nguơn bình nặng có kẻ khuyên trở đũa. Mục-

Khanh rầy hẩn không thềm. Tay bưng lư-hương niệm phật cầu vãng-sanh Tịnh-độ. Xảy nghe mùi hương thơm nức, người đả xuất hồn. Cậu là Tô-Đĩnh làm chức thượng thư, chiêm bao thấy Mục-Khanh, ngồi trên bông sen lớn.

NGUON-TỬ-TÀI

Đời Đường Nguon-tử-Tài, ở Nhuận-châu, chùa Quan-Âm tụng kinh Di-đà niệm phật có bệnh nghe trên không mùi hương bay xuống, tiếng nhạc ngay đầu, nghe tiếng nói vẳng vẳng rằng : Nhạc lớn qua rồi, nhạc nhỏ sẽ đến, thời rước người đi.» Nguon-tử-Tài niệm phật tới bỏ xác, mùi thơm lạ mấy ngày mới tan.

TÔN-LƯƠNG

Đời Tống Tôn-Lương tại huyện Tiềm-đường, ở ẩn xem kinh Đại-Tạng. Coi tới kinh Hoa-Nghiêm, hiểu phép tu tịnh-độ, y theo thầy Luật hiệu Đại-trí thiền-sư. Giữ giải hạnh theo bồ-tát. Mỗi ngày niệm phật muôn câu. Hai mươi năm không ngớt. Ngày kia sai người nhà rước sãi tụng kinh niệm phật mà giúp mình vãng-sanh. Sãi tụng kinh được 1 giờ. Tôn-Lương ngó trên mây, chấp tay bước ra, bái và nói : « Phật với các bồ-tát, đã đến rước ta.» Vào ngồi mà tịch.

VƯƠNG-ĐIỀN

Đời Tống Vương-Điền ở huyện Tứ-minh, hiệu lão Vô-Công các phép tham-thiền nhiệm màu thông suốt, mà không làm cứ mộ tu tịnh-độ. Đặt sách tịnh-độ tự-tin. Tuổi già cứ niệm phật lúc lâm-chung day mặt hướng tây niệm phật. Gần tịch dặn đề ba ngày không thúi thời thiếu xác mà coi.» Người nhà để thũ ba ngày coi như ngủ, không khác màu, chắc ý nhóm nhau thiếu xác. Trong đồng tro tàn, lượm đặng 108 hột Xá-lợi sáng như châu.

TÔN-TRUNG

Đời Tống, Tôn-Trung ở huyện Tứ-minh, tu Tịnh-độ sớm. Cất am niệm phật, sau có bệnh, rước sãi niệm phật. Giây lâu ngó trên không, nói rằng : « Phật tới rồi.» Hai tay bắt ấn miệng cười mà tịch. Nội thành nghe mùi thơm, tiếng nhạc trên không lần-lần qua hướng tây, xa quá hết nghe. Sau hai người con trai cũng tu tịnh-độ như

cha lâm-chung đều vắng-sanh hiển hiện như vậy.

THÂM-THUYỀN

Đời Tống, Thâm-Thuyền ở huyện Tiền-Đường vợ là Thi-Thị, đồng tu tịnh-độ Bình thường làm lành theo công hóa cách. Sau vợ chồng vắng sanh hai lần, đều có nghe tiếng nhạc trên không.

ĐƯỜNG-THẾ-LƯƠNG

Đời Tống, Đường-thế-Lương, ở quận Cối-kê, trưởng-trai niệm Phật tụng kinh Di-Đà, 10 muôn cuốn. Ngày kia nói : « Phật đến rước ta. » Nói rồi quì lạy vào gối, xuất hồn. Có người ở núi Đạo-vị Chiêm-bao, thấy phía tây hào quang sáng lòa, tòa sen phướng nhạc. Có tiếng nói : « Đường-thế-Lương đã về Cực-lạc. »

LỤC-TUẤN

Đời đường, Lục-Tuấn ở huyện Tiền-đường, lúc trai ở nha-môn, sau thôi làm việc, tu tịnh-độ. Mỗi lần lạy Phật sám hối, nước mắt đầm dề Lâm chung rước thầy Viên-Tĩnh tụng kinh đưa. Thầy Viên-tĩnh tụng kinh thập-lục-quan, tới thượng phẩm liền nói rằng : « Lúc này người đi đặng. » Lục-Tuấn nói ; « Các Phật nhóm chưa đủ, nên tôi nán đợi. Giây lâu đứng dậy lạy. Lại chống tre, ngồi day mặt hướng tây mà tịch. »

NGÔ-TỬ-CHƯƠNG

Trào Nguơn, Ngô-tử-Chương ở phủ Tô-châu, thầy thuốc dòng, với anh là Ngô-tử-Tài, đồng học cùng thầy Văn-Ốc hòa-thượng cả nhà đồng niệm Phật thọ phép. Đến niên hiệu Chi chánh, không đau bệnh chi. Ngồi day mặt qua hướng tây, niệm Phật mà tịch.

LIÊN-HOÁ THÁI-CÔNG

Đời Minh, Liên-hoa thái công là người nước Việt, thiết tha ít oi, ngày đêm niệm Phật chẳng ngớt. Đến mãng phần liệm vô quan tài chưa kịp chôn. Trên quan tài mọc lên một nhánh bông sen. xóm riềng hải kinh khen ngợi mới tin dốt mà cũng vắng sanh.

HOA-CU-SĨ

Trào Minh họ Hoa, ở huyện Giang-can, chơn chất không dối. Tự bé mộ tu Tịnh-độ. Trung niên giao gia-nghiệp cho con, ở riêng lều tranh, không nói tới việc thế, ngày đêm niệm phật hoài. Tới bữa dàu con, bung cơm chay cho cư-sĩ ăn. Sau biết ngày giờ phật rước, nói cho con hay, Từ giả bạn tu, cùng bà còn xóm riêng. Rồi ngồi day mặt qua hương tây niệm phật tới hết thờ.

NGÔ-CU-SĨ

Ngô-Mao. ở huyện Thanh-Dương, là gia đình Ngô-lục-phòng. Trưởng trai làm lãnh, giữ theo giải cấm, bắt câu di, đứng, nằm, ngồi, rãnh thời niệm phật thầm theo phép tu tịnh-độ. Trào Thanh vua Thuận-Trị mới tức vị. Lúc Tã-thị dẫn binh qua sông, nội nhà Ngô-lục-phòng chạy trốn hết. Ngô-Mao giữ nhà cho chủ, bị giặc đâm 7 giáo mà chết. Giây phúc người em về thăm.» Ngô-Mao sống lại nói : « Tội anh nặng quá đáng, lẽ phải đầu thai làm heo bảy kiếp. phật chế cho bị đâm bảy giáo trừ bảy kiếp đặng rước về Tây-phương. Nói rồi chết thiệt. Con ấy chủ nhà trốn ở ngoài ngó lên mây thấy một vị thần, di có phượng rất nghiêm, coi giống Ngô-Mao lắm. Vị thần ấy nói lớn rằng : « Tôi thiệt là Ngô-Mao. về Cực-lạc đi mới đến đây. » Nói rồi biến mất. Người chủ sanh nghi về nhà. Hỏi em Ngô-Mao thuật chuyện lại. . . . Chủ chôn cất trọng thể, vẽ tượng Ngô-Mao đi có cò phượng, thờ mà đáp nghĩa trung tín.

CHÂU-ÍCH-SANH

Châu-ích-Sanh người rần rác xứ Côn-sơn, ở cầu chợ, làm thầy thuốc, ai nghèo thời thí công không bị giá thuốc. Tuy bịnh nghèo rước cũng đi. Cử niệm phật thầm chẳng hờ, y theo phép tu tịnh-độ niên hiệu Khương-Hi năm Ất-tị gần 70 tuổi. nói với người nhà rằng : « Đem giấy bút mài mực, ta đặt

bài kệ mà về tây phương.» Đặt rồi ngồi mà tịch.

THẨM-THỪA-TIÊN

Thẩm-thừa-Tiên ở Côn-sơn, tại chợ Tuyên-Hóa, làm nghề thợ mộc. Trên 70 tuổi, trường chay niệm phật, tu Tịnh-độ. Tuy tay không hờ, đục riều, búa mà niệm phật chang ngừng Khương-Hy năm thứ mười, tháng ba, biết ngày giờ phật rước, Trước ba bữa. Giả từ bà con, bạn hữu, nói ngày giờ mình sẽ vãng-sanh. Từ giả rồi sau không rước khách nữa. Nói với dâu con rằng: « Mai là rằm, cha sẽ vãng-sanh Tây-phương. » Rạng ngày gội tắm thay áo. ngồi day mặt về hướng tây, trước mặt để ghế nghi thấp hương ngồi kiết-dà niệm phật. Ban đầu niệm lớn, lần lần niệm nhỏ, cho tới mồn hơi.

VƯƠNG-MẠNH-LÂN

Vương-mạnh-Lân ở côn-sơn là thầy dạy học trò chơn chất không dối. Có một trai hiệu Tương-thần thờ cha mẹ trọn thảo. Vương-mạnh-Lân tu tịnh-độ, cử niệm phật hoài. Khương-Hy năm thứ 41 thì tuổi đã ngoài 70. Cúi tháng mười có bệnh nhẹ. Ta qua thăm, nhằm đầu tháng 11 Vương-mạnh-Lân nói: « Mười bảy năm vía Di-Đà, bữa đó tôi sẽ theo phật. » Ta nói: « Chứng đó tôi sẽ đến đưa tiên-sanh. » Rạng-đông 17 tôi đến, thấy bệnh, mà sắc vui tươi. Ta nói: Tiên-sanh phải phát lòng bồ-đề từ-bi như phật. Kinh nói: « Tu hành chẳng phát lòng bồ-đề như cây ruộng mà không gieo giống. » Bốn đều thệ nguyện lớn rằng: « Thứ nhứt thệ nguyện độ chúng sanh, thứ nhì thệ nguyện dứt phiền não. Thứ ba thệ nguyện học kinh luật. Thứ tư thệ nguyện thành phật. » Vương-mạnh-Lân gật đầu. Ta nói: « Thầy còn khỏe, tôi về ăn cơm rồi lại. » Kiếu ra sau dặn con là Vương-tương-Thần như vậy: « Nếu Tôn-nhơn ngặt mình nội nhà không nên kêu khóc. Để tắt hơi hai giờ mới dặng khóc. » Dặn xong về ăn cơm rồi qua liền. Vương-mạnh-Lân bảo đỡ dậy, ngồi niệm phật, tắt hơi bao

giờ; Còn Mạnh-Lân có bà con là Trinh--Sanh vốn bà con bên vợ tôi. Cha Trinh-Sanh là Ngạn-Phu, bạn lành xứ ấy, tôn sùng tam bảo, tu theo tịnh độ, Trinh-Sanh tuổi nhỏ, học hay, thói quen kiêu ngạo, không tin phật cho lắm! Ngày kia có bệnh, thấy quỷ đen, cao lớn dị thường, xưng là oan cừu đời trước. Trinh-Sanh sợ hãi mới niệm phật khẩn cầu, cầu vãng sanh cực lạc niệm phật thường thời thôi hờ ra thấy quỷ ấy, nên Trinh-Sanh rân niệm tới mồn hơi. Người nhà thấy mờ mờ như mây khói, bay lần qua hương tây. Tuy không thấy diêm dự-tri và không có mùi hương, cũng không thiên nhạc. Song cứ lý chắc đang vãng sanh. Bởi bình sanh ít tin phật, nên không đăng linh hiển mà chớ.

TÔ-KỶ-SƠN

Tô-kỷ-Sơn tự Khởi-Phụng ở Côn-Sơn, tuổi thơ quyết chí tham-thiền, tìm thầy thông thái, nên nghe rành Tịnh-độ, không dám sát sanh. Tuổi già tu tịnh độ tí, ngộ, mẹo dậu, bốn thì tụng Nhứt khoả không lỗi.

Khương-Hy năm Kỷ-mão, đã 80 tuổi, mùa đông trời lạnh, ôm mền mà ngồi, 26 tháng 11, giờ ngọ nói với cháu là tên Điền-phương rằng: Ông tu Tịnh-độ đã thành. Ba bữa trước, phật mạch bảo giờ vãng sanh, ông không muốn khoe cho chúng biết. Đêm nay tới giờ tí, ông sẽ theo phật. Lúc canh hai, bận áo dài ngồi trước bàn hương án bảo người nhà, niệm phật tiếp với mình. Qua canh ba tiếng ông niệm nhỏ dần, cho tới hết thở.

NGÔ-KINH-SƠN

Ngô-kinh-Sơn ở một xóm với Tô-kỷ-Sơn, cũng người hội liên xã, tuổi 70 muốn học thêm tham-thiền. Tô-diễn-Phương nói. «Tuổi già rồi, tu Tịnh-độ cho mau, mà chắc vãng-sanh hơn tham thiền.» Ông vâng lời, niệm phật ngày đêm chẳng ngớt. Chưa đầy một năm. Bà con Ngô-kinh-Sơn đến nói cho Tô-diễn-Phương hay rằng: «Hồi sớm mai này, Ngô-kinh-Sơn thấy ông Hộ-Pháp hiện hình, tiếp vãng vãng sanh. Nên dặn tôi coi chừng tắt hơi rồi, thời

qua cho ông hay, mà tạ ơn khuyên tu Tịnh-độ, ngồi day mặt hướng-tây niệm phật kể hết thờ.»

VƯƠNG-QUÂN-VINH

Vương-quân-Vinh ở huyện Thái-Thương hồi nhỏ trường trai, giữ ngũ giải học tham thiền cũng khá. Sau coi kinh mộ tu Tịnh độ, mỗi ngày niệm phật muôn câu. Dầu mùa lạnh mùa nực, cũng cứ như vậy. Khương Hy năm thứ 35, mồng hai tháng sáu, biết trước ngày vãng-sanh, thỉnh sãi Kiều-hành ở am Tịnh-Danh đến tụng kinh chứng minh. Đứng bóng thầy Kiều-Hành nói : Bữa sau sẽ vãng-sanh. Vương-quân-Vinh nói : Tôi quyết đi bữa nay.» Lấy bút viết kệ. Bảo con gái mình đem hòm, liền chấp tay mà đi xuôi. Con gái đỡ vào hòm không nổi. Vái rồi nhẹ hồng, đỡ vô quan tài, ông đã 81 tuổi.

ĐỒNG-TỬ-VẮNG Sanh loại (*Các trẻ nhỏ vãng sanh*)

NHI-SA-ĐI (*Hai sãi nhỏ*)

Đời Tùy hai sãi nhỏ ở Văn-châu đồng lòng niệm phật. Sãi trọng hơn thạc trước, đến Cực-lạc châu phật, bạch rằng: «Có sãi tu như tôi, sẽ đặng vãng sanh chăng» Phật nói: «Bởi nó khuyên người tu, người phải trở về ở tu với nó cho có bạn, ba năm nữa sẽ rước một lược». Sãi trọng sống lại, thuật chuyện mới hay. Sau ba năm, hai sãi nhỏ thấy phật hiện rước. Đất động, bông trên trời sa xuống thơm tho, 2 sãi vãng-sanh một lược.

ĐỒNG-TỬ NGUYỄN VẮNG

Đời Đường, Thầy Duy-Ngạn tu Tịnh-độ, siêng năng không mỏi, thấy Quan-Âm Thế-Chí hiện trên không. Duy-ngạn mừng, mua họa chơn-dung, hai vị bồ tát; Xảy có hai người tới xin vẽ, vẽ rồi biến mất; Duy-Ngạn nói với đệ tử rằng: «Ta bữa nay vãng sanh, đưa nào muốn theo cho có bạn?» Trò nhỏ kia xin theo, thầy bảo về thưa cho cha mẹ hay. Nếu bằng lòng thì lạy tạ, rồi lại đi cho mau.» Cha mẹ đồng-tử tưởng nói chơi, nên không

tin, cười rằng: « Tự ý con, còn theo thầy đi về Tây-phương đặng thời cha mẹ cầu lắm ! » Đồng-tử tắm gội thay áo lại ngồi niệm phật trước niêm mới mười câu, hết thớ chết ngồi ! Cha mẹ sửng-sở hết nói chi được, Duy-Ngan cũng lấy làm lạ. đặt bài kệ khen Đồng-tử, rồi ngồi tịch theo.

SU TOÁN

Đời Tống, thầy Toán ở quận Ung-châu, là sãi nhỏ 14 tuổi, niệm phật chẳng ngừng. Ngày kia trúng phong chết giấc sống lại bạch với thầy, cùng cha mẹ rằng : « Phật Di-Đà tới rước, xin cho con đi theo. » Nói rồi ngồi chấp tay hết thớ. Người lối xóm thấy trên mây có tòa-sen báu hảo-quang xẹt qua hướng tây.

HÀ-ĐÀM-TÍCH

Đời Nguơn, Hà-dàm-Tích 18 tuổi, giữ theo giải luật Bồ-tát, niệm phật tối ngày, Đêm nọ, canh tư chỗi dậy. Ai nấy hỏi : « Dậy chi khuya quá vậy ? » Đáp rằng : « Tôi thấy phật vàng ở trên mây, đem phượng-hoa đến rước. » Nói rồi ngồi chấp tay mà lịch.

NGÔ - MỒ

Họ Ngô ở tỉnh Chiết-Giang ông cha đều tú-tài trông trường. Trảo Thanh Thuận-Trị năm đầu, binh tới vây thành, cha mẹ ông bà chạy trốn hết. Họ Ngô bị bắt sống, dựng cho lương-tướng-quân thâu làm lính hầu, mới 13 tuổi nghĩ rằng : « Minh con nhà học-trò, nay làm hèn hạ, cũng tội bấu tiền căn ! » Liên vô chùa vái phật ăn chay-trường. Mỗi đêm tụng một cuốn kinh Kim-Cang, và niệm phật. Đến 16 tuổi Trương-tướng-quân sai đem bạc phát lương cho lính họ Ngô nhìn tiền lương mình, thỉnh tượng phật Di-Đà mua đèn hương về cùng lạy niệm phật và tụng kinh Di-đà. Đến năm Đinh-dậu, 22 tháng mười, họ Ngô bẩm với Trương-tướng-quân rằng: « Tôi muốn về Tây-phương quan

không tin, mắng rằng nói ma ! Bữa sau họ Ngô đến dinh quan Đề-dốc xin phép nghỉ. Đề-dốc giận giao cho Trương-tướng-quân đánh đòn 15 roi, cũng không than trách. Lại từ già các dinh rằng : « Mồng một tháng 11 sẽ về Tây-phương. » Đến ngày ấy, tám gỏi lúc canh năm, rồi bện đồ sạch, thắp hương đèn lạy phật. Rồi lạy tạ Trương-tướng-quân trong thuyền, dâng về theo phật. Trương-tướng-quân tức mình, sai lính đi theo tới chỗ chấ củi làm giàn thiêu. Họ Ngô lạy hương tây ba lạy, lên ngồi trên đong chà bồi, niệm phật rồi ngâm một bài kệ, liền hã miệng phun lửa ra thiêu mình ? Quân lính báo tin thuật chuyện ... Quan tướng các dinh đều tưng lạy đưa Trương-tướng-quân kính phục. Từ này nội nhà ăn chay tu Tịnh-độ, theo cách họ Ngô giảng mọi khi đặt kệ khen rằng.

Thân phi thiết giáp Túc bộ kim-liên
Nguyễn chư tướng sĩ Các trước nhứt tiên

Thích nôm :

Mình mang giáp sắt Chơn đạp sen vàng
Đáng khuyến tướng sĩ Theo tiếp Tây-phang

PHỤ-NỮ VẮNG-SANH LOẠI

(Các phụ-nữ vắng-sanh)

TÙY HOÀNG-HẬU

Vợ vua Văn-đế nhà Tùy, là Độc-cô-thị, tuy làm Hoàng-hậu mà nhảm gớm thân thể dản-bà. Thường niệm Di-dà tu theo Tịnh-độ ngày giáp tí tháng tám mần phần, mùi hương thơm nức trong cung, âm nhạc thính không inh ỏi ! Vua Tùy-văn-đế phản hỏi : Xà-dề-tử-Na rằng : « Điềm lành chi lạ vậy ? » Tàu rằng : « Hoàng-hậu tu Tịnh-độ nay mới bằng Nền Phật ứng điềm lành tiếp-dẫn. »

VỢ ÔN-TỊNH-VĂN

Đời Đường vợ Ôn-tĩnh-Văn ở Tinh-châu bình nằm liệt giường đã lâu. Chồng khuyên niệm phật, vợ vưng lời, năm niệm cả năm. Ngày kia chiêm bao tỉnh giấc, thưa với chồng rằng : « Thiếp thấy phật

mách bảo tháng sau sẽ vãng sanh.» Và dặn cha mẹ răn niệm phật, sau chắc sẽ vãng-sanh như mình. Tới kỳ ngồi dậy, niệm phật mà bỏ xác.

LÝ-THỊ

Đời Tống Lý-Thị vợ họ Hồ, ở huyện Thượng-ngu. Chồng thác rồi, ngày đêm niệm phật và tụng kinh Di-Đà, hơn 10 năm chẳng ngán. Ngày nọ đương ngồi niệm phật, thấy ông sãi cầm khăn điều, phủ đầu nàng mà nói : « Giờ Tí ngày rằm người sẽ vãng-sanh.» Lý-thị hỏi : « Thầy hiệu chi ? » Đáp rằng : « Ta là người người thường niệm đó.» Lý-thị mới tin Di-Đà thọ ký. Liên cho thân thích hay và trời . . . từ giã đủ mặt. Tới giờ ngồi day mặt về hướng Tây, chấp tay niệm phật mà mẩn phần. Người thấy hào quang chiếu sáng. Y lời trời, bảy ngày lục-căn chẳng hoại, còn tư rói như ngủ mê, khi thiêu rồi trong đống tro, lượm không biết bao nhiêu hột xá-lợi. Chỗ thiêu đó, bữa sau mọc một nhành hoa, bông trắng giống như bông trái thầu (Cù-túc).

TRỊNH-THỊ

Đời Tống. Trịnh thị ở huyện Tiền-Đường. Thường tụng kinh Phổ-môn của Quan-Âm. Niệm phật Di-Đà chẳng ngớt. Sau có bệnh, gọi tấm rồi, ngồi day mặt về hướng tây hỏi người nhà nghe tiếng khánh chưa? Nếu có tiếng khánh thời Di-Đà với các phật bồ tát đến rước « không bao lâu mừng rỡ nói « Phật với các bồ tát, đến đủ rồi » Chấp tay niệm phật liền tắt hơi.

VƯƠNG-THỊ PHU-NHON

Đời Tống vợ ông Kinh-vương, là Vương-phu-Nhon tu theo Tịnh-độ. Ngày đêm tụng kinh Di-Đà, niệm phật Các nàng hầu hạ đều học theo. Có một người thiếp bề trẻ. Phu-nhon quở trách, liền ăn năn tụng niệm cần chuyên, không bệnh chi mà thác. Sau về ừng mộng rằng : « Thiếp nhờ phu nhon quở dạy, mới đặng vãng sanh cực lạc

Vương-thị phu-nhơn chưa tin? Sau chim bao thấy người thiếp ấy đem đến ao bấu, thấy một vị mặc áo tiên ngồi toà sen, bèn-sen trước, đề chữ Dương-Kiệt, Một vị bần đồ Triều-đình ngồi toà-sen, đề chữ Mả-Du, thấy một toà-sen vàng để không, hào quang chiếu sáng : quá. Người thiếp chỉ toà-sen ấy mà nói : «Ấy là toà-sen của phu-nhơn sau sẽ ngồi đó» Thức dậy mới tin, càng tu niệm gia bội 81 tuổi, ăn lễ trung-thọ, dung lễ dĩa rồi. Phu-nhơn lại thắp thêm đèn nơi bàn bà Quan-Âm, rồi thắp hương chưa kịp cắm, mà chết đứng trơ trơ trước bàn phật-bà.

LỤC-THI NGHI-NHƠN

Đời Tống Lục-thị, phẩm nghi-nhơn, vợ Triều-thỉnh-vnong tên Dư Lục-thị thường tụng kinh pháp-hoa, tu theo Tịnh-độ. Mỗi lần sám hối, niệm phật muôn câu. Ba mươi năm như vậy. Ngày kia nghe tiếng trống trên mây, bà day mặt về hướng tây, hai tay bắt-ấn mà bỏ xác.

CUNG-THI

Đời Tống Cung-thị ở huyện Tiền-Đường ngày đêm niệm phật, tụng kinh Di-Đà. Sau có bịnh rước thầy Hanh-Luật giảng kinh, giải chưa rồi, bà ngồi chấp tay mà hết thở. Có người thiếp cũng già, niệm phật không ngớt. Đêm nọ Cung-thị về ứng-mộng, mách bảo rằng : «Ta đã về cực lạc. Bảy ngày nữa, ngươi cũng vắng sanh» Đến ngày ấy bà-thiếp đương mạnh, mà chết ngồi.

NI-DIỆU-TRÍ (Hạng-thị)

Đời Tống, Hạng-thị ở vá (goá, có hai người con gái đồng vào am làm cô vải, đặt pháp danh cho Hạng-thị là : Diệu-Trí, niệm phật tụng kinh Di-Đà, vắng sanh. Lúc lâm chung, mùi sen thơm nức cả am. Diệu-trí mỉm cười, trơ mặt hướng tây bắt ấn mà tịch.

Liên trì đại-sư nói : «Phật Thích-Ca gọi di ruột xuất gia, than chánh pháp từ đây giảm dần» Là sợ phụ-nhơn ngộ-sự, làm lỗi cho đạo phật mang tiếng. Nếu phụ nữ

xuất gia đều đặng vãng sanh như 5 cô vải ấy, thời chánh pháp càng thanh. Ngặt ích cô đặng như vậy, nên phật lo cũng phải.

BÙI-THI-NỮ

Đời Tống, Bùi-thị-Nữ ở quận Phần-Dương Tu Tịnh-độ niệm phật không ngừng. Lúc lâm chung biết trước ngày giờ, thắp hương lạy phật, rồi nói rằng: «Phật đem toà-sen rước ta vãng-sanh.» Nói rồi; thấy bông trên mây sa xuống, ngồi niệm phật xuất hồn.

THẨM-THI

Đời Tống, Thẩm-thị hồi còn bé, trường trai niệm phật, tu Tịnh-độ. Lớn gả cho họ Chương, cũng tu như vậy, bố thí dân đói. Lúc có bệnh, niệm phật không ngừng. Thấy phật với các bồ tát hiện trước mặt, nói cho người hay, chấp tay mà tịch.

TÔN-THI

Đời Tống, Tôn-thị ở huyện Từ-Minh và chồng niệm phật tu Tịnh độ tụng kinh Di-Đà, ba mươi năm chẳng xao lãng. Sau có bệnh chiêm bao thấy lạy sám hối. Tỉnh giậy rước sãi tụng kinh giúp. Bà ngồi trước, tụng kinh Di-Đà, tới câu «nhứt tâm bất loạn». Tay tả bà bắt ấn mà thác gối. Ai nấy đều nghe trên mây có tiếng nhạc thanh-thé.

LÂU-THI

Đời Tống, Lâu-thị tự Huệ-Tịnh, gả cho quan tự-bộ là Châu-nguyên-Khanh. Hay xem Truyền-

dăng-lục, tỉnh ngộ tu theo Tịnh-dộ, niệm Phật chẳng ngừng. Đến già có bệnh nhẹ. Thấy bông-sen sắc đỏ sậm, hoá Phật rất đông, mùi thơm lắm ! Dậy bảo người nhà niệm Phật tiếp, giây phút ngồi mà mãn.

TẦN-THỊ

Đời Tống, Tần-thị tên Tịnh-Kiên gồm nhóm thân gái, trưởng trai niệm Phật tụng kinh Di-Đà, rảnh xem kinh Hoa-Nghiêm, kinh Pháp-hoa, kinh Quang-minh, kinh Bát-nhã, không ngày nào lười. Hôm mai tụng Di-Đà, y kỳ lạy sám hối, lâu năm thấy hào-quang chiếu vào phòng ngồi day mặt về hướng tây, niệm Phật mà bỏ xác.

LƯƠNG-THỊ-NỮ

Đời Tống, Lương-thị-Nữ ở quận Phần-dương, bình dui cặp mắt. Gặp người tu, khuyên niệm Phật. Ba năm mắt sáng lại như cũ, sau thấy Phật với các Bồ-tát, đem phướn và bửu cái, tán báu, liền ngồi mà mãn phần.

TUÔNG-THỊ

Trào Thanh, Tuông-thị, ở huyện Hưng-Hoá 40 tuổi, chồng thác khóc nói với con rằng : «Quĩ vô thương đến bất hồn, không ai thể dặng. Nếu nay mẹ thác, con cũng không biết làm sau, từ này mẹ ăn chay trường niệm Phật, không dự đến việc nhà nữa». Con cũng vâng lời. Cất nhà cho mẹ ở riêng, thờ Di-Đà mà tu niệm. Con cứ mỗi bữa dùng cơm chay, bà tụng kinh, và niệm Phật 5 năm không dứt. Thuận-trị năm canh tí ngày 20 tháng năm, nói với con rằng : «Con mua vàng mỏng đóng khám giờ Ngọ 23, mẹ sẽ về Tây-phương»

đi từ tạ bà con nói xong rồi. Đến ngày ấy, bà vô khám, ngồi mà niệm phật thở ra lửa thiêu hết cả khám.

HẠ-THỊ

Trào Thanh, Hạ-Thị ở huyện Ti-Lăng, là vợ Phan-hương-Cao, Cũng là cư-sĩ trong phật. Vợ chồng đồng tu Tịnh-độ, hay tụng kinh Kim-Cang, hôm mai tụng Nhựt-khoá, niệm phật y phép.... Khương-Hi năm Canh-thân, tháng bảy có bệnh, biết trước ngày 29 giờ ngọ từ thế, nói trước con cái hay. Đến kỳ con trai con gái đi mời các thiện-hữu đến niệm phật tiếp. Bà ngồi niệm phật kê măn phần.

LỤC-THỊ

Trào Thanh Lục-thị ở huyện Thái-thương, vợ Trương-qui-Tur ở ngoài ãi Đại-Tây Lục-thị trường chay hồi 17 tuổi niệm phật tụng kinh Kim-cang, và chú Đại-Bì, hôm mai thường tụng Nhựt-khoá. Thấy ai sát sanh, hay niệm phật cứu độ. Khương-Hy năm thứ 42 tháng chín, thấy thuyền chèo về Tây-phương, tại trên mây. Những người khiêng kiệu chèo ghe, đều là thầy sãi. Quá ba ngày, ngồi niệm phật mà vắng sanh, nhắm 26 tháng chín.

ÁC-NHƠN VẮNG-SANH-LOẠI (Những kẻ dữ mà đặng vắng-sanh)

TRƯƠNG-THIỆN-HOÀ

Đời Đường Trương-thiện-Hoà làm hàng bò trâu. Lâm chung thấy trâu bò đến cả bầy, nói tiếng người mà đòi thường mạng. Sợ hối vợ rước sãi tụng kinh sám hối. Sãi nói : « Kinh Thập-Lục-Quán có nói : « Lâm-chung thấy quỷ dữ. Nếu lòng thành niệm phật cũng đặng vắng-sanh. » Trương-thiện-Hoà nói ma quỷ tới nhiều lắm ! Đợi lấy hương chắc không kịp ! Tay mặt cầm đèn, tay trái thắp hương day mặt về hướng tây niệm phật, chưa đủ mười câu, dùng nói lớn rằng : « Phật đến rước ta rồi. » Nói dứt lời chết ngồi . !

HUỲNH - KHA

Đời Tống, sãi Huỳnh-Kha, tuy xuất gia mà còn ăn thịt

uống rượu. Sau ăn năn rằng : « Minh thầy sãi mà như vậy, nửa đoạ Địa-ngục mới làm sao «Cây các sãi đem truyền vãng sanh đọc cho mà nghe. Ngồi day mặt về hướng tây nghe đọc hết một tích, thời đứng dậy niệm phật mà lay một lay. Khi đọc hết rồi. Huỳnh-Kha cứ ngồi niệm phật luôn ba ngày đêm bỏ cơm. Ngũ-guc chiêm bao, thấy phật mách bảo rằng. «Sở ngươi còn mười năm nữa, phải ráng mà tu? «Vià Huỳnh-Kha lay phật bạch rằng: «Cỏi thế gian độc ác tội tu sao nổi mười năm. Xin phật rước về cực-lạc mà tu, hầu hạ các bồ-tát ». Phật nói ; « Ngươi tình nguyện như vậy, thời niệm phật ba ngày nữa, sẽ qua rước hồn. «Huỳnh-Kha nhỉnh đời luôn, niệm phật mãi. Đủ ba ngày đêm, cây các sãi tụng kinh Di-Đà đưa mình. Một lát nói lớn rằng : «Phật với các bồ-tát, qua rước ta». Nói rồi quì lay, dậy ngồi day mặt về hướng tây, niệm phật mà chết ngồi.

TRỌNG-MINH

Đời Tống, Trọng Minh ở huyện Sơn-Âm, chùa Báo-Ân, không giữ ngũ giới. Lúc bệnh mới nói với bạn tu là Đạo-Ninh rằng; «Nay ta loạn tâm, thuốc chi trị được » Đạo-Ninh nói: Cứ niệm phật mãi, Trọng-Minh y lời, niệm sòng bảy ngày hơi đã đuối quá Đạo-Ninh bảo tưởng tượng phật. Trọng-Minh y lời, tưởng thét, ngó thấy hai vị bồ-tát rồi thấy Di-Đà, liền nhắm mắt chết ngồi.

Người dử cầu vãng-sanh, niệm phật phải lòng thành bằng trăm phần. Niệm phải lớn hân chăm hăm, mới trong mười hơi thở, có phật đến rước hồn. Nếu lo ra xao lãng, tưởng pha việc chi, phật không rước ắt sa địa-ngục.

ÁC THỦ VẮNG-SANH LOẠI

(Loại vật biết nói tiếng người, đặng vãng-sanh)

LONG-TỬ

Kinh Bồ-tát-Xứ-Thái rằng; «Có một con rồng, nói với chim Đại-bàn rằng; «Từ ta đầu thai làm rồng chẳng hề sát-sanh, hoặc vùng vẫy cho tôm cá chết. Thường niệm phật Di-Đà, đến lâm chung, chắc về Cực-lạc cỏi phật Di-Đà». Sau thành Long-thần, phong chức Thiên-long như Hộ-Pháp.

ANH - VÕ

Đời Đường niên hiệu Trinh-Nguơn. Tại quận Hà-dông, có nàng Bùi-thị nuôi một con keo (như két mà lớn, Tàu kêu Anh-võ). Bởi nó biết nói như sao-sáo, bắt chước niệm phật thường, quá giờ Ngọ thời chẳng ăn. Rồi lại niệm phật mười hơi mới chết. Chủ đốt thữ coi, được mười mấy hột xá-lợi, sáng ngời như hột châu chói mắt. Sãi Huệ-Quan thấy vậy, xây tháp nhỏ, đựng những hột xá-lợi vào hộp nhỏ, để trong tháp gọi là tháp Anh-Võ. Có dựng bia, khắc chữ thuật tích nọ. Quan phủ Thành-Đô là Doãn-vi-Cao, có đặt truyện ấy.

CÙ-DỤC (Sáo)

Đời Tống núi Huynh-Nham, chùa Chánh-Đăng ông họ Quan có nuôi một con sao-sáo, niệm phật không ngừng ? Ngày kia con sáo chết đứng trong lồng. Chủ đào chôn nó. Không bao lâu mọc lên một nhánh bông sen đỏ sậm, moi thữ coi, góc nhánh sen trong miệng nó ! (Chắc là cái lưỡi hoá sen.)

LOẠI CÙ-DỤC (Cưỡng)

Huyện Đàm-Châu có người nuôi một con cưỡng nó thường niệm phật, tới nó chết người chủ lấy hộp mỏng đựng mà chôn. Sau cũng mọc lên một nhánh bông-sen hương, moi góc sen, dính cái lưỡi nó: «Thiệt là thổ liên hoa».

Liên-Tri đại-sư nói: «Người ta bây giờ hay dạy con Keo (anh ca) với sáo cưỡng niệm phật chơi, nó cũng niệm ít tiếng như nhái, chớ không niệm thường, nên chẳng thấy con nào vãng-sanh nữa: Ôi ! ví như người tin mà niệm hết lòng, còn kẻ niệm cầm chừng lấy có. Nên cũng thời niệm phật có người chẳng dặng vãng-sanh, so với Keo, Sáo, Cưỡng kia cũng thế.

TRUYỆN THẮNG-LIÊN CƯ-SĨ LA-DOẢN-MAI
Trào Thanh, La-doản-Mai ở huyện Lâu-dông,

xưng hiệu Vô-thiên cư-sĩ. Sau gọi Thăng-Liên cư-sĩ? Bởi tích như vậy : Khương-Hy năm thứ 40 mùa thu, La-doãn-Mai bình trở, tính đặt kệ từ trần. Xảy nghe trên không nói lớn rằng: «Thăng-liên cư-sĩ? Còn sống một kỷ, đừng đặt kệ từ trần hãy nằm êm mà nghĩ?» Tự nhiên chỗi hỏi hết bệnh Bà con bằng hữu nghe rõ ràng, đều lấy làm lạ ; «Biết phật đặt thêm hiệu riên: «Từ ấy không kêu Vô-thiên cư-sĩ nữa. cứ gọi Thăng-liên cư-sĩ theo tiếng kêu thình không. Nhắc lúc cư-sĩ, còn trong bụng mẹ. Cha chiêm bao thấy sải đèn ngũ dõ, sáng ra liền sanh cư-sĩ bởi không uống nước mê, nên biết sự tiền căn. Đến hốn năm tuổi. nhờ cha mẹ kiếp trước hình dung làm sao, ở tại xứ nào. Ngày kia ôm cột xây bồ bồ, chống mặt té nặng. «Bị mẹ đánh thêm, khóc ngất nằm liêu mê mang tỉnh lại quên hết sự kiếp trước. «Cứ theo tích này, thời trong xứ nói: Dương-thức-Tử, Đồng-thanh-Kiến, Tô-dồng-Pha, đều biết tiền căn, gằm thiết, không nói dối»? Lúc vào trường học, không ham chơi giỡn, chẳng theo thói trẻ thơ. Vì vậy nên học mau thông lắm: Ai cũng kể chắc, thi đỗ đầu khoa. Cha là La-tịch-Chi, thấy con hay ươn yếu, cũng quá không cho đi thi. Cư-sĩ cũng tùy ý cha, tuy cần học mà không tập bài khoa-cử. Cỏ đặt một hiệu sách giải buồn, gọi là Huýnh-diệp-Thảo «cỏ úa» Lấy tâm tánh mà đặt văn-chương theo thơ Lý-thái-Bạch Đỗ-tử-Mỹ.... Vì hồi nhỏ có học huyện đạo dân «thể-thao» theo tiên. Sau học tham-thiền với sãi Tiết-nham-Lão-Nhơn, thiết gồm tam-giáo. Lúc trung niên lo gánh vác việc nhà, cho cha thông thả, nhọc nhằn phụng dưỡng, hiếu kính trọn niềm, nuôi cha mẹ tới mãn phần trọn đạo, ai nấy đều khen. 52 tuổi bình nặng, tính đã đủ một kỷ rồi, thân bằng sợ theo điềm nói tiên tri, con bình 12 năm trước. Mà Cư-sĩ không kể chi, cứ lo tu với làm phước. Vì xưa xứ này ít ai tu Tịnh độ nhờ cư-sĩ lập bốn chỗ Liên-xã mà khuyên tu. Từ ấy xứ này, nhiều người niệm phật. Đêm nọ chiêm bao thấy phật mách bảo rằng : « Người khuyên tu Tịnh-độ, công

đức lớn lắm ! Nền còn sống nữa, chưa vãng-sanh đâu.»
Thức vậy bình lành, thuật chuyện ai nghe cũng lấy làm lạ. Cư-sĩ tánh hiền lành, hay lo làm phước, bày lập sở phóng-hạnh, cất nhà nuôi để với con nít mồ côi ! Lại quyên bố thí dân đói, các sở ấy cư-sĩ làm đâu ra số bạc nhiều làm gương. Tu nhiều âm chất, làm lành theo công-quá-cách kẻ chẳng xiết, niên hiệu Khương-Hy năm Kỷ-sửu cần việc trị dân (cứu nạn chết đói). Quan trên biết cư-sĩ có tài sửa đổi phong tục hết hư trở nên tốt. Đại-trung-thừa là ông Vu-Công, tặng biển ban khen, Cư-sĩ chối từ không dặng. Mùa đông năm kỷ-vi có hai người ở một xóm, đem đồ thể mà vay một trăm lượng bạc, đi mua bông vải tại xứ Sùng-xuyên-thuyền đến miếu bà Thiên-Phi, coi số bạc trong thuyền mất hết ! Bấy người trong thuyền đều trở về. Hai chú lái, tính cáo quan tra vấn kẻ gian. Cư-sĩ châu mày than rằng : « Nếu cáo tới quan thời kẹp khảo mà tra hành hình thảm thiết lắm ! Tra nhằm kẻ gian trước thời đáng tội, e người ngay rủi khảo oan ! Ấy là năm tên bạn. Ngặt hai người quá gian ở Gia-hưng xa quá ! Mùa lạnh này bị giam, ai đem cơm đem áo ? E đói lạnh mà khốn chẳng ? » Liền trả đồ thể chừa lại, xé giấy bỏ một trăm lượng-bạc của mình không đòi, dặng bãi vụ cáo quan tra khảo ! Nói nhóm một việc này, sự khác cũng tựa tựa như vậy, cư-sĩ chịu thiệt bỏ qua cũng nhiều lần. Hôm mồng 5 tháng 5 này, cư-sĩ thấy ta đến viếng, thời mừng quá nói rằng : « Ta muốn đặt bộ (Tây-Qui-Trực-Chĩ) khuyên người tu Tịnh-độ, phải cây ngọn búp Tiên-sanh mới xứng. Xin đặt nảo cho mau, dặng khắc bản kéo trề Ta liền chịu lãnh về chọn dư trăm hiệu kinh, những khoản nào dạy tu Tịnh-độ, thời góp vô đây, cũng phụ ý hèn chút đỉnh. Chép làm bốn quyển cho trọn bộ 14 tháng 6 mới rồi, nay là rằm liền đem nảo qua huyện Lâu-đồng cho cư-sĩ xem tới đây nghe nói mới hay, cư-sĩ đã vãng-sanh hôm qua, là lúc ta dọn Tây-Qui mới rồi nảo ? Ghi tích Cư-sĩ vãng-sanh hiển-hiện cho rành. Ngày mồng hai tháng sáu, cư-sĩ biết ngày giờ, phát định rước nên đi sửa hàng-rương rồi hết. Dặn con đợi ta đem nảo Tây-Qui qua thời mượn khắc bản lập tức, in dặng cho người coi theo đồ mà tu hành. Đến mồng sáu gọi tám thay đồ mới

đả rồi, ngồi mà đặt kệ rồi niệm phật nhắm mắt đã hết thở hơn một giờ. Bị bà con kêu khóc điếc tai ? Cư-sĩ sống lại, mở mắt trách rằng ! « Sao báo ta trễ hết bảy ngày nửa ? » Rạng đông ngày 14 nói : « Bữa nay đèn kỷ nhĩ, phật định rước ta, đừng kêu khóc nữa. » Bữa hôm qua có thầy Kiền-Hạnh, với ít người thiện-hữu có mời trước đều tới y kỳ, đặng niệm phật giúp. Qua giờ thỉnh Cư-sĩ ngồi nhóng dậy nói rằng : « Đại-sĩ đến rồi. » Liền chấp tay niệm phật hết thở. Ôi ! Trong trăm việc đều đối đặng, chớ sự thất dễ đối lắm sao ? Cư-sĩ vãng sanh rành rẽ như vậy chẳng phải mới nói một ngày một bữa chi đây. Cư sĩ có một trai tên Triệu-Chĩ, dâu lớn họ Thần, dâu nhỏ họ Châu đều hiền thảo như con trai. Còn ba cháu nội, học hành đương phát. Ta đem nảo kinh Tây-Qui đến, sẵn thấy việc vãng-sanh minh bạch; nên ghi vào bài vãng-sanh chót. Và biên bài kệ Cư-sĩ đặt từ thê bốn câu đây.

Thất thập nhứt niên. Tha trước bì đại,

Kim nhứt tậ hạ. Hà đặng tự tại,

Thích nôm :

Bảy mươi mốt năm. Mang cái xát phàm,

Ngày nay cội đặng; Vui về dư trăm,

Ở núi Ngọc-phong em Liên-Xả, là Châu-mộng-Nhan, tự Tư-Nhơn, hiệu An-Sĩ, cúi đầu ghi bài vãng sanh mới này.

Phụ bài văn khuyên PHẬT-LONG BỒ-ĐỀ

(Của Tỉnh-Am pháp sư đặt)

Kẻ bất tiểu hạ ngu sai phạm tên Thiệt Hiền thừa với các vị hiện tại đây cùng thiện-nam tin nử nhậm lời :

Học đạo trọng phát tâm là trước.

Tu hành cầu lập nguyện làm đầu.

Lập - nguyện độ chúng sanh mới đặng.

Phát tâm tu quả vị mới thành.

Nếu phát tâm chẳng đặng rộng to,

Thời lập nguyện có đâu bền chắc.

Tuy tu nhiều kiếp cũng luân hồi,

Dẫu niệm cả đời còn khổ nảo.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : « Nếu quên lòng bồ-đề đầu tu

phước lành cũng mang tội ? » Quên còn dạy thay, huống chi chưa phát tâm độ chúng cho nên phép luật Như-Lai thời phải lập tâm lòng Bồ-tát.

Bởi phát tâm lập nguyện nhiều cách khác nhau.

Phải thích nghĩa chỉ đường một lần đủ thể.

Chánh tà thiết đối lớn nhỏ méo tròn,

Tám việc phát tâm không giống.

Một lần thích nghĩa cho mình,

Hoặc vụ tiếng đồn, hoặc cầu danh lợi, hẳn thiết phát tâm tà. Không cần khen trọng, miễn dặng vãng-sanh, mới là theo ý chánh.

{ Trên noi phát pháp, dưới độ chúng sanh.

{ Biết lỗi thời chữa, biết lầm thời sửa,

{ Đường Cực-lạc xa mà không ngán. Độ chúng-sanh nhiều cũng chẳng từ (*là phát tâm chơn*).

{ Biệt tội không bỏ, biết lỗi không chữa.

{ Trong trước ngoài thanh trước siêng sau trễ,

{ Tuy lòng tốt bị lợi danh mà lảng, dẫu trí minh vì tội lỗi mới nhớ (*là ôm lòng dối*).

{ Hết lòng tế độ chúng-sanh đông.

{ Rán sức tu hành kinh luật khó (*ấy là phát tâm to*)

{ Miếng dặng độ mình thành chánh quả. Đã dành

{ bỏ chúng mắc luân hồi (*ấy là phát tâm nhỏ*)

{ Dễ mới chịu làm. làm lấy có, khó thời lại bỏ,

{ bỏ như không. Muốn khuyên sợ trễ công tu,

{ mong cứu e vương đều hại (*là phát tâm méo phải chữa*).

{ Thề lòng như Phật chẳng lao xao, thương chúng như mình nên răn độ.

{ Miền dặng vẹn trên vẹn dưới chẳng so, công

{ chúng công mình (*thiết phát tâm tròn khá răn*)

Dùng phát tâm : Thiết Chánh Lớn Tròn.

Bỏ hư nguyện : Đối Tà Nhỏ Méo,

Tường chia tám món. Gốc tại mười duyên.

Một cảm đức Phật trời. Hai biết ơn cha mẹ,

Ba nhờ đức tôn sư Bốn đền công thí chủ.

Năm thương nghĩa chúng sanh. Sáu ghê đường sinh tử,

Bảy tôn trọng tánh linh, Tâm ăn năn tội lỗi.
Chín cầu sanh an-dưỡng. Mười đề phép lâu dài.

THỨ NHỨT CẨM ƠN PHẬT

Phật tu nhiều kiếp, Phật khổ nhiều đời.

Thương tội nghiệp mà dạy khuyên, sợ giam cầm
nên cứu độ. Đặt kinh truyền đạo, Phật Di-đà bảo
niệm bảo tu. Rủi sanh đời mặt kiếp, may gặp nẻo
vãng-sanh. Đền Phật pháp là chi, độ chúng
sanh bởi đó.

THỨ NHÌ ĐỀN ƠN CHA MẸ

Chịu mang ơn mười tháng, cho bú 3 năm chịu chữ
cù lao một lòng bảo dưỡng. Miệng nhai cơm búng
lưỡi lọc cá xương. Mẹ năm ước, con năm khô.
Con lo ăn cha lo cửa. Song thân đã mất, không
phương độ. Cứu phẩm lo tu có thể tiêm. Thế niệm
Phật vãng-sanh, cầu cha mẹ đời này, sớm về Cực-
lạc. Rán tu chơn chứng quả, tìm xuân huyên kiếp
trước, lần tới Tây-phương.

THỨ BA NHỚ ĐỨC TÔN-SU

Thầy truyền đạo Phật khỏi luân hồi, thành quả lớn
thầy nhờ danh tiếng.

Thầy dạy chữ nho còn tọa-lạc, tiêm cõi xa thầy
dặng siêu thăng

THỨ TƯ, ĐỀN CÔNG THÍ CHỦ

Cửa tam-bảo án no mặc ấm, tu cho : thí chủ
dặng nhờ. Tiền của thập-phương, uống thuốc xài
thường chỉ rõ : Âm-nhơn khỏi dọa. Nay đối tu,
thong thả tháng ngày. Sau phải dọa đến bởi cơm áo

THỨ NĂM THƯƠNG NGHĨA CHÚNG SANH

Cuộc thế tợ rạp cao, còn người như kếp hát. Đời
thay nhiều lớp biết ai mẹ ai con. Luân chuyển luân
hồi, tưởng người dung người lạ. Đời nay thù oán,
té ra cha mẹ trước mà không hay, thuở ấy kiện
thừa, dâu rõ vợ chồng xưa nên chẳng nhờ. Lưu lạc
thơ ngây, lớn gặp mẹ cha còn bỏ ngỡ. Luân hồi
xa xác nên lắm anh chị dễ xem nhìn. Nên lo độ
hết chúng sanh, thiết răn cứu chung quyền thuộc.

Thấy kinh dạy mới tường căn cước, nhờ phật truyền, nên rõ khúc khiu. Chưởi dành nghe, nhân nhục phước nhiều, thù cũng độ từ bi lượng rộng.

THỨ SÁU GHÊ ĐƯỜNG SANH TỬ

Làm người sánh với đất trời, nữ đề quỉ Vô-thường kéo cổ. Học đạo theo cùng phật tổ, phải so vì Bồ-tát nên danh Ghê thay trẻ mau già, già mau thất, thất luân hồi, biết được vầy chẳng? Mừng quá học đặng hiểu, hiểu đặng hành, thành quả vị, chắc vui thể ấy.

Khỏi ba đường ác-đạo, không lo Diêm-chúa còn hành. Học sáu phép thần thông, rần độ chúng sanh cho hết.

THỨ BẢY TÔN TRỌNG TÁNH LINH

Tánh phật như mình, bởi giác mà thành, ngồi đặng tòa sen thứ nhứt. Tánh mình như phật, vì mê mà đọa, tu nên quả-vị đứng đầu. Sánh cùng bồ tát tu dày công ai cũng như ai. Học với Thích-Ca, đặt nhiều sách chúng đều độ chúng. Ngọc trắng bấy lâu lem luốc, nay trao dồi cho chiếu hào quang. Châu ngời sắp tới sáng trưng, rày sẵn sóc mới nên tư chất. Người đặng tòa sen hạng nhứt, lẽ nào mình chịu thứ nhì. Phật cho tiếng nhạc sanh đôi, há dễ ta cam độc chiết.

THỨ TÁM ĂN NĂN TỘI LỖI

Thập ác đừng cho vương vấn, giữ như sơn, mới đặng vắng-sanh. Tam qui phải tập vuôn tròn, sạch thể ngọc mới trao quả vị. Năm màu dục cõi trần dễ nhốm, áo trắng phau khéo giữ mới toàn. Bốn vách tường trong thể hay giăng, chỉ cứng sẵn chớ tuông mà ngã. Công siêu quả đọa đừng cho phạm quả, đặng thêm công. Hiếu chánh dâm tà, chớ khá tham dâm, lo vẹn hiếu. Ba ma, năm cấm, ngày đêm gìn giữ khỏi tuông pha? Ba bậc tam điều, khuyên sớm trao dồi thêm tỏ rạng. (Giải định huệ gọi là ba bậc học tập tám điều là 8 điều mục).

THỨ CHÍN CẦU SANH AN DƯỠNG

Tu Tịnh-độ, một trăm phần dễ, mỗi ngày niệm phật, gấp không quên. Lạy ăn năn, mười mấy giờ cần, mỗi tháng tẩy tâm sao cũng rần. Lòng nhàm Đông-Độ, coi sắc thân mai nở chiếu tàn. Chí mộ Tây-phương, trông thiên nhạc sớm sang trưa rước. Nóng về cực-lạc, rần tu

cho đặng kim đài. Muốn độ ta bà, phải hũy không cần nhục thể.

THỨ MƯỜI ĐỀ PHÉP LÂU DÀI

Rán biện bạch gom về đạo chánh thiên hạ khối tu làm Lo tài bồi, tỏ đặng phép màu, chúng sanh nhờ niệm tắt. Dẹp hết mối tà, còn nẻo chánh, để dạy muôn đời. Treo thường gương trí phá tình si, nguyện truyền bốn thế. Chịu uốn lười dài năm tắt, độ muôn người, thành đủ muôn người. Dám nài công khó một đời để ngàn kiếp học nên ngàn kiếp. Mười duyên xét đủ, tám món chia rành, biết ngộ phải đặng đi hoài, cứ đường ngài mà bước tới. May đặng mình người tài chót Vượt lên cõi Phật ngôi cao. Nhờ biết chắc lòng tin, khỏi lo làm dạ ngại. Xem hiểu chơn kinh giáo hóa. Mừng noi tịnh độ tu trì. Lúc này nên phát đại tâm. Thuở khác mới thành hoằng nguyện. Xin thiện tín, thương lòng chơn thiết, xét đọa siêu, soi dạ lo lường. Lòng bồ-đề, phát bốn lời nguyện. Công tể độ, vớt muôn nhà Phật. Kẻ chưa phát nay lo tấn phát. Người đã hành rày rán tu hành. Đừng sợ khó mà thối lui chớ dễ người mà hờ hững. Mưa bão trỗi, mà không sẵn-sức. Đừng muốn mau mà chẳng lâu dài. Đừng kỳ bện mà không tu. Chớ lười thôi mà chẳng rán. Chớ tham cửa mà rằng chẳng rành. Đừng liễu mình mà gọi không phần. Trồng cây kia vun mãi lâu năm rễ cạn cũng ăn sâu. Mài dao nọ đẩy hoài vài bữa tránh chì đều hóa bén. Sợ rễ non chẳng đặt bỏ héo hoài ra giống bất tài. Chẽ dao lục không mài, để xét lụng thành đồ vô dụng. Tu niệm mệt mấy hồi sau khoái lạc thảnh thơi muôn kiếp. Lười thôi qua một thuở nữa tử sanh khổ não nhiều đời. Thả bè bấc nhả độ trầm luân muôn triệu về cực-lạc. Đam pháp vắng sanh đưa trí huệ, hăng hà dắc đến Tây-Phương. Từ Địa-ngục còn muốn lên ăn năn cầu đã muộn. Cửa từ-bi, đã chịu mở dùi dắc cho mau. Thuở trước si-mê đánh lộn mãi Ngày nay tỉnh ngộ khá về liền. Mê kêu chẳng tỉnh rần kêu hoài. Biết bao không làm nên bảo tới. Nếu ghé địa-ngục tu Tịnh-độ phải cần bằng góm vô-thường niệm vắng-sanh chớ trễ. Trên kiên luật Phật dưới thuận lòng trời. Mảng kiếp chẳng dời. Trọn đời đành giữ. Một mảy trong lòng tưởng quấy e mất chánh tâm. Mấy câu ngoài miệng nói

hiền khỏi mang ác khẩu. Lòng ngay làm sự thiệt. Nguyên cả gắng công dày. trời tuy cao lòng nguyện cũng cao vâng là chắc, sức làm mới chắc. Thiện-hữu không chê lời biện bạch. Chúng sanh dặng hưởng phước tiêu diêu. Từ đây liên-xả thêm nhiều. Sắp tới phật môn mở rộng đồng lên miền tịnh-độ, dặng ra mắt Di-Đà, chia độ cứu Ta-bà đồng nhờ về cực-lạc, cũng bởi ngày nay lập nguyện rộng cả công bình Hảo nhờ thuở trước phát tâm, lớn tròn chơn chánh tu thời thành phật, độ chắc dặng người trên cầu thiện hữu nhậm lời, dưới nguyện chúng sanh chịu phép.

Tây-Qui Trục-Chỉ

CUỐN THỨ TƯ (đủ rồi)

Phụ người đời có năm cái tâm. Luận cái tâm đó nó tóm các hình tướng muôn pháp, pháp trong đời pháp ngoài đời, cũng là cái tâm, muôn pháp muôn việc cũng cái tâm nó sanh ra hình tướng khác nhau. Sóng lại cái tâm phân ra làm năm. 1° Nhục-doàn-tâm nó là cục thịt hình trạng như bắp chuối ở trong xác thịt người đời, nhục-doàn này, cũng như loài vô tình, như cây như đá không biết chi hết 2° diên-lự-tâm, nó hay lo lắng xét nghĩ phải quấy, hình trạng như lửa cháy đồng ruộng cháy hết sức rồi tắt đã tắt rồi phát lên cháy nữa, tâm-diên-lự này là cái vọng tưởng 3° Tập-khởi-tâm nó hay dấy sanh hình trạng như hột cỏ hột trái cây, hột lúa giống, giấu cất để cùng trái đất nó là tập khí. Chữ tập là dấy tập, chữ khí là khí vị, là không khí, thí dụ như dấy tập học bá-nghệ, dấy nghề nào biết nghề nấy, cũng như vải trắng nhuộm các thứ màu, muốn nhuộm thứ nào cũng dặng hột, cũng như đi gần vườn hoa, không thấy cái thơm mà biết thơm, cũng như miếng vải gói vật thúi hôi, đã bỏ vật ấy rồi, miếng vải còn hôi, gói vật thơm cũng in như vậy. Chúng ta gây nghiệp lành nghiệp dữ, nó nhiễm dính theo cái

lượng tâm, nên nói thiên đường địa ngục, cũng tại lượng tâm, dầu trăm kiếp ngàn đời chỗ gây nghiệp gì cũng chẳng mất, 4°. Lại gia tâm nó là cái thần hồn, khi đầu thai nó đi trước, đến chết nó ở rớt sau, hình trạng như ruộng đất tốt, trồng giống nào cũng không chê, các thứ giống đều ưa hết, trồng thứ nào mọc thứ nấy.

Cái tâm lại da này cũng như con quỉ vô minh, vì bởi lằng xằng rối loạn che phủ tối bít cho nên không tỏ thấu, không biểi chi hết. Bốn cái tâm nói trên đó là cái vọng tâm mỗi niệm, mỗi niệm không ngừng hoặc sanh hoặc diệt không chừng.

5°. Chơn như tâm là cái phật tánh, hình trạng đồng như hư không, khắp các pháp giải, cái tâm chơn như này là tịch diệt, tuy vẫn lặn mà tỏ thấu, tuy tỏ thấu mà vẫn lặn. cái chơn như này thiệt là cái chơn tâm đời quá khứ, đời hiện tại đời Vị-lai có một cũng như cái chơn tâm này làm chủ tạo hoá, nếu như không lựa chọn phân rành cho tỏ, sợ e nhận lầm cái vọng mà tưởng là chơn, thời cái lỗi đó không phải là nhỏ, hỡi vậy ông Châu-tư-nhơn tóm gộp các kinh, lời nói của phật của tổ vấn đáp phân rành, mở bày chỉ tỏ, nguồn rễ vọng tâm, bày chỉ cội gốc chỗ tu chứng. Nên ông Tư-Nhơn làm bộ sách này đặt đề mục là, TÂY-QUI-TRỰC-CHỈ, tôi biên phụ bài này nơi sau đây cho chư tôn xem xét.

Ông Châu-tư-Nhơn thiệt là người xừ của phật mà đi đưa dò, bộ Tây-qui Trục-chỉ cũng như phi-xa đưa khách bộ hành đi cùng không thì tự ý.

KIM-HUÊ-TỰ :

HẬU HỌC SA-MÔN CHƠN-TRUYỀN ĐỀ



h
o
v
on
on
cho
h
u-
a
v
og
Tu-
QUI-
cho

u của
ng như
hi tự.

EN BÈ

